

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần III

Mi Tiên Vấn Đáp

Hòa Thượng Giới Nghiêm

Phần III

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA (tiếp theo).....	4
148. Không nên cho kẻ phạm tục xuất gia trong giáo hội thanh tịnh của Đức Bổn Sư!.....	4
149. Thân thọ khổ, tâm có thọ khổ chăng?	14
150. Giải thêm về "tâm không động"	17
151. Người đã phạm " <i>bất cộng trụ</i> ", <i>xin tu lại</i> , có đắc được đạo quả không?	18
152. Cư sĩ phá giới và sa môn phá giới, hậu quả tội lỗi nặng nhẹ ra sao?	21
153. Nước có sanh mạng chăng?	24
154. (Trùng với câu hỏi 141)	26
155. Trên thế gian này cái gì không sanh?	26
156. Bạc A-la-hán còn phạm giới?	28
157. Cái gì không do nhân, nghiệp, thời tiết sanh?	31
158. (Trùng với câu hỏi 157)	35
159. Sao không thấy tử thi của dạ xoa?	35
160. Tại sao Đức Thế Tôn không cấm chế giới luật một lần?	36
161. Mặt trời có bệnh chăng?	39
162. Lại bệnh của mặt trời nữa!	40
163. Về chuyện Bồ tát Vessantara bố thí vợ con.	41
164. Chư Phật quá khứ có tu khổ hạnh không?	55
165. Năng lực của thiện và ác nghiệp, cái nào mạnh hơn?	64
166. Hồi hướng phước có hiệu quả không?	69
167. Hồi hướng "ác" có được không?	70
168. Tại sao có chiêm bao?	73
169. Chết đúng thời và chết không đúng thời	77

170. Tại sao nhập Niết bàn lại có hiện tượng phi thường?	83
171. Chúng sanh nào có khả năng đắc đạo?.....	84
173. Tại sao không diễn tả Niết bàn một cách cụ thể?	90
174. Làm cho rõ Niết bàn?	96
175. Niết bàn không ở đâu cả!	100
176. Có ai thấy Phật không?	103

SỰ CHUẨN BỊ CỦA ĐỨC VUA VỀ NHỮNG CÂU HỎI MENDAKA (tiếp theo)

148. Không nên cho kẻ phạm tục xuất gia trong giáo hội thanh tịnh của Đức Bổn Sư!

- Thừa đại đức! Trẫm nghe rằng giáo hội của Đức Tôn Sư trong sạch, quý báu, cao thượng lắm phải chăng?

- Tâu, vâng.

- Trong giáo hội ấy, tất cả Tăng chúng và Ni chúng đều là người đã chứng đắc các quả vị thanh tịnh cả chăng?

- Tâu, không hẳn thế. Có rất nhiều vị đắc quả Tứ thánh. Có nhiều vị đang trên đường. Có nhiều vị còn ít phạm tính. Có nhiều vị còn nhiều phạm tục, lắm tham, sân, si v.v...

Các bậc thanh tịnh, cao quý đã chứng đắc quả Thánh thì sẽ làm cho giáo hội trang nghiêm, đẹp đẽ, tôn quý hơn lên, chúng ta không đề cập ở đây. Những vị đang trên đường kiên trì, tinh tấn thực hành giáo pháp thì trước sau cũng đạt được mục đích tối thượng, chúng ta cũng không đem ra bàn. Trẫm chỉ hỏi đến hai hạng người cuối: những vị *nhều phạm tính* và *ít phạm tính* - những vị ấy có khả năng chứng ngộ đạo quả chăng? Hoặc trong tương lai, họ sẽ ra sao?

- Tâu, có thể có người đạt quả vị nhỏ hoặc không đắc đạo quả nào cả. Có vị không đắc đạo quả nào nhưng được phước báu trời, người. Có vị chỉ như là gieo duyên cho vô lượng kiếp về sau. Cũng có nhiều vị như muống canh ở trong nồi canh, chẳng ném được hương vị của giáo pháp, cho dầu nhiều đời họ khoác phẩm mạo sa môn. Có nhiều vị sau khi tu không được gì, họ hoàn tục; như ngựa quen đường cũ, tật nào tánh nấy, sống đâu cũng hư dối, gian ác, tham lam, lọc lừa... Như thế là trong giáo hội còn có rất nhiều người hư, xấu, chứ không phải ai cũng tốt đẹp cả đâu.

- Những kẻ như thế mà sao Đức Tôn Sư vẫn để họ tồn tại trong giáo hội? Đức Phật không sợ người ta chê bai, phỉ báng giáo hội, rằng giáo hội ấy quả là rất xấu xa nên có người xuất gia cũng rất xấu xa! Tại sao Đức Thế Tôn không ngại họ làm như uest giáo hội?

- Những vị tỳ kheo xấu xa, như uest ấy có liên quan gì đến sự thanh tịnh của giáo hội đâu!

- Tại sao không liên quan? Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Con sâu làm rầu nồi canh. Lý nó vậy làm sao đại đức biện hộ được?

- Đại vương nghĩ thế nào, ví như có một chiếc hồ trong vắt, mát mẻ, có người con trai mình đầy bụi đất muốn đến đây tắm cho sạch sẽ, nhưng y vừa lội xuống đã vội bước lên. Thế là bụi đất ở trên người y vẫn còn nguyên. Có người thấy vậy, không chê chàng thanh niên mà lại chê cái hồ nước: "*A! Cái hồ nước ấy quả là bất tịnh, nó dính đầy dơ uế, bụi đất*". Lời chê trách ấy có đúng chăng, đại vương?

- Ai lại chê cái hồ bao giờ! Có chê là chê chàng thanh niên làm biếng, không chịu kỳ cọ tắm rửa thân thể cho sạch sẽ.

- Cũng thế, ai lại chê trách giáo hội bao giờ, đại vương! Có chê là chê vị tỳ kheo không chịu rửa ráy tâm mình bằng giới luật cho sạch sẽ, không chịu thiên định để cho tâm được tĩnh lặng, bình hòa, an ổn. Lỗi ở ai thì đại vương biết rồi!

- Vâng!

- Giáo hội của Đức Bổn sư vốn không có dơ bợn, bao giờ cũng quý báu, cao thượng, trong sạch. Tuy nhiên, cũng rất là thường tình khi trong giáo hội ấy có những phạm phụ tục tử vào tu không phải với mục đích cao thượng, chỉ nhắm đến những mục đích hạ liệt như: kiếm miếng cơm manh áo, tích lũy tư sự cúng dường, được thân cận bậc quyền quý, cao sang, tìm chỗ nhàn hạ, thanh thoi, tham vọng lãnh đạo tăng chúng v.v... Với hạng người ấy, đa phần là những kẻ lười biếng tu tập; chỉ có ăn và ngủ, nhìn ngắm nữ giới, chọc ghẹo nữ giới; chẳng theo pháp học, pháp hành; không chịu thọ đầu đà, không thọ trì giới luật dù lớn dù nhỏ; tà mạng lang thang nhà thí chủ này, thí chủ kia để xin vật này, vật nọ. Khi tích lũy, tom góp được của cải, tài sản rồi; những kẻ ấy mang về cho gia đình, quyến thuộc, vợ con; hoặc nếu chưa có vợ con thì đem cho những người nữ, quyến rũ những người nữ để lợi dụng dâm dục, làm việc bất tịnh, xấu xa. Chúng ẩn mình trong chiếc y cà sa, lợi dụng tín tâm của nhiều người để thỏa mãn tham vọng, mưu đồ, để thỏa mãn tham muốn thấp hèn. Chúng ở đâu cũng phóng túng, bừa bãi, ăn nói lố lăng, đi đứng vung vãi; không hề biết hổ thẹn với đám đông, với mọi người v.v...

Tuy nhiên, tâu đại vương! hiện tượng ấy cũng tự nhiên như vàng ngọc thì ít nhưng đá sỏi đất cát thì nhiều. Đá sỏi đất cát nhiều, vàng ngọc càng quý hiếm như thế nào, thì các bậc xa rời trần cấu càng trở nên quý báu, cao thượng chừng ấy! Không thể chê trách hồ nước, chỉ nên chê trách chàng thanh niên ở

trong hồ nước sạch mà không chịu tắm rửa. Giáo hội và những người xuất gia phạm phụ tục tử cũng y như thế. Đức Phật là bậc Toàn Giác, thấy rõ thế gian, thông suốt thế gian, ngài biết rằng: những kẻ xấu xa bất tịnh ấy, vài ba kiếp về sau, ngàn kiếp về sau, hoặc lâu xa hàng vạn kiếp quả địa cầu, chúng cũng sẽ được cứu độ, tâu đại vương!

- Thật là kinh khiếp! Trẫm hiểu rồi, nhưng còn muốn nghe ví dụ.

- Vâng, ví như có một bệnh nhân ở gần nhà một vị lương y đại tài. Vị lương y ấy sau khi xem bệnh, chẩn bệnh, kê cho một toa thuốc, bốc thuốc rồi dặn bệnh nhân ấy rằng: "*Thuốc này chữa được bệnh của anh, nếu uống mười thang như thế. Vậy hãy lấy siêu đồ vào ba chén nước, sắc còn tám phân, lần thứ hai, đổ vào hai chén rượu nước, sắc còn sáu phân, trộn chung lại, chia làm hai lần mà uống. Khi uống thuốc xong, phải kiêng cử không nên ăn vật này, vật nọ.*" Bệnh nhân nghe nhưng không sắc, không uống. Cũng có thể có sắc, có uống nhưng không đúng liều lượng như vị lương y đã chỉ bày. Cũng có thể có sắc, có uống đúng liều lượng nhưng không chịu kiêng cử. Thế là bệnh nhân không lành. Trường hợp ấy thì nên trách thầy thuốc hay trách bệnh nhân?

- Trách ai thì trẫm hiểu rồi.

- Bệnh nhân kia không uống thuốc, hoặc có uống nhưng không đúng liều lượng, có uống nhưng không biết kiêng cử; tương tự như các hàng xuất gia phạm phụ tục tử trong giáo hội của Đức Bổn Sư đấy, tâu đại vương!

- Vâng!

- Ví như có người nghèo đói nọ không có cơm cháo ăn, một người giàu có, nhiều thiện tâm, thấy vậy nói rằng: "*Vậy mỗi ngày hãy đến nhà tôi ở đầu phố, mang theo đồ đựng vật thực, cơm cháo tôi để dành sẵn nơi cái bàn ở mái hiên, mang về ăn để chiến thắng cái đói.*" Nhưng người nghèo đói kia làm biếng, ngại đường xa, không chịu đi lấy cơm cháo. Chuyện ấy biết trách ai bây giờ đại vương!

- Làm biếng thì ráng chịu đói, kẻ ấy dù có chết cũng chẳng ai thương. Người ta còn khen sự thiện tâm của người giàu có: "*Cơm cháo để dành sẵn cho kẻ đói nghèo.*" Tương tự thế, kẻ xuất gia ngu si không ném được hương vị của pháp, nuôi dưỡng tâm tính hạ liệt, nhiều bợn nhơ, cấu uế; trong lúc giáo pháp của Đức Tôn Sư luôn dành sẵn "*cơm cháo thơm ngon, bổ dưỡng*" cho đủ mọi căn cơ trong xã hội. Người ta không chê trách giáo hội mà còn khen giáo hội luôn mở

rộng cửa kho tàng cho những ai siêng năng, đến đây lấy "*vật thực nuôi tuệ mạng*" cho mình. Đúng là giáo hội có lòng từ, có tâm bi mẫn đối với chúng sanh vậy.

- Ngợi khen, tán dương không có lý nghĩa gì đối với Đức Tôn Sư, nhưng thế gian, những người có trí họ sẽ ngợi khen tán dương giáo hội là chuyện có thật!

Đức vua Mi-lan-đà ngấm ngợi giấy lát:

- À, cái gọi là "*vị ngon ngọt, bổ dưỡng*", để "*nuôi dưỡng tuệ mạng*" là những gì vậy, thưa đại đức?

- Tâu, đại vương hãy nghe đây. Vật thực, đồ ăn ngon bổ thường mang đến sự tham đắm, tham luyến. Vật thực, đồ ăn ấy không chỉ là những thứ dùng để *ăn nơi miệng* mà còn mang nghĩa rộng hơn: đây là tất cả "*vật thực ngũ trần*" mà ngũ căn (*tai, mắt, mũi, lưỡi, thân*) muốn ăn!

Tham đắm, tham luyến ngũ trần thường dẫn đến hành động xấu xa tội lỗi. Người xuất gia trong giáo hội thường được Đức Phật dạy về pháp môn Tứ niệm xứ - tức là bốn chỗ quán niệm: *niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp*. Niệm *thân bất tịnh* là đề mục đầu tiên, sơ cơ nhất cho mỗi hành giả. Phải thấy rõ sự *bất tịnh* của thân, thường dành cho những người nhiều tham, nhiều dục, nhiều mê đắm!

- Tâu đại đức! Tại sao thân lại *bất tịnh*?

- Tâu, nó bất tịnh, vì cái gọi là *thân* ấy chỉ là tổng hợp của tóc, lông, móng, răng, da, đờm, dãi, bao tử, ruột non, ruột già, nước mắt, phần, ghèn v.v..., nói đủ là ba mươi hai thể trước.

Người nào chuyên niệm thân đầy những uế trước ấy, thấy rõ được uế trước ấy; sẽ nếm thưởng được những vị ngon ngọt, cao quý, những phần thưởng cao quý:

Thứ nhất là, được uống nước cam lồ của thiên cung (*ý nói phước báu cảnh trời*).

Thứ hai là, nếu niệm thân mà có định, khi lâm chung, khỏi rơi vào 4 đường ác (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la*)

Thứ ba là, nếu niệm thân được tốt, ái dục và phiền não tương đối yên lặng (*có định*), hành giả phát triển tuệ quán: quán thân đi, đứng, nằm, ngồi, co, duỗi v.v..., đây được gọi là "*nuôi dưỡng tuệ mạng*", vì nó là con đường của tuệ giác, giác ngộ, giải thoát.

Tâu đại vương! Đây là hàm nghĩa "*cứu đời*", "*ngon ngọt bổ dưỡng*" cũng như "*nuôi dưỡng tuệ mạng*"! Xin đại vương hãy suy gẫm.

- Thưa, rõ ràng lợi ích thứ ba ấy cao quý nhất. Từ niệm thân mà sang quán niệm có thể xuất ly cả ba cõi: dục, sắc và vô sắc; có thể chấm dứt sinh tử luân hồi, vĩnh ly phiền não và đắc quả Niết bàn! Ôi! *ngon ngọt bổ dưỡng* đến thế là cùng. Tuy nhiên, thưa đại đức, trầm lại phát sanh thêm một hoài nghi.

- Xin tự nhiên cho!

- Vâng. Tại sao Đức Tôn Sư và các vị Thánh Tăng không dạy cho cư sĩ thực hành ngang chỗ ấy; chỗ thấy rõ thân bất tịnh, cấu uế; ngũ trần bất tịnh, cấu uế? Hãy cho họ đặt được bàn chân đầu tiên trên lộ trình của giáo pháp, cho họ uống được tí xíu ngon ngọt bổ dưỡng của hương vị pháp màu rồi hãy cho họ xuất gia? Nếu được như thế thì giáo hội của Đức Tôn Sư sẽ hoàn hảo xiết bao? Hoàn hảo và hoàn toàn trong sạch, cao quý, cao thượng!

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Đại vương quả có lòng tốt cho giáo hội, nhưng việc "bảo vệ" ấy xem ra có gì không ổn, đại vương biết chăng?

- Xin đại đức bi mẫn chỉ dạy?

- Vì lòng thương yêu bá tánh không có chỗ tắm rửa sạch sẽ, đại vương cho làm một cái hồ lớn, nước trong mát mẻ. Sợ nước hồ dơ bẩn do quá nhiều người đến tắm, muốn bảo vệ nước hồ sạch, đại vương ra một bảng cáo thị: "*Ai đến đây tắm cũng được, nhưng mọi người hãy tắm sơ sơ ở đâu đó, rửa tay, rửa chân, kỳ cọ thân thể cho bớt dơ bẩn, ít đất bụi mới cho phép xuống hồ!*" Cái bảng cáo thị ấy nghe có lọt tai không, đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà đưa tay gãi đầu:

- Ờ... ờ! Quả là không được nhỉ!

- Dạy cho người cư sĩ tại gia bớt cấu uế mới cho xuất gia, có khác gì tắm trước mới cho xuống hồ, hở đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà cười xòa:

- Thật không có ví dụ nào sát sao hơn!

- Cái mà chúng ta gọi " *rửa ráy cho sạch sẽ sơ sơ, kỳ cọ tắm rửa cho bớt cấu ứ, nếm tí xíu vị ngon ngọt của pháp, đặt được bàn chân đầu tiên trên lộ trình của giáo pháp*" - những nhóm từ ấy nghe thì *thường thường* - nhưng thực ra, phải tu nhiều đời nhiều kiếp, căn cơ sâu dày mới được vậy, đại vương hiểu chăng?

- Thưa, chưa rõ.

- Đây là cách nói khác của quả vị Thánh nhân đầu tiên: là khai mở tuệ nhãn, là đã bắt đầu đi vào dòng Thánh, là đặt được bàn chân đầu tiên trên mảnh đất bất tử - là ám chỉ quả vị Tu đà huờn, tâu đại vương!

- À, ra thế!

- Những bậc ấy, những vị ấy, dù họ có tu hay không tu, dù họ xuất gia hay tại gia; sáu, bảy kiếp lưu lạc cõi trời và người nữa thôi, họ sẽ đắc quả Bất hoàn hoặc Vô sanh A-la-hán, tâu đại vương!

- Xin ghi vào lòng!

- Nếu Đức Phật và chư vị Thánh Tăng đại Trưởng Lão, dạy cư sĩ được ngang chỗ ấy - chỗ bắt đầu đi vào dòng Thánh ấy - thì việc xuất gia còn có nghĩa lý gì với họ nữa mà nói chuyện xuất gia, phải không đại vương?

- Thưa phải!

- Đắc quả Thánh đầu tiên có nghĩa là mọi phận sự họ đã làm, và làm tốt, rồi từ từ họ sẽ giảm bớt cấu ứ! Thấy được bệnh, đã uống thuốc và đã lành bớt bệnh mà còn đến nhà thầy thuốc xin chẩn bệnh là việc làm của người ngu đần, tâu đại vương!

- Đúng thế! Có bệnh mới đi tìm thầy thuốc. Bớt bệnh thì cứ vậy mà uống, tịnh dưỡng, nghỉ ngơi, kiêng cử, thời gian sau sẽ lành thôi.

- Tương tự thế, những người đã đắc quả Tu-đà-huờn, xuất gia không có nghĩa lý gì với họ nữa, trước sau gì, ở đâu, họ cũng giác ngộ, giải thoát thôi!

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Người có bệnh mới đi tìm thầy thuốc. Cũng thế, Đức Phật sẽ không ngăn cấm người tại gia nhiều cấu ứ, nhiều bệnh; cứ để cho họ xuất gia trong giáo pháp của ngài.

- Vâng, đúng thế. Ví như đại vương thấy xóm làng kia thiếu ăn, đại vương cho người nấu rất nhiều cơm, cả hàng trăm phần, rồi bố cáo rằng: "*Ai đói thì cứ đến lấy cơm ăn theo ý muốn.*" Người muốn thì đến lấy cơm ăn, người không muốn thì họ sẽ không đến lấy ăn, giản dị vậy thôi.

- Quả vậy.

- Đức Thế Tôn từ bi tế độ chúng sanh, như đại vương bố thí cơm vậy. Sẽ có một số người đến xin xuất gia, số người khác sẽ không đến, hoàn toàn tự do, tùy ý. Trong số xuất gia ấy, có một số biết làm bổn phận của mình và làm tốt bổn phận của mình, đã đi vào dòng Thánh hay đang trên đường đi vào dòng Thánh. Số ấy thường ít. Còn số đông không biết bổn phận của mình, không làm tốt bổn phận của mình hoặc phá hoại, xem thường bổn phận của mình, tâu đại vương!

- Thưa, vậy chính số đông phàm phu tục tử, ngu si ấy làm như bản, cầu ướ giáo hội đấy, đại đức!

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Giáo hội không bao giờ cầu ướ, bất tịnh đâu, đại vương chớ lo về điều ấy. Nó có mấy lý do. Thứ nhất, một thời gian ngắn, những kẻ ấy cũng hoàn tục, trở lại nếp sống cũ trước đây của họ. Thứ hai, những kẻ xấu xa ấy ở trong phẩm mạo tăng tướng sa môn, nếu họ không hoàn tục sớm cũng hoàn tục muộn; vì họ sẽ nóng nảy, bất an, khoác chiếc y mà như khoác cái lò lửa! Thứ ba, những kẻ đầy cầu ướ họ sẽ được giáo pháp cảm hóa chút chút, họ sẽ sống tốt hơn thuở xưa!

Đại vương có biết tại sao phát sanh ba trường hợp nêu trên không?

- Thưa, không rõ!

- Tâu, vì có năm đức tính quý báu, cao thượng của bậc xuất gia, của tăng tướng sa môn. Chính nhờ năm đức tính ấy mà nó "đẩy" người xấu hoàn tục sớm, "đẩy" người xấu hoàn tục muộn hoặc cảm hóa, thậm chí kẻ xấu cho được tốt hơn.

- Trẫm rất muốn nghe năm đức tính cao thượng vi diệu ấy.

- Tâu, năm đức tính ấy là:

Trước tiên, bậc xuất gia là phẩm mạo sang cả, có địa vị lớn, phước báu lớn, chức năng, chức danh lớn.

Tiếp đến, bậc xuất gia có trạng thái trong sạch lớn, thanh tịnh lớn.

Thứ ba, bậc xuất gia không thân cận với người xấu ác (*ác tâm, uế tâm*).

Thứ tư, bậc xuất gia sẽ đắc những pháp cao siêu, cao thượng rất khó khăn, thế gian khó thấy, khó hiểu, khó biết được.

Thứ năm, bậc xuất gia luôn có Tứ thanh tịnh giới làm đất đứng, chỗ tựa vững chắc, làm sức mạnh cho mình.

- Xin đại đức hoan hỷ giảng cho từng điểm một, cho sáng rõ ý nghĩa: *Giáo hội không bao giờ cầu uế, bất tịnh?*

- Vâng. Chúng ta sẽ đi từ điểm thứ nhất: "*Bậc xuất gia là phẩm mạo sang cả, có địa vị lớn, chức danh, chức năng lớn, phước báu lớn*" là tại sao?

Bậc xuất gia ví như ngôi vua chí tôn, chỉ để dành cho những người đã có tích trữ phước báu sâu dày. Phước báu là tên gọi chung chỉ cho *y báo* và *chánh báo*. *Y báo* và *chánh báo* cũng mới chỉ là tên gọi chung để chỉ cho tất cả những phước báu thọ hưởng trên đời này, đó là: địa vị, chức tước, phẩm hàm, phú quý, tiền bạc, công danh, vợ con, gia sản, quyền thuộc, kiến thức, dung mạo, trí tuệ v.v... Trên thế gian, phước báu của vua là đệ nhất. Phước báu ấy nó phù hợp với ngôi vua ấy, đức vua ấy.

Giả dụ một người ít phước báu hoặc không có phước báu, nghĩa là một người nghèo hèn, ngu dốt, đui què mẽ sứt, vô học... mà đặt lên địa vị ngôi vua thì chuyện gì sẽ xảy ra, đại vương?

- Sẽ phát sanh rất nhiều sự nguy hại, tai hại xảy ra cho chính đức vua ấy. Có thể bị tấn suất, bị giết, bị các quan đại thần khinh bỉ, thế gian cười chê. Cuối cùng, y không thể ngồi yên trên ngai vàng, luôn cảm thấy nóng nảy, bất an; nếu không bị ai giết thì y cũng cảm thấy xấu hổ, đau khổ, và tự động rút lui, xin trở về làm thường dân!

- Cũng tương tự thế, kẻ ít phước báu, nghĩa là kẻ đần độn, si mê, xấu ác... mà xuất gia trong giáo pháp của Đức Tôn Sư sẽ bị Tăng lữ khinh bỉ, mọi người cười chê; cuối cùng y sẽ nóng nảy, bất an; cảm thấy đau khổ, xấu hổ... mà xin hoàn tục, trở về với cuộc đời!

Đức vua Mi-lan-đà cảm thán:

- Ôi! Chính nhờ năng lực của đức tính thứ nhất này, nó "đẩy" người xấu kia ra khỏi giáo hội! Lạ lùng thay mà cũng vi diệu thay! Xin đại đức cho nghe điều thứ hai?

- Tâu: "*phẩm mạo xuất gia vốn hàm tàng sự trong sạch lớn, thanh tịnh lớn*"! Tại sao lại như thế? Đại vương! Ngài nghĩ như thế nào! Ví như những giọt mưa, những hạt sương rớt trên lá sen, chúng chỉ chạy lướt qua, lăn trôi đi, rơi đi chứ không thể dính trên lá sen hoặc ngấm sâu vào lá sen được! Tại sao thế? Tại vì lá sen trơn láng, trong sạch; nó đẩy đi tất cả những thứ gì có thể bám dính vào! Giáo hội của Đức Tôn sư, phạm hạnh của bậc xuất gia bản chất cũng giống như lá sen ấy. Những kẻ lạm mạo tăng tướng, xuất gia trong giáo pháp này mà có tâm địa không tốt, lường láo, khoe khoang, gian manh, xảo trá, phá giới - sẽ tự mình chuốc lấy sầu khổ - một lúc nào đó cũng phải trượt đi, rơi đi... không tồn tại trong giáo pháp kia được, phải hoàn tục thôi. Đây là năng lực vi diệu có từ đức tính thứ hai này.

- Vậy cho trẫm nghe tiếp điều thứ ba, tức là "*đức tính không thân cận bậc xấu ác*", thưa đại đức?

- Tâu, vâng! Ví như biển cả trong sạch, vốn không bao giờ dung chứa vật bất tịnh, bất cứ xác chết nào lớn hoặc nhỏ, người hoặc thú; nếu trôi xuống biển lớn, một lúc nào đó sóng sẽ đánh dạt những tử thi ấy vào bờ. Biển luôn luôn dọn sạch những vật bất tịnh để giữ gìn sự thanh khiết cho mình. Cũng tương tự thế, những kẻ bất tịnh, xấu xa, ác tâm, tà tâm, hung dữ, thô bỉ, trước hạnh, lười biếng, ngu tối... sẽ không thể tồn tại lâu dài trong giáo hội của Đức Tôn Sư. Phẩm mạo xuất gia và giáo hội ấy không thể làm bạn, gần gũi kẻ xấu ác được. Biển dấy, sóng xô lên bờ các vật bất tịnh như thế nào thì bản chất thanh khiết của phẩm mạo xuất gia cũng dấy, cũng xô chúng đi như thế. Đây là ý nghĩa thứ ba, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu, xin cho nghe tiếp điều thứ tư.

- Tâu, vâng! Ví như một người căn cơ chậm lụt, ngu đần, chẳng học được văn chương, hay võ nghệ, chỉ đeo đuổi cái nghề bán cung mà thôi. Nhưng nghề bán cung cũng không dễ gì. Người thầy chỉ dạy cho kiến thức cơ bản: tay cầm, mắt nhắm, chỗ đứng, hướng gió v.v..., nhưng y cũng không thể nào bắn trúng mục tiêu. Chán nản quá, y bỏ đi, không học nữa, trở thành kẻ vô công rồi nghề, ăn bám xã hội. Loại người này do thiếu phước, do nhiều kiếp tạo nghiệp ác, nên kiếp này si mê, đần độn, ngu xuẩn, ăn nói bập bẹ, phều phào, nước dãi chảy đầy mồm miệng, hay quên, hay lẫn... chẳng làm được bất cứ một việc gì trên đời này. Những kẻ ấy không thể học được nghề bán cung thì làm thế nào có khả năng, trí tuệ để học hỏi giáo pháp Tứ diệu đế nhiệm màu, cao siêu - đòi hỏi tinh tấn, kiên trì, chú tâm, tỉnh giác - là những đức tính mà không bao giờ y có thể có

được. Người học bắn cung chán nản bỏ đi như thế nào, thì người ngu si kia cũng sẽ hoàn tục, bỏ đi như thế!

- Rõ ràng lắm! Đại đức hoan hỷ cho nghe thêm điều thứ năm: "*Bậc xuất gia có Tứ thanh tịnh giới làm nền tảng, làm đất đứng, là sức mạnh của mình.*"?

- Ví như một đám quân rời rạc, yếu ớt, không có dũng cảm... bước vào chiến trận, nhìn xung quanh thấy quân địch bao vây hàng hàng lớp lớp, gươm giáo sáng lòa, đồng loạt xông tới. Sợ hãi quân địch, đám quân ấy run rẩy, khiếp sợ, bèn vội quăng giáo, đua nhau chạy trốn. Cũng vậy, những kẻ xuất gia trong giáo hội này có tâm địa tráo trở, làm việc xấu xa, tà hạnh, bất chánh... sẽ có tâm sợ hãi, khiếp nhược... khi sống giữa hội chúng thanh tịnh. Năng lực thanh tịnh của phẩm mạo xuất gia toát ra một sức mạnh, một hùng lực... bao vây lớp lớp xung quanh, làm cho kẻ xấu ác run rẩy, sợ hãi, quăng y, quăng bát, trở về hoàn tục cũng giống như thế.

- Thật là hay lắm vậy. Tất cả những kẻ xuất gia xấu xa ấy, rút lại, bị đẩy ra ngoài hết, bản chất của giáo hội thanh tịnh thì vẫn là thanh tịnh.

- Đúng thế! Ví như hoa sen là cao quý, hương thơm ngát so với trăm hoa, sắc màu tinh khiết, nhã đạm. Ai cũng ưa và ai cũng thích. Đại vương bảo thuộc hạ trồng một hồ sen để thưởng thức. Hôm kia rảnh rỗi, bệ hạ ra hồ sen ngắm cảnh cho thư thái tâm hồn. Sắc hoa sen đẹp và hương thơm ngạt ngào. Nhưng ngắm kỹ, có khá nhiều hoa bị sâu đục, cắn đài hoặc khóet nhụy, bệ hạ tức giận lắm. Sau bình tĩnh nghĩ lại, biết bắt tội ai bây giờ? Bắt tội người trồng, không thể, bắt tội sâu, không thể. Bắt tội những cây sen bị sâu khóet đục, cũng không thể. Giữa đất trời này có gì là hoàn hảo? Vả, hồ sen vẫn khoe sắc và tỏa hương! Dẫu có những đóa bất toàn nhưng không vì vậy mà hồ sen thiếu sắc, thiếu hương!

Giáo hội của Đức Tôn Sư, phẩm hạnh của bậc xuất gia dẫu không được như ý muốn của đại vương; dẫu có những kẻ bị sâu đục khóet, nhưng giới đức, định đức, tuệ đức, giải thoát đức vẫn khoe sắc và tỏa hương ngạt ngào. Những sa môn đệ nhất quả, đệ nhị quả, đệ tam quả, đệ tứ quả, biện tài, thần thông, tuệ phân tích, thuyết pháp, đầu đà, mật hạnh, thiền định... vẫn tỏa sáng như những ngôi sao giữa bầu trời trong vắt, đại vương có thấy thế chăng?

- Quả đúng vậy.

- Lại nữa, ví như có người trồng lúa Sàlilohitaka [*], nó có đặc tính: hễ nơi nào có lúa Sàlilohitaka, thì nơi ấy, lúa Sàlikarumabaka cũng mọc lên chen dày không có

chỗ hờ. Nhưng lúa Sàlikarumabaka không thể làm hư hại lúa Sàlilohitaka, vì nó mọc lên ở đâu thì nó bị diệt mất, tiêu hoại ở đấy. Cũng thế, những người vào tu trong giáo hội, không được hưởng chút hương vị nào của giáo pháp, hoàn tục trở lại cuộc đời. Như thế, chúng cũng "mọc" lên như lúa Sàlikarum-abaka, chúng cũng tự tiêu hoại như lúa Sàlikarumabaka, không hai, không khác.

[*] *Tên một loại lúa, thơm ngon và quý nhất.*

- Ví dụ hay lắm.

- Lại nữa, ví như ngọc ma ni làm cho thành tựu mọi điều mơ ước con người, gọi là ngọc như ý. Không tỳ vết, gọi là ngọc như ý, có tỳ vết chút ít, cũng gọi là ngọc như ý, cũng thành tựu mơ ước cho mọi người giống nhau. Những người xấu xa xuất gia trong giáo hội, làm cho giáo hội thanh tịnh có tỳ vết. Có tỳ vết, hay không có tỳ vết thì giáo hội vẫn thanh tịnh, vẫn tỏa hương thơm ngào ngạt, vẫn thành tựu mơ ước cho mọi người, vẫn lợi ích cho chư thiên và nhân loại.

- Đúng thế!

- Lại nữa, ví như chiêm đàn đở. Chiêm đàn đở toàn hảo, không bị sâu ăn, không bị hư mục..., nó tỏa hương thơm ngào ngạt. Nhưng chiêm đàn đở khiếm khuyết, hư lũng, bị sâu ăn... vẫn tỏa hương thơm ngào ngạt. Dẫu những tỳ khuu xấu tồn tại trong giáo hội hoặc hoàn tục về nhà, giáo hội ấy vẫn là chiêm đàn đở; những phẩm mạo xuất gia trong phạm hạnh ấy, toàn thể ấy, hương thơm ấy vẫn xông ngát đến bốn cõi Tứ đại thiên vương!

Đấy là tất cả mọi kiến giải ngu hèn và vụng về của bản tăng, mong đại vương chỉ giáo thêm cho.

- Không dám. Ai mà làm thế thì cái đầu của hắn sẽ bị vỡ thành bảy mảnh.

- Mô Phật!

149. Thân thọ khổ, tâm có thọ khổ chăng?

- Thưa đại đức! Khi thọ khổ phát sanh, bậc A-la-hán chỉ thọ có một khổ thọ ấy, còn phàm phu thì thọ luôn cả hai thọ khổ, có phải vậy chăng?

- Xin đại vương nói rõ hơn một tí nữa.

- Thưa, có nghĩa rằng, bậc A-la-hán *chỉ thọ có một khổ thọ ở nơi thân*, còn phàm phu thì *thọ khổ cả thân lẫn tâm?*

- Đúng thế.
- Vậy khi thân A-la-hán đau, tâm vị ấy không đau sao?
- Tâu, vâng!
- Có nghĩa là thân và tâm vị A-la-hán không liên hệ gì với nhau cả!
- Không phải thế, nó tương quan liên hệ với nhau.

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Đại đức không cảm nghe là kiến giải ấy mâu thuẫn nhau ư? Thân và tâm liên quan, nhưng khi thân thọ khổ mà tâm không thọ khổ? Lý lẽ ấy chẳng thuyết phục chút nào?

Đại đức Na tiên cũng mỉm cười:

- Vì đại vương chưa chứng nghiệm điều ấy nên đại vương hoài nghi. Vì đại vương chưa làm chủ được tâm mình nên không thấy rõ tâm của các vị A-la-hán. Các bậc ấy làm chủ được tâm nên khổ thọ của thân không chi phối tâm của các ngài được. Đơn giản chỉ có vậy.

- Điều ấy nghe thì có vẻ đúng, nhưng suy nghiệm kỹ cũng không hợp lý. Tại sao? Đáng ra, khi các ngài làm chủ tâm, thì các ngài làm chủ được cả thân mình chứ?

- Thân không làm chủ được, tâu đại vương!

- Tại sao?

- Khi thân đau, đại vương có thể bảo "*thân đừng đau*" được không?

- Không thể.

- Khi cái thân bị già, yếu, tâm có thể bảo rằng: "*Thân! mà đừng già, yếu*" được chăng?

- Thưa, thật không thể.

- Không những chỉ có già, đau, chết... mà còn nóng, lạnh, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, buồn ngủ v.v... hằng đi theo thân, chi phối thân khắp ba cõi sáu đường - mà tâm chẳng làm gì được, chẳng sai bảo, nhắc nhở gì được. Nghĩa là tâm không thể làm chủ thân được.

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Trẫm tạm thời chấp nhận như vậy, nhưng tại sao trong giới luật của Tăng-già thường hay nhắc nhở: *thu thúc thân*?

- Thân không làm chủ được nhưng thu thúc được. Thu thúc nghĩa là rút lại, bó buộc lại... đừng cho thân mạnh động mà tạo nên những thân ác nghiệp như sát sanh, trộm cắp v.v... Mong đại vương hiểu cho: "làm chủ" và "thu thúc" là hoàn toàn khác biệt nhau.

- Vâng! Quả là không làm chủ được, chỉ ngăn cấm được chút ít, thế đại đức có thể nêu ví dụ cụ thể được chăng?

- Được chứ! Tâm nương nhờ thân để ăn nói, nằm ngồi, đi đứng, như con người nương nhờ quả đất mà làm nhà cửa, đường sá, làm ruộng, làm rẫy; xây dựng quốc gia nhỏ, quốc gia lớn v.v... Tuy nhiên, tâm chỉ có thể sai khiến thân, bó buộc thân, thu thúc thân trong chừng mực có thể - vì thân do kết hợp của tứ đại, còn chịu sự ràng buộc của tứ đại, ảnh hưởng tụ tan của tứ đại, sự quân bình của tứ đại v.v... ; nên nó chịu sự chi phối bởi các định luật tự nhiên của nhiên giới. Cũng thế, con người nương nhờ nơi quả đất mà sinh sống, nhưng con người chỉ có khả năng rất chừng mực là có thể cải tạo đất đai, khơi dòng sông dẫn nước, làm đê, làm hồ, đường sá, lấp eo biển v.v... chứ không thể làm chủ hoàn toàn quả đất, bắt quả đất phục vụ cho tất cả ý muốn của con người! Vì sao vậy? Vì quả đất cũng là tứ đại, nó phải bị chi phối bởi các định luật tự nhiên của trời đất, tâu đại vương!

- Thật là hay lắm vậy! Đấy là thường nhân, là phàm phu; còn các bậc A-la-hán cũng không làm chủ được thân ư? Phải có chứ? Ví như khi thân đau, thân nóng, thân lạnh; tâm các vị ấy làm chủ cái đau, cái nóng, cái lạnh?

- Nhưng như vậy không có nghĩa là tâm làm chủ thân. Chữ "*làm chủ thân*" không áp dụng ở đây được. Phải nói là do tâm quý ngài đã được huấn luyện, đã được buộc chặt nên sự đau, sự nóng, sự lạnh... không ảnh hưởng đến tâm của các ngài được.

- Còn phàm phu vì tâm chưa được huấn luyện nên khi thân đau, bị chi phối bởi cái đau ấy, tâm đau một cách tức khắc?

- Vâng. Ví như một con bò bị chủ buộc bằng giây thừng, ngăn không cho vật thực là nước và cỏ. Bò kia thấy nước và cỏ, bị chi phối bởi đói và thèm muốn nên bò vùng vẫy, kêu rống... Và thế là bò càng bị giây siết chặt, càng đau khổ

hơn. Đây là hình ảnh của chúng sanh trên thế gian này. Bò là chúng sanh. Cỏ và nước là ngũ trần. Chúng sanh cũng do tìm kiếm ngũ trần, thỏa mãn ngũ trần mà thọ các khổ. Cũng kêu rống, cũng vùng vẫy, nhưng càng vùng vẫy, kêu rống, càng thọ khổ nhiều hơn. Chúng sanh, tất cả phàm phu, khi tâm chưa được huấn luyện, đều y như thế: dẫu vùng vẫy kiệt sức cũng không thoát khỏi khổ.

Ngựa Àjànaya, tức là ngựa thuộc dòng giống tốt, đã được huấn luyện thuần thục rồi sẽ không vùng vẫy, kêu rống... như chú bò ở trên kia; nó sẽ ở yên, nằm yên dẫu bị buộc chặt, dẫu chủ chưa cho cỏ và nước.

Tương tự như thế, tâm các vị A-la-hán đã được huấn luyện thuần thục rồi, nên các sự thọ khổ ở nơi thân, dẫu thân bị nóng, lạnh, đói, khát v.v... tâm các ngài cũng không lay động. Vì các ngài đã tự buộc tâm vào một cái thạch trụ kiên cố, vững chắc - ấy là *Định*, nhờ vậy, thân dù thọ khổ, tâm các ngài không thọ khổ, tâu đại vương!

- Trẫm mới hiểu được sơ sơ.

- Vậy để hôm khác, chúng ta tiếp tục.

- Thưa, vâng.

150. Giải thêm về "tâm không động"

- Xin đại đức giảng thêm ở chỗ "tâm không động"? Thân động mà tâm không động quả là phi thường! Thế ngài có ví dụ nào cụ thể, dễ hiểu chăng?

- Có chứ! Ví như có một đại cổ thụ, gốc to lớn đến mười người ôm không xuể, tàng lá cành nhánh của nó sum suê, che phủ cả một vùng. Những cơn gió từ hướng đông, tây, nam, bắc thổi đến; cành nhánh lá lay động, có thể cành nhánh gãy, lá rụng, nhưng gốc đại thụ vẫn an nhiên không nhúc nhích. Điều ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ cành nhánh lá lay động nhưng không thể lay động gốc, nếu rễ ken dày, sâu ở trong đất, kiên cố, vững chắc như một thạch trụ! Thân ví cho cành nhánh lá mà tâm có Định ví như gốc cây kia vậy, tâu đại vương!

- Gió dù lớn cũng không lay động, nhưng giả dụ bão lớn thì sao? Có những trận bão lớn không những lay động gốc mà còn bật tung cả gốc rễ? Ví dụ của đại đức không tương hợp, không áp dụng được ở đây rồi!

- Vẫn áp dụng được, vẫn tương hợp được, tâu đại vương! Cái tâm bị bật gốc ví cho những người mà tâm định chưa kiên cố, chưa vững chắc. Cái tâm ấy nếu bị

những cơn bão, tức là những đối tượng ngũ trần lôi cuốn, quyền rũ cường liệt, thì nó cũng không thể chịu đựng nổi, bị rung động, rung chuyển hoặc bật gốc ngay! Đây là cái tâm định từ sơ thiên đến bát thiên, rất kiên cố, nhưng vẫn có thể bị bão lay động. Chỉ có định của bậc A-la-hán mới tự tại, an nhiên và bất động đúng nghĩa. Thân vị ấy có thể bị các cảm thọ đau đớn chi phối, nhưng tâm vị ấy luôn rỗng rang, trạch nhiên, giải thoát.

- Cảm ơn đại đức đã mở mắt lớn cho trẫm.

151. Người đã phạm "bất cộng trụ", xin tu lại, có đắc được đạo quả không?

[] Bất cộng trụ: Hành dâm, trộm cắp, giết người, khoe pháp bậc cao nhân. Là giới luật tỳ kheo.*

- Thừa đại đức! Người đã phạm "Bất cộng trụ", xin tu lại, nhưng y không biết gì về tội bất cộng trụ, không hay mình phạm tội bất cộng trụ, không có ai nhắc nhở, chỉ bảo đây là bất cộng trụ. Và chính người xin tu lại ấy không nghĩ rằng mình phạm bất cộng trụ, cứ nghĩ mình tốt, trong sạch; vẫn tinh tấn, kiên trì để hy vọng giác ngộ đạo quả cao siêu. Nhưng người ấy có thể nào chứng đắc đạo quả cao siêu không thừa đại đức?

- Tâu đại vương! Đã phạm và đang phạm bất cộng trụ đều vì lý do nào, cũng không thể chứng đắc đạo quả cao siêu! Họ nỗ lực, tinh tấn mấy cũng vô ích mà thôi!

- Đại đức phải giải thích chứ?

- Tâu, vâng. Đạo quả cao siêu là pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian chỉ phát sanh đến cho những người có giới đức trong sạch, phẩm hạnh thanh khiết. Người mà đã phạm, đang phạm bất cộng trụ thì giới và phẩm hạnh đã bị hoen ố, hư hỏng, pháp xuất thế gian không thể phát sanh đến cho người ấy.

- Đồng ý là thế, nhưng thừa đại đức, vẫn có những trường hợp khác nhau chứ? Người đã phạm mà cố ý phạm, biết rằng mình đã phạm và đang phạm, biết rằng đây là tội nặng, là giới trọng... thì tâm sẽ ăn năn, ray rứt, nóng nảy. Chính trạng thái ray rứt, ăn năn của tâm làm cho những pháp xuất thế gian cao siêu không phát sanh được, trường hợp này là đúng.

Nhưng có trường hợp khác. Đây là người phạm mà không cố ý phạm, không biết rằng mình đã phạm, không nghi ngờ mình đã phạm, không thấy biết đó là tội

nặng, là giới trọng; vẫn cứ nghĩ mình trong sạch, thanh tịnh, nên tâm họ không ray rứt, ăn năn, không nóng nảy. Những người như thế ấy thì làm sao mà không đắc đạo quả cao siêu được?

- Câu hỏi ấy hay lắm, tuy nhiên, đại vương hãy nghe đây. Có người nông phu lựa chọn giống lúa tốt, gieo trên thửa ruộng tốt thì chắc chắn đám ruộng ấy cho năng suất cao chứ?

- Thưa vâng.

- Cũng cùng giống lúa ấy mà cho gieo trên đám ruộng xấu thì thế nào?

- Dĩ nhiên là năng suất sẽ kém hơn.

- Giả dụ, cũng lúa ấy, lại đem gieo trên núi đá thì sao nhỉ ?

- Ai lại làm thế được? Gieo trên núi đá thì làm sao nảy mầm được?

- Đúng thế, tâu đại vương! Đám ruộng tốt ví cho giới trong sạch, thanh tịnh, là nơi sanh trưởng nảy nở của các pháp xuất thế gian, những đạo quả cao siêu. Những đám ruộng vừa ví cho người có giới chưa được hoàn toàn, nhưng có tâm tu, cũng đạt được một vài thành quả lợi ích. Còn núi đá tượng trưng cho đám ruộng không sử dụng được, do vậy, không thể nảy mầm những pháp cao siêu ở nơi những người có giới hư hỏng, ác nghiệp nặng, phạm giới như bất cộng trụ!

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Nghe thì rất có lý nhưng vẫn có cái gì đó chưa được tương hợp, thích đáng, chưa được thuyết phục cho lắm. Đại đức có ví dụ nào sát sao hơn thế chăng?

- Có thể được! Ví như đại vương lấy những vật có ít hoặc nhiều trọng lượng như cục đá, khúc cây, miếng gỗ v.v... đại vương quăng lên hư không rồi xem thử chuyện gì xảy ra?

- Chẳng cần xem làm gì! Một hạt cát nhỏ cũng có trọng lượng, có sức nặng, vậy những vật kia sẽ rơi xuống đất thôi!

- Chúng không thể dính vào hư không được sao?

- Không thể, vì chẳng phải nhân chẳng phải quả.

- Vật có trọng lượng không thể dính vào hư không được vì chẳng phải nhân, chẳng phải quả ; cũng vậy, những người phạm bất cộng trụ, tội nặng dĩ nhiên là

phải rơi xuống các cảnh giới đau khổ, thấp hèn. Chúng làm sao với tới, bay lên, chúng đạt được các cảnh giới cao siêu, vì nhân quả không thích hợp, không tương ứng, tâu đại vương!

- Hay lắm!

- Lại nữa! Ví như người ta nhen một đồng lửa lớn trên một đám đất khô ráo, lửa sẽ cháy sáng rực rỡ phải không, đại vương?

- Đúng vậy!

- Trái lại, kẻ kia muốn có đám lửa sáng rực rỡ như thế, bèn nhen một đồng lửa lớn, nhưng lại nhen ở trong nước. Thử hỏi đại vương, người kia có đạt được ý nguyện của mình chăng?

- Thưa, không thể. Đấy chẳng khác gì việc làm của người ngu, y chẳng thấy đâu nhân, đâu quả.

- Đúng vậy, những kẻ muốn có đạo quả cao siêu, trí tuệ chói sáng rực rỡ mà thân tâm bị chìm đắm trong nước bùn đen của dục ái, tham ái, ác giới; mới nhen lên đã tắt ngấm ngay, việc làm ấy quả là si mê, chẳng thấy nhân quả vậy. Nhân đã tắt, đã diệt thì quả làm sao thành?

- Thưa có thể đúng đối với trường hợp người kia biết mình làm ác, biết mình phạm bất cọng trụ, biết thân tâm mình bị chìm đắm trong nước ái dục; còn đối với trường hợp sau, họ làm ác với tâm tự nhiên, chẳng nghĩ rằng đó là giới trọng, bất cọng trụ; họ hoàn toàn chẳng nghi ngờ gì cả, không hề nghĩ đấy là hư hỏng, xấu xa, giới phạm; tâm họ trong sáng, hồn nhiên, chẳng ăn năn, ray rứt, nóng nảy gì cả. Trường hợp ấy thì sao họ không thể chứng đạt đạo quả cao siêu, nếu họ cố gắng kiên trì tu tập?

- Đại vương! Một người ăn phải thuốc độc, nhưng họ không biết đấy là thuốc độc, không nghi ngờ đấy là thuốc độc, thì người ấy có bị ngộ độc mà chết không?

- Đã là thuốc độc thì biết hay không biết cũng chết thôi!

- Một người bị rắn độc cắn nhưng y không biết đấy là rắn độc, không nghi đấy là rắn độc, thì kết quả thế nào, tâu đại vương?

- Tất sẽ chết!

- Việc xấu ác, phạm trọng giới bất cộng trụ là những tội nặng, biết hay không biết nó cũng đã ngấm vào tâm rồi, như thuốc độc đã ngấm vào cơ thể vậy. Biết hay không biết, thuốc độc cũng mang hậu quả chết người. Cũng vậy, biết hay không biết, nhưng xấu ác, trọng giới, tội nặng - tất phải chịu trả quả đau khổ thôi. Chỗ tội báo nặng nề ấy không thể là vùng đất thanh cao, khô ráo cho các pháp xuất thế gian nảy sinh, đại vương nên hiểu cho như vậy.

- Thưa, vâng.

- Lại nữa, ví như đức Chuyển luân Thánh vương Kàlinga có con bảo tượng cao quý, nó di chuyển vô ngại giữa hư không. Hôm kia, đức Chuyển luân Thánh vương khởi ý chu du thiên hạ trên bảo tượng của mình. Con bảo tượng sau khi bay qua nhiều quốc độ, bay qua núi non, sông suối, rừng rậm, thị trấn, làng mạc; đến một con sông nhỏ, chợt khựng lại, không thể lướt qua được. Xuống ngựa, đức Chuyển luân Thánh vương quan sát, xem phương hướng, vị trí, xác định điểm dừng, thì thấy một cây đại thụ Bồ đề to lớn: *chỗ ngôi thành đạo của Đức Phật!* Chính cây Bồ đề này toát ra một năng lực siêu nhiên, dù bảo tượng có nhiều thần lực cũng không thể vượt qua, lướt trên đầu cây Bồ đề ấy. Thí dụ này như thế nào thì đại vương cũng nên hiểu câu hỏi của đại vương theo nghĩa ấy. Biết hay không biết cũng không thể chứng ngộ đạo pháp cao siêu do giới hạn của trọng tội, ác giới, phạm bất cộng trụ!

- Những ví dụ thiện xảo của đại đức mở mang rất nhiều cho trí óc của trẫm.

152. Cư sĩ phá giới và sa môn phá giới, hậu quả tội lỗi nặng nhẹ ra sao?

- Tu hành mà phá giới tất là tội nặng rồi, phải không đại đức?

- Hẳn vậy.

- Một người cư sĩ phá giới và một sa môn phá giới, ai tội nặng hơn ai?

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Đại vương thử phát biểu ý mình xem sao!

- Vâng, theo trẫm, cả hai cùng phá giới, ắt sa môn sẽ tội nặng hơn!

- Tại sao?

- Vì sa môn ăn cơm của thí chủ, sàng tọa, y áo, thuốc men đều là nợ của thập phương. Sa môn còn giữ gìn phẩm hạnh để làm gương, để dạy dỗ thiện tín, môn đồ... Chỉ chừng ấy thôi, trăm đã xác định là sa môn phải mang tội nặng, tối thiểu là gấp đôi so với cư sĩ.

- Lời của đại vương chỉ đúng một nửa và cũng sai một nửa. Một nửa đúng là phá giới phải mang tội. Một nửa sai là do đại vương không biết rõ những phước báu của phẩm mạo sa môn.

- Xin đại đức giảng cho nghe!

- Tâu, vâng. Người cư sĩ phá giới thì mang tội, nhưng mang tội ấy chỉ hại cho mình nhưng chẳng được lợi ích cho ai. Còn sa môn phá giới, tuy có hại mình nhưng còn giúp ích cho rất nhiều người khác, đại vương có biết thế không?

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Phá giới mà còn *lợi ích* cho người khác! Quả thật trăm nghe chưa lọt tai, phải nói là chối tai, nhức tai nữa là khác!

- Rồi đại vương sẽ thuận tai ngay khi nghe đến những đức tính của phẩm mạo sa môn, dù y đã phá giới.

- Xin cho nghe!

- Tâu đại vương! Một sa môn phá giới nhưng y còn trong phẩm mạo sa môn, y còn đức tin với Tam Bảo, y có pháp học; tiếng nói của y có giá trị trong hàng Tăng lữ... thì chúng ta không nên xem thường, vì sao, vì y được bảo trợ, nâng đỡ bởi mười đức tính sau đây:

Thứ nhất, y biết cung kính Đức Phật.

Thứ hai, y biết cung kính Đức Pháp.

Thứ ba, y biết cung kính Đức Tăng.

Thứ tư, y biết cung kính các bậc phạm hạnh.

Thứ năm, y biết dạy Pàli và chú giải.

Thứ sáu, y có học pháp, nghe pháp nhiều.

Thứ bảy, dẫu đã phá giới nhưng khi đi đâu y cũng giữ gìn tư cách, phẩm hạnh; biết thu thúc thân khẩu, không để cho bất cứ ai cười chê tư cách của mình.

Thứ tám, y có khả năng hướng dẫn và lãnh đạo chúng đồ.

Thứ chín, hoàn cảnh nào y cũng giữ được phẩm mạo sa môn, Tăng tướng; còn

*là kẻ diu dắt, hướng dẫn, nâng đỡ các hàng xuất gia hậu học.
Thứ mười, dấu phá giới nhưng y làm chỗ khuất lấp không cho ai hay biết.*

Tâu đại vương, chính nhờ mười đức tính ấy mà sa môn phá giới tốt hơn cư sĩ phá giới nhiều. Sa môn phá giới hội đủ mười đức tính trên, y sẽ còn mang đến lợi lạc rất nhiều cho thiện nam tín nữ. Nói rõ hơn, sa môn phá giới cũng làm cho thành tựu quả bố thí, cúng dường của đàn na thí chủ. Tất cả có mười trường hợp lợi ích:

Một là, do phẩm mạo tăng tướng bên ngoài trong sạch, vô tội, nên sẽ phát sanh tâm trong sạch cho thí chủ.

Hai là, đang trong phẩm mạo sa môn, đang đi trên lộ trình của pháp lành, dẫn đường cho thí chủ bước theo để họ biết bố thí, cúng dường.

Ba là, vẫn làm cho sự bố thí của thí chủ có kết quả, do thực hiện pháp nhỏ, pháp lớn của Tăng sự, thực hành mọi phận sự do sự chỉ định của Tăng.

Bốn là, vẫn còn các pháp nương nhờ do qui y Tam Bảo, là lý do làm cho việc bố thí của thí chủ được thành tựu.

Năm là, do còn thọ trì những pháp đã thọ, không ở lâu một nơi, không dính mắc trú xứ.

Sáu là, có nghiên cứu học hỏi giáo pháp nên vẫn là đám ruộng tốt cho thí chủ bố thí gieo hạt giống lành.

Bảy là, đem kết quả bố thí cho thí chủ vì giảng thuyết pháp cao thượng đến cho mọi người.

Tám là, do còn pháp là nơi nương nhờ, bảo trợ, nên sự cúng dường của thí chủ vẫn mang lại phước báu tốt lành.

Chín là, do đức tin, tri kiến thấy rõ Đức Phật là bậc tối thượng, cao thượng, quý báu nhất trong tam giới, không ai sánh bằng.

Mười là, có công đức quét dọn nơi làm lễ phát lồ nên sự cúng dường của thí chủ kết quả vẫn tốt đẹp.

Tâu đại vương! Ngài hãy quay ngược lại tri kiến của mình, thay đổi quan niệm của mình, vì sa môn phá giới vẫn cho kết quả thù thắng cho những ai bố thí,

cúng dường. Đừng theo lý lẽ và sự hiểu biết chung chung của người đời. Họ không biết rõ sự thật đâu.

- Vâng, vâng!

- Nước không được tinh sạch, không uống được nhưng cũng có thể rửa sạch vật dơ, bụi đất, mồ hôi đấy, đại vương!

- Thưa, vâng.

- Nước sôi sùng sục cũng có thể rưới tắt đồng lửa được đấy, đại vương!

- Thưa, vâng.

- Vật thực dù mất hương vị cũng có thể làm no những kẻ đói lòng!

- Thưa, vâng!

- Tóm lại, người nam nữ cư sĩ nào trú trong ngũ giới, bát giới; thọ trì giới rất tốt, rất kiên trì; lại có tâm trong sạch, vật bố thí chánh mạng, hợp pháp đến cho sa môn phá giới nhưng biết tin nghiệp, tin quả, thì chắc chắn sẽ thành tựu phước quả như y muốn. Sa môn phá giới vẫn làm cho *dakkhinà* (vật cúng dường) của thí chủ được kết quả, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vô cùng ngưỡng mộ nên hết lời tán thán:

- Thật phi thường thay là những lời giải đáp này. Đại đức đã làm cho tỏ lộ những pháp vị sâu kín, xứng đáng để nghe và học hỏi. Trẫm hoan hỷ mà ai nghe cũng phải hoan hỷ.

Đại đức! Khi trao một món thịt, người đầu bếp bình thường chỉ làm được một món; còn người đầu bếp thiện xảo sẽ kiếm gia vị, rau cải để nấu canh, chiên, xào, hấp nướng... chế biến thành hàng chục món ăn cũng từ một món thịt ấy thôi. Cũng thế, trẫm chỉ trao một câu hỏi, mà đại đức đã chiên, xào, nấu... thêm gia vị... để cho trẫm được ăn một bữa thịnh soạn xiết bao! Trẫm cảm ơn lắm. Trẫm đã hết nghi rồi!

153. Nước có sanh mạng chăng?

- Thưa đại đức! Nước có sanh mạng chăng?

- Tâu đại vương! Nước vốn không có tâm, không có thức, không có sự sống, làm sao lại có sanh mạng được!

- Thừa, theo trẫm được hiểu, những người ngoại đạo quan niệm rằng, nước lạnh là nước sống, nước nóng là nước chết, nên họ chỉ uống nước nóng thôi. Họ chê trách các sa môn Thích tử uống nước lợc, nước lạnh là giết hại chúng sanh. Điều ấy phải nên giải thích như thế nào?

- Đây là tà kiến, thấy sai, hiểu lầm, tâu đại vương! Nước không có sanh mạng nên chẳng phải là chúng sanh.

- Vâng, trẫm cũng biết thế, nhưng họ bảo rằng, nước có sanh mạng, là chúng sanh; vì khi đun nước, nước đau quá nên nước sôi lên, nước kêu lên, nước sủi bọt; chúng tở nước có tâm, có thức biết cảm giác như tất cả giống hữu tình khác.

- Chẳng phải thế đâu, đại vương! Nước bị lửa đốt, nóng thì kêu lên, đây là chuyện nhân quả xảy ra rất tự nhiên!

- Nhưng họ bảo, vì nóng nên nước kêu lên; kêu lên, chúng tở nước có cảm giác, có tâm thức.

- Thế gặp những năm hạn hán, nước trong hồ, trong giếng, sông rạch đôi khi khô cạn sao nước ấy lại không kêu? Nước ở sông, giếng, ao hồ không có sanh mạng sao?

- Vì nước ấy không nóng sôi như nước nấu!

- Tâu, nóng sôi thì kêu nhiều, nóng ít thì kêu ít! Nếu có tâm thức thì ít ra nước cũng phải kêu lên chứ, vì mặt trời thêu đốt cho đến nỗi nước khô cạn mà!

- Vâng, lẽ ra phải thế!

- Tuy nhiên, nước kêu bằng nhiều giọng khác nhau cũng không phải là nước có sanh mạng! Vì sao! Nước suối kêu, nước thác đổ kêu, nước biển kêu ì ầm năm này sang năm nọ, đâu phải vì nóng sôi mà kêu! Nó lạnh, mát là khác!

- Vâng!

- Nước nấu sôi do nóng mà kêu. Nước suối, nước thác kêu là do đổ xuống chỗ thấp, va đập vào đá; nước biển kêu là do gió thổi tạo thành làn sóng. Làn sóng này đập vào làn sóng kia, sóng đập vào bờ, vào chân núi nên có tiếng kêu. Nói tóm là do tác động của sức nóng, của gió, do va đập mà kêu chứ đâu phải nước có sanh mạng, có tâm, có thức, tâu đại vương!

- Vâng!

- Lại nữa, ví như nước nóng bốc hơi lên giữa hư không kết tụ làm mây, gió thổi đưa đám mây ấy tan tác, rơi chỗ này, chỗ kia gọi là mưa. Mưa ấy rơi xuống đất, một phần ngấm trong đất sau thành nước mạch, nước giếng, một phần thành hồ, thành ao, thành sông... rồi thành biển. Chỗ nước lặng, không kêu, không nổi thành sóng là nước trong vại, trong chum, không có sức nóng đốt và không có gió. Chỗ nước sôi động, kêu là do có sức nóng, do va đập, do gió. Đơn giản chỉ có vậy. Cho nên, nước nóng hay lạnh đều không có tâm, có thức, có sanh mạng!

- Thừa vâng!

- Người ta căng da trống, đánh lên, trống kêu đâu có sanh mạng gì đâu, đại vương!

- Vâng,

- Con voi lấy vòi hút nước uống, vì vòi voi dài, rộng nên nước kêu lên chứ đâu phải là vì có tâm thức!

- Thừa, vâng.

- Thuyền chở hàng, căng buồm vượt biển lớn, sóng vỗ vào mạn thuyền mà kêu, tàu đại vương!

- Vâng!

- Có những loài cá to lớn sống dưới biển, thường hay đùa giỡn, hút nước phun lên giữa hư không; nước qua miệng và răng chúng nên kêu lên, chứ có sanh mạng nào ở đó, tàu đại vương! Vậy lời của ngoại đạo, sự chấp kiến của ngoại đạo hoàn toàn sai lầm.

- Trẫm đã thấy rồi!

154. (Trùng với câu hỏi 141)

155. Trên thế gian này cái gì không sanh?

- Thừa đại đức! Trên thế gian này, từ những bậc thượng đẳng như Đức Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thịnh Văn Giác... tuy được gọi là Vô sanh, nhưng quả thật những vị ấy đã có mặt giữa thế gian, đã sanh ra từ thế gian!

- Vâng, bần tăng đồng ý.

- Các đức Chuyển luân Thánh vương, vua chúa, chư thiên, loài người... đều được sanh ra như thế?

- Tâu, vâng.

- Nói rộng ra, người có của hoặc người không có của, là khổ hoặc vui, là nữ hay nam, có phước, có tội... tất thảy... đều y như thế?

- Tâu, vâng.

- Chúng sanh các loại, từ noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh... cũng vậy nữa?

- Quả vậy.

- Loài không chân, hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân. Các loại dạ xoa, ma da, cư u bàn trà (*kumbhanda*), a tu la, càn thát bà, càn na la, rồng, đại bàng, voi, ngựa, trâu, bò, lạc đà, lừa, dê, cừu, nai, heo, sư tử, cọp beo, gấu, chó sói, chó nhà, chó rừng... hẳn cũng đều được sanh ra giống nhau.

- Dĩ nhiên rồi!

- Rồi, cả kim, ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não, ngọc ma ni, hột xoàn, đồng đen, đồng đỏ, đồng trắng, đồng vàng... cho chí vải, gấm vóc, lụa là... cũng đều là vật được sanh?

- Tâu, vâng!

- Ngoài những thứ ấy, có cái gì, có vật gì... mà nó "không sanh", thừa đại đức?

- Có ba cái "*không sanh*", tâu đại vương!

- Xin kể nghe?

- Những vật có tâm lý, có tác ý, có sinh khí, có cảm giác, là chúng sanh hữu tình đều là cái có sanh ra. Cho chí những vật được cấu tạo, hữu cơ hoặc vô cơ; chúng sanh vô tình như thảo mộc, hoặc đất đá vô tri... vẫn được sanh ra. Tất cả chúng phải nằm trong định luật già chết hoặc biến hoại, tiêu diệt. Vậy cái "*không già, không chết, không biến hoại, không đổi khác*" không được sanh ra trong thế gian, tâu đại vương!

- Hay lắm! Vậy cho trẫm nghe cái "*không sanh*" thứ hai?

- Tâu, vâng. Theo ngôn ngữ chế định, qui ước của thế gian thì gọi người, voi, gạo, ngọc, chanh, khế v.v... nhưng theo đệ nhất nghĩa đế, thắng nghĩa pháp, siêu lý thì "*không có cái gì là người, voi hay ngựa cả!*" Vậy cái "*không phải người, voi, ngựa v.v...*" cái không thuộc ngôn ngữ chế định, cái siêu lý, cái đệ nhất đế... chúng không sanh ra, không bị sanh, không được sanh trong thế gian, tâu đại vương!

- Thật vi diệu.

- Thứ ba: Tất cả hành đều vô thường, thay đổi không bền vững! Vậy cái "*trường tồn, chân thường, vững bền*", chúng "*không sanh*" trong thế gian, chúng không thể có mặt, hiện hữu trong thế gian, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Đại đức đã hé cánh cửa cho trẫm thấy những pháp siêu thế, thật cao siêu, màu nhiệm vậy. Rất tri ân đại đức.

156. Bậc A-la-hán còn phạm giới?

- Bậc A-la- hán còn si mê không đại đức?

- Tâu, đã xa lìa hẳn si mê rồi.

- Thế các ngài còn phạm giới không?

- Có đôi khi còn giới phạm, tâu đại vương!

- Giới phạm do trường hợp nào, lý do nào?

- Tâu, các bậc A-la- hán phạm giới thường là do vô tâm, vô ý hay không biết. Tất cả có bốn trường hợp:

Thứ nhất: vô tâm, vô ý (*hình thức thì có phạm nhưng nội dung, tính chất thì không, vì vị ấy không cố ý, không tác ý*).

Thứ hai: do không phải thời (*phi thời*) mà tưởng là thời.

Thứ ba: ngăn vật thực rồi mà tưởng là chưa ngăn.

Thứ tư: đồ dùng không phải dư mà tưởng là dư (*không phải xả mà xả*)

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Trẫm không đồng ý như thế. Bốn lý do đại đức đưa ra có thể tóm thành hai lý do: phạm giới do vô tâm, không lưu tâm, tất là không chú tâm, không chánh

niệm; và tội do không biết, là si mê. Một vị A-la- hán không thể nào si mê và thiếu chú tâm, thiếu chánh niệm được!

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Chí lý lắm. Nhưng đại vương hãy nghe đây. Giới của Đức Thế Tôn đặt ra gồm có hai loại: những giới thuộc về thế gian, tức là những giới nằm trong định luật nhận quả, có khen chê, có tội phước. Loại giới thứ hai, Đức Thế Tôn chế định chỉ riêng cho bậc xuất gia mà thôi.

Những tội thuộc về thế gian gọi là *Loka vajja*.

Những tội thuộc về giới chế định gọi là *Pannatti vajja*.

Những tội thuộc về thế gian, ví dụ như thập ác nghiệp: cư sĩ hoặc tỳ khưu đều phải thọ trì.

Những tội thuộc về giới chế định chỉ dành cho hàng xuất gia: ví dụ ăn sái giờ, nhổ cỏ, đào đất v.v... Loại chế định này, cư sĩ không thọ trì, họ phạm không có tội, nhưng tỳ khưu phạm thì tội. Các vị A-la- hán tuyệt đối không phạm các tội thuộc về thế gian (*loka vajja*) ví dụ mười ác nghiệp. Nhưng các tội thuộc về chế định, đôi khi vô tâm, vô ý hoặc không biết, nên phạm phải cũng là lẽ thường thôi. Đại vương đừng nên đem chuyện thiếu chánh niệm và si mê áp dụng vào đây!

- Xin đại đức giảng rộng hoặc ví dụ cho nghe về sự vô tâm, vô ý hoặc không biết ấy.

- Tâu, vâng. Ví dụ có một vị A-la- hán trước đây là một nông phu, vị ấy chỉ biết về pháp hành, giác ngộ, giải thoát, ngoài ra, vị ấy có biết gì nữa không đại vương?

- Vị ấy biết về gieo hạt, trồng tía, những chuyện liên quan về cày bừa, gặt hái v.v...

- Thế thì thiên văn, địa lý, sử truyện, văn phạm, cú pháp v.v... vị ấy có biết không?

- Dĩ nhiên là không biết.

- Không biết ấy có phải là si mê không?

- Thưa, cái biết ấy thuộc về kiến thức thế gian, thuộc về trí thế gian, không gọi là si mê được!

- Đúng thế. Khi không thấy biết tham, sân của mình, hành động theo tham sân, đắm đuối trong ngũ trần mới gọi là si mê. Vậy tại sao Đại vương dám khẳng định vị A-la-hán không biết, là si mê?

- Vâng, trẫm biết mình sai rồi.

- Lại nữa, ví dụ có vị A-la-hán sau khi đi khuất thực về, chánh niệm, tỉnh giác, lựa tìm một cội cây. Vị ấy chánh niệm, tỉnh giác soạn y bát ra, chánh niệm, tỉnh giác độ vật thực, chánh niệm tỉnh giác nhai, nuốt. Sau khi ăn xong, vị ấy dọn dẹp rửa ráy, cất đặt cũng hoàn toàn chánh niệm, tỉnh giác. Cũng chánh niệm tỉnh giác vị ấy đứng dậy hoàn toàn không hay biết, hoàn toàn không để ý lúc ấy đã quá ngộ. Như thế, vị ấy dùng vật thực phi thời (*quá ngộ*) - tức là phi thời mà tưởng là thời! Vị ấy đã phạm giới do vô tâm, vô ý không biết; nhưng tâm thái hoàn toàn sáng suốt, định tĩnh, chứ đâu có lơ là, dễ dãi, thất niệm hoặc si mê, hờ Đại vương!

- Trẫm biết rồi!

- Ngăn vật thực rồi, mà tưởng là chưa ngăn; y áo, vật dụng không phải là dư thừa mà xả đi, cũng do vô ý, vô tâm như trên cả, tâu Đại vương!

- Vâng!

- Ngoài ra, còn rất nhiều điều vị ấy chưa biết nên thực hành sai, nói sai, phạm vào những giới cấm thuộc về chế định (*Pannatti vajja*) - cũng là thường thôi! Chỉ có một điều vị ấy biết chắc chắn, đó là sự giải thoát và biết những gì mình đã kinh nghiệm qua, thực hành, học hỏi hay thói quen trước đây. Vị ấy không thể biết gì ngoài trình độ và sự chứng đắc của mình. Những vị biết về một thông, hai thông, ngũ thông... cũng vậy. Những vị thuộc lòng một tạng, hai tạng, ba tạng... cũng y như thế. Sở học, chứng đắc ngang đâu thì biết ngang đó. Tất cả các vị A-la-hán đều có sự khiêm khuyết về kiến thức, về tâm, về tuệ. Chỉ có Phật Toàn Giác mới hoàn toàn mọi phương diện. Đại vương nên hiểu như vậy.

- Xin Đại đức bi mẫn tha thứ cho những hiểu lầm của trẫm.

- Không có chi!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

157-164

157. Cái gì không do nhân, nghiệp, thời tiết sanh?

- Thưa Đại đức! Tất cả những gì được sanh ra trong thế gian này đều do nhân, nghiệp hay thời tiết. Đây là điều mà trăm được học hỏi. Vậy thì có cái gì được sanh ra mà không do nghiệp, nhân hay thời tiết không?

- Có chứ, tâu đại vương! Hư không và Niết bàn không sanh ra bởi nhân, nghiệp hay thời tiết.

- Cái gì biết thì đại đức nói biết, cái gì không biết thì đại đức nên nói là không biết, chứ đừng nói những điều phản lại lời dạy của Đức Tôn sư!

- Tại sao đại vương nói nặng lời với bần tăng như thế?

- Thưa, vì Đức Toàn Giác dạy rằng: "*Đạo này là nhân sẽ làm cho thấu rõ Niết bàn*". Như thế, Niết bàn là có nhân sanh hẳn hoi, còn ngài lại bảo Niết bàn không do nhân sanh!

Đại đức Na tiên nói:

- *Nhân làm cho thấu rõ Niết bàn và nhân sanh Niết bàn hoàn toàn khác nhau*. Về nhân làm cho thấu rõ Niết bàn thì Đức Thế Tôn từng nói đến hằng trăm nhân, hằng ngàn nhân; nhưng nhân sanh Niết bàn thì Đức Thế Tôn chưa bao giờ thuyết. Xin đại vương hiểu cho như thế!

Đức vua Mi-lan-đà không đồng ý:

- Đại đức lý giải thật lạ lùng. Thế gian này là chỗ mê, tối. Niết bàn là nơi giải thoát, quang minh, xán lạn. Nếu không thể tạo nhân chỗ mê tối để đi đến chỗ sáng thì chúng ta tu hành để làm gì? Chúng ta muốn thoát khỏi chỗ tối này để lại rơi vào chỗ tối khác chăng? Chúng ta muốn lìa khỏi rừng gai rậm bít bùng này để rồi đâm đầu vào rừng gai rậm bít bùng khác sao? Cách của ngài nói như là xác định không thể tạo nhân để đi đến Niết bàn vậy!

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Chính ví dụ của đại vương đã phản bác lý luận của đại vương rồi. Niết bàn nếu được sanh ra bởi nhân và do nhân, chính là chỗ tối mà tìm về chỗ tối, là rừng rậm bít bùng để đi đến rừng rậm bít bùng khác. Tại sao vậy? Tại vì gây nhân thì phải gặt quả. Và thế là dù khổ dù vui, dù phước dù tội... đã gây nhân là chúng ta phải sanh lại để thọ quả ấy; cứ thế, chìm nổi mãi giữa luân hồi sinh tử, vào ra mãi nơi ba cõi sáu đường, không bao giờ thoát khổ được. Nếu ông nội sinh ra

cha, cha sinh ra con, con sanh ra cháu, cháu sinh ra chắt v.v... thì cứ sinh mãi cho đến vô cùng tận. Nếu hạt mầm sinh ra cây, cây sinh hạt, hạt nảy mầm... thì nhân quả kia muôn đời còn tương tục mãi.

Đại vương nên hiểu rằng, Đạo là con đường, Đạo là Bát chánh đạo, tức là con đường có tám chi. Đức Phật dạy rằng, *Đạo là nhân làm cho thấu rõ Niết bàn, lộ trình ấy, sẽ thấy rõ Niết bàn, sẽ giác ngộ Niết bàn ấy ở trong tâm! Chứ không phải Đạo là nhân để sanh quả là Niết bàn.* Bát chánh đạo, tự nó, là Bát chánh đạo, tự nó không sanh ra cái gì cả; phải có người thực hành, thực nghiệm, kiên trì tinh tấn lên đường. *Bát chánh đạo chỉ là bản đồ, là con đường, quan trọng là phải theo bản đồ ấy để lên đường, tâu đại vương!*

- Trẫm đã lãnh hội lờ mờ, chưa rõ lắm, mong đại đức giải thích thêm cho.

- Tâu, vâng! Trước khi ví dụ, đại vương nên hiểu cho: Niết bàn không do nhân sanh, không phải là điều kiện kết hợp. Nó là nơi vắng lặng ái dục và chấp thủ, nơi vượt ngoài lý luận và ngôn ngữ chế định của thế gian, là pháp siêu thế không thể nghĩ bàn.

- Vâng, điều ấy thì trẫm cũng đã có học.

- Bây giờ trở lại ví dụ. Có người muốn đi đến Hy-mã-lạp-sơn mà không biết đường, đại vương đưa cho người ấy một bản đồ rồi chỉ bày cận kề. Người kia nghiên cứu bản đồ ấy rất kỹ: đi như thế nào, đường bộ, qua sông, núi lớn, núi nhỏ, thời gian... như thế nào y đều kẻ vanh vách. Tuy thế, người ấy không đi, không lên đường... thì có bao giờ người ấy thấy Hy-mã-lạp-sơn không, đại vương?

- Thật không thể.

- Đúng vậy. Có bản đồ trong tay, có Đạo trong tay, nghiên cứu Đạo rất kỹ - những không thể thấy rõ Niết bàn được - vì Đạo ấy không phải là nhân sanh Niết bàn!

- Ô! Hay lắm!

- Có người khác, cũng thế, nhưng sau khi đại vương trao cho bản đồ, y nghiên cứu rất kỹ rồi với hành lý, vật thực, y lên đường. Sau những ngày vất vả, y lên được Hy-mã-lạp-sơn, thấy rõ Hy-mã-lạp-sơn. Trường hợp ấy có thể nói: con đường là nhân sanh Hy-mã-lạp-sơn được chăng, đại vương?

- Đường như không ổn. Con đường chỉ là con đường thôi, như trường hợp thứ nhất ở trên. Trường hợp thứ hai, còn biết bao nhiêu là nhân khác: hành lý, vật thực, sự gian lao vất vả, trải qua ngày đêm v.v... Thiếu tất cả chúng đều không thể đến Hy-mã-lạp-sơn được!

- Thế ra đại vương cũng đồng ý có rất nhiều nhân?

- Vâng! Đại đức nói đúng. Có rất nhiều nhân làm cho thấu rõ Niết bàn nhưng không có nhân sanh Niết bàn.

- Nhưng cọng tất cả nhân ấy có sanh Niết bàn không hở đại vương?

- Chắc được chứ!

- Không, Đại vương làm rồi. Cọng tất cả nhân ấy lại, chúng ta có thể thấy rõ Hy-mã-lạp-sơn, chứ không thể sanh ra Hy-mã-lạp-sơn được, phải thế không?

- Ồ!

- Lại nữa, ví như có người bơi thuyền để sang bờ sông bên kia, người ấy bỏ thuyền lại, lên bờ, thấy rõ bờ kia; chứ đâu phải chiếc thuyền sanh ra bờ kia, phải không đại vương?

- Chắc hẳn thế rồi!

- Đạo là nhân sanh làm cho thấy rõ Niết bàn chứ không phải nhân sanh Niết bàn
- đại vương cũng nên hiểu như thế!

- Tâu vâng!

- Niết bàn là vô vi pháp, không có điều kiện, không có nhân sanh, không có tạo tác, đại vương nên hiểu như thế!

- Thế không thể nào ví dụ hay nói năng gì về Niết bàn cả sao, đại đức!

- Tâu, có thể ví dụ, có thể nói năng để gợi ý, mở phôi, khái niệm về Niết bàn chứ không thể ví dụ, nói năng làm cho người ta thấy Niết bàn, đại vương!

- Tại sao lại như thế?

- Tâu, Niết bàn ở ngoài văn tự, ngôn ngữ; nó không thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. Chúng ta không thể thấy Niết bàn bằng con mắt, nghe Niết bàn bằng lỗ tai, ngửi Niết bàn bằng lỗ mũi, nếm Niết bàn bằng cái lưỡi, sờ Niết bàn bằng cái thân, biết Niết bàn bằng cái ý, đại vương!

- Trời đất! Niết bàn không phải do nhân sanh, không phải tự sanh, ở ngoài ngôn ngữ văn tự, nó không thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai; chúng ta không thể biết Niết bàn qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được! Thế rõ là Niết bàn không có rồi!

- Đại vương khẳng định như thế là không được. Tại sao thế? Ví dụ như đại vương ngồi đây nghiêm cứu rất kỹ con đường đến Hy-mã-lạp-sơn, nhưng đại vương không lên đường, chỉ lý luận về con đường, giảng nói về con đường, lại còn nói rất rõ về Hy-mã-lạp-sơn nữa. Việc làm ấy có giúp đại vương thấy rõ Hy-mã-lạp-sơn chăng?

- Không đúng, phải đến tận nơi mới biết được.

- Giả dụ đại vương đến rồi, đã thấy rồi, trở về, đại vương có thể nói cho mọi người nghe để mọi người có thể thấy rõ Hy-mã-lạp-sơn như đại vương đã từng thấy rõ chăng?

- Thưa, chính họ cũng phải đến tận nơi thôi! Nói cách chi cũng không diễn tả hết được.

- Hy-mã-lạp-sơn hiện hữu sờ sờ ra đấy mà phải đến tận nơi mới thấy rõ được, huống hồ Niết bàn là pháp siêu thế, làm sao có thể biết được qua văn tự ngữ ngôn, qua mắt tai mũi lưỡi thân ý được đại vương!

- Tâu, vâng!

- Niết bàn phải được chứng nghiệm bằng tâm, phải trải qua con đường thực hành chân chánh, lìa xa chướng ngại, ràng buộc, giới định kiên trì, thanh tịnh; khi nào không còn nhiễm ô, cấu uế, chấp trước, khi ấy ta sẽ thấy rõ Niết bàn, tâu đại vương!

- Đồng ý thế rồi! Nhưng đại đức đưa ra ví dụ Hy-mã-lạp sơn là không tương hợp rồi. Mặc dù không thấy rõ Hy-mã-lạp sơn nhưng ta cũng có thể nói sơ sơ về dài, ngắn, rộng, hẹp, to nhỏ, cây cối ở Hy-mã-lạp sơn được kia mà!

- Thì ví dụ khác. Là gió. Gió trong thế gian này có lẽ không có, đại vương nhỉ?

- Gió tại sao lại không có được?

- Thế đại vương có thể chỉ rõ cho bản tăng thấy: gió có màu sắc, hình dáng gì, nó to nhỏ, dài ngắn, rộng hẹp ra sao chăng?

- Không thể được!

- Có thể sờ đụng, bắt bằng tay, đợc chẳng?
- Cũng không thể..
- Vậy thì rõ ràng, gió không có rồi!
- Gió có chứ. Đây này, trấm đang hít thở và cảm giác rõ ràng gió đi vô đi ra nơi buồng phổi, cuống phổi, lỗ mũi của trấm; nhưng tiếc thay, trấm không diễn tả cho đại đức hiểu đợc.
- Cũng thế, tâu đại vương! Niết bàn cần phải đợc chứng nghiệm ở trong tâm, chẳng thể thấy nó bằng màu sắc hay hình dáng, chẳng thể diễn tả bằng ngôn ngữ hay văn tự đợc!
- Thế là rõ lắm rồi! Cảm ơn đại đức đã có quá nhiều ví dụ thiện xảo cho trấm và người đời sau để lãnh hội.

158. (Trùng với câu hỏi 157)

159. Sao không thấy tử thi của dạ xoa?

- Thừa đại đức! Dạ xoa cũng là một loại chúng sanh hiện sống trong thế gian này chứ?
- Tâu, vâng!
- Dạ xoa cũng sanh, cũng già, cũng chết như chúng ta chứ?
- Tâu, vâng!
- Dạ xoa cũng sanh, cũng chết, sao sau khi chúng chết, không ai thấy tử thi của chúng, hờ đại đức! Tất cả chúng sanh như người, trâu, bò, gà, vịt, chim, rắn, khi chết thì tử thi sinh thối, hôi hám...; còn xác tử thi của dạ xoa đâu mà không ai nhận biết, hay xác tử thi của dạ xoa không bốc mùi xú ố?
- Tâu đại vương! Dạ xoa có ba loại là, chư thiên dạ xoa, quỷ dạ xoa và có loại dạ xoa khi làm quỷ, lúc làm chư thiên tùy theo nghiệp của chúng. Tất cả dạ xoa đều thuộc loại hóa sanh - tức là biến hóa thân mà sanh - chứ không phải thuộc loại noãn, thai hoặc thấp sanh. Chúng sanh thuộc noãn, thai và thấp sanh thì mang thân xác tứ đại thô nên sự sanh, sự chết của chúng, mắt thường chúng ta cảm nhận đợc, thấy đợc. Còn loại hóa sanh thì thân xác tứ đại vi tế, mắt chúng ta không thấy đợc. Dạ xoa thuộc hóa sanh thì khi chúng chết, chúng ta không thấy tử thi và không cảm nghe mùi hôi cũng đúng thôi.

Sanh thú dạ xoa cũng tùy theo nghiệp của chúng đã tạo. Dạ xoa có thể sanh lại làm người, làm chư thiên, cũng có thể sanh lại làm cào cào, châu chấu, giò bọ, chim rắn v..v..

- Thế những khi chúng ta cảm nhận có mùi thơm rất lạ phảng phất mà không phải có từ bông hoa, trái cây hay hương trầm? Lại có khi chúng ta cảm nghe mùi hôi thối... mà không phải từ xác chết sinh vật hay phân của thú, chim hay cóc nhái các loại, là tại sao?

- Thỉnh thoảng những lúc tâm an tịnh thế nào đó, chúng ta bắt được mùi thơm hay thối từ những chúng sanh có thân xác tứ đại vi tế ấy. Vậy mùi thơm, có thể là của chư thiên hay thọ thần; mùi thối có thể là mùi của sự chết hay xú uế dơ dáy của các loại quỷ, loại ma hay dạ xoa ở chung quanh, tâu đại vương!

- Vi diệu thay.

- Thật ra còn nhiều vi diệu hơn thế nữa mà vì thân tâm ta bị bít bùng vây hãm trong thế giới uế trược, cho nên những cảm giác tinh tế, nhạy bén lần hồi mất đi, tâu đại vương

- Cảm ơn đại đức!

160. Tại sao Đức Thế Tôn không cấm chế giới luật một lần?

- Thừa đại đức! Theo lịch sử y học thì từ xưa đến nay, có bảy vị đại lương y, làm nghề thầy thuốc giỏi. Đó là các vị Nàrada, Dhamma Tarika, Angi Rasa, Kapilà, Kanda Ratti Kàma, Atula, Pubbà Kacchayana. Cả bảy vị ấy, nghe đồn rằng, họ hiểu rõ nguyên nhân phát sanh của bệnh, biết sự biến chuyển đổi khác hay tăng trưởng của bệnh; biết thể trạng của bệnh qua các thời kỳ, biết rõ nhiều phương pháp chữa trị, biết bệnh này bao lâu thì lành, bệnh kia sẽ không lành v..v.. Ngoài ra, các vị ấy đoán bệnh, xem bệnh chỉ một lần, không đợi phải xem lần thứ hai. Các vị đại lương y ấy, tài giỏi cho đến nỗi, chẩn bệnh mà như nhìn cuốn chỉ quay quanh cái trục, chỉ cần nắm cái đầu mối, là có thể phanh ra cả cuộn chỉ!

Thừa đại đức! Cả bảy vị thầy thuốc kia không phải là Đức Phật Toàn Giác, chỉ nhìn xem bệnh nhân một lần là có thể biết nguyên nhân bệnh, sự biến chuyển bệnh qua các thời kỳ, biết chữa lành hay không chữa lành! Còn Đức Thế Tôn thì sao nhỉ? Là Đấng Toàn Giác mà ngài không biết rõ những căn bệnh nào xảy ra trong giáo hội? Không biết rõ bệnh gì phát sanh và bệnh gì không phát sanh? Không biết rõ những căn bệnh sẽ biến chuyển qua các thời kỳ như thế nào? Lại càng không biết rõ bệnh nào sẽ chữa lành, bệnh nào không chữa lành?

Nói rõ hơn, Đức Toàn Giác của chúng ta, khi trong tăng chúng xảy ra điều xấu ác nào thì ngài chế ra điều luật để ngăn ngừa, hay ngăn cấm điều xấu ác ấy. Một vài vị tỳ khưu nào đó có lời nói hay việc làm quá thô bỉ, trước hạnh, bị mọi người mỉa mai, chê trách... thì lúc ấy Đức Thế Tôn mới chế ra điều học, đưa ra cấm giới. Điều đó chứng tỏ gì? Chứng tỏ Đức Tôn Sư không biết rõ căn bệnh nào sẽ phát sanh, không biết rõ các căn bệnh biến chuyển ra sao qua các thời kỳ. Làm các việc xấu ác là bệnh, giới cấm là thuốc, phải thế chăng? Thuốc của Đức Thế Tôn cho uống, có chắc bệnh nào lành và bệnh nào không lành? Bất khả, chẳng thể biết được, có phải vậy chăng?

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Đức Thế Tôn quả là Đấng Toàn Giác đầy, tâu đại vương! Mười ngàn, trăm ngàn bậc lương y ấy đoán bệnh, chữa bệnh... cũng không thể so sánh với sự hiểu biết thâm sâu, vô lượng của Đức Đạo Sư. Ngài biết rõ tất cả, biết rõ, biết nhiều hơn tất cả sự khôn ngoan, minh triết của tất cả nhân loại từ xưa đến nay. Vì biết quá rõ tất cả những căn bệnh nên ngài đã có cách chữa trị riêng của ngài, mà trí óc phàm phu không hiểu nổi, tâu đại vương!

- Thưa, nếu biết rõ, thế tại sao Đức Toàn Giác không nêu ra tất cả căn bệnh rồi kê toa, cho phương thuốc trị liệu một lần? Ví dụ có hai trăm căn bệnh thì Đức Phật đưa ra hai trăm phương thuốc. Sau này, ai mắc bệnh nào thì y cứ vào phương thuốc ấy mà trị liệu. Có tiện hơn không? Là Đấng Toàn Giác, ngài thiết lập, chế phạm, tùy theo nặng nhẹ mà xử phạt. Nếu làm được như vậy thì tất cả bệnh đều được ngăn ngừa từ trong trứng nước, thì làm gì có chuyện bị thế gian cười chê, đàm tiếu; mọi người khinh bỉ, mỉa mai do một số tỳ khưu xấu ác, thô bỉ đã ăn nói bậy bạ hoặc hành động càn rỡ?

- Xin đại vương hãy nhẫn nại. Sở dĩ Đức Thế Tôn thấy phát sanh điều xấu xa nào mới đưa ra giới điều để đối trị; chứ không cấm chế tất cả bằng một bộ luật một trăm giới hoặc một trăm năm mươi giới - là vì có hai lý do quan trọng sau đây. Nếu đại vương biết rõ hai lý do ấy, thì chắc đại vương phải tán thán, chấp hai tay lên đỉnh đầu để thốt lên: "*Ồ! Đúng là trí tuệ của bậc Toàn Giác, bậc thầy rõ thế gian và thông suốt thế gian!*"

Đức vua Mi-lan-đà rất hoan hỷ:

- Vậy thì đại đức cho nghe!

- Thứ nhất, tâu đại vương! Ví như có một người sơ tu, căn cơ thấp thỏi, hiểu biết nông cạn, phạm tính còn nhiều, bản chất yếu đuối - khi đến xin xuất gia vào trong giáo hội; vị thầy A-xà-lê bèn đưa ra bộ luật một trăm năm mươi điều, hai trăm điều rồi nói rằng "*Đây là mười giới, đây là ba mươi giới, đây là bảy mươi lăm giới. Còn nữa, còn hơn một trăm giới dành riêng cho tỳ khưu nữa. Người hãy cố gắng thọ trì.*" Nếu điều ấy xảy ra, thì kẻ xin tu kia sẽ có thái độ ra sao?

- Thưa, y chắc không dám tu đâu. Nghe giới nhiều như thế chắc tóc y sẽ dựng ngược lên, hốt hoảng bỏ về ngay tức khắc.

- Đúng thế. Và đây là lý do thứ nhất, tâu đại vương. Chính giới quá nhiều sẽ làm cho kẻ sơ tu sợ hãi. Và có lẽ còn hàng trăm, hàng ngàn người thấy vậy cũng dậm ra ón, chẳng dám gia nhập vào một giáo hội nghiêm khắc như thế. Vô hình trung, không biết bao nhiêu là nguy hại, đau khổ cho chúng sanh!

- Cái gì là nguy hại, đau khổ ở đây, thưa đại đức?

- Tâu, giới luật nhiều, người ta sợ hãi không vào tu. Có nghĩa là giáo hội ấy không chịu mở cửa cho chúng sanh đi vào các cõi trời và người. Tại sao lại như thế? Vì trong số xin xuất gia ấy, chưa nói đến chuyện chúng đạt những đạo quả cao siêu - thì họ cũng gieo được duyên lành với Phật đạo, có đức tin, có ít giới luật, có thắng phước do phẩm mạo sa môn - đấy là nhân lành cho họ thọ hưởng phước báu trời, người trong mai hậu.

Còn nữa, trong số xin xuất gia ấy, nếu không được tu, không được gieo duyên lành; họ trở về nếp sống cũ, theo thói quen tạo những nghiệp ác về thân, về khẩu, về ý. Thế là cửa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la sẽ được mở ra!

Vì lý do ấy, giới luật nhiều, đã được soạn thảo sẵn, chế định trước, do nguyên nhân gần và xa: đã mở cửa bốn đường ác và đóng cửa trời và người đấy, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà thốt lên:

- Thật là kinh khiếp! Ôi! Đức Thế Tôn nhìn xa thấy rộng xiết bao!

- Thế đại vương không chê nữa sao?

- Thật không dám thế. Xin đại đức cho nghe tiếp lý do thứ hai?

- Tâu, vâng! Cái mà đại vương chê là khi một tỳ khưu có hành động càn rỡ, thô tháo, xấu ác, bị Tăng lữ cười chê, người đời mỉa mai; Đức Thế Tôn mới chế ra

học giới, chính là dụng tâm rất là sáng suốt của Đấng Toàn Giác. Không phải là Bậc Giác Ngộ thì không thể minh triết được vậy! Tại sao? Vì khi ấy, Đức Thế Tôn mới gọi vị tỳ khưu ấy đến, hỏi rằng: "*Ông làm việc ấy ai cũng cười chê đấy, ông biết không?*" Vị tỳ khưu sẽ trả lời: "*Dạ, con biết, vì làm vậy là xấu, không nên*". Đức Thế Tôn sẽ hỏi tiếp: "*Ông biết là xấu, vậy hành động ấy nên được tiếp tục hay phải chừa bỏ?*" Vị tỳ khưu sẽ trả lời: "*Đã xấu thì không nên làm xấu nữa, bạch Đức Thế Tôn.*"

Cuộc đàm thoại sẽ xảy ra tương tự thế, đại vương có cảm nhận gì không?

- Trẫm là vua một nước, chẳng bao giờ nói chuyện mang tinh thần tự do, dân chủ với tội nhân như thế bao giờ! Đức Thế Tôn quả là biết tôn trọng nhân cách của con người. Trẫm phục lắm!

- Tâu, cảm nhận của đại vương là đúng, nhưng chưa phải là cái cốt tử, cái tinh yếu của vấn đề. Khi vị tỳ khưu thấy rõ hành động của mình là xấu, y sẽ tự nguyện không làm xấu nữa! Quan trọng là ở chỗ ấy. Vị tỳ khưu vì thấy rõ tội nên sẽ không làm tội nữa. Tinh thần ấy là tinh thần "*thấy rõ điều xấu xa, giác ngộ điều xấu xa; từ ấy sẽ không còn mê muội tạo nên những hành động xấu xa, sai lầm nữa.*" Chính Đức Phật đã tạo cơ hội cho vị tỳ khưu tự giác ngộ bài học, tâu đại vương.

- Cảm ơn đại đức! Ngài đã khai mở con mắt tối tăm cho trẫm. Đức Thế Tôn quả là bậc Toàn Giác. Trẫm sẽ không còn dám nói gì về vấn đề này nữa

- Cái nhân quả của vấn đề, đôi khi rất thâm sâu đấy, đại vương!

- Thưa vâng!

161. Mặt trời có bệnh chăng?

- Thưa đại đức! Mặt trời có bị bệnh chăng?

- Tại sao đại vương lại hỏi thế?

- Bởi vì trẫm thấy rằng, mặt trời đôi khi chiếu sáng chói chang, tỏ ra sức lực rất mạnh mẽ; nhưng cũng có những khi tia sáng của nó rất yếu ớt, dường như không có hơi sức. Vậy không phải khi ấy mặt trời bị bệnh sao?

- À, nếu đại vương gọi đấy là bệnh thì mặt trời có bệnh thật. Bệnh của mặt trời làm cho có những khi nó chiếu sáng yếu ớt - là do mây, khói, mưa và nguyệt thực đấy, đại vương!

- Nghĩa là do, mây, khói, mưa, nguyệt thực che ám, lún hiếp nên mặt trời mới bị bệnh?

- Tâu, vâng!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Ôi! Mặt trời oai lực như thế, phi thường như thế mà cũng bị bệnh, hưởng hờ là chúng sanh, đại đức nhỉ!

- Vâng, chúng sanh bị tham che ám, lún hiếp, sân che ám, lún hiếp... nên phát sanh lên không biết bao nhiêu là căn bệnh đấy, đại vương!

- Trẫm hiểu rồi.

162. Lại bệnh của mặt trời nữa!

- Đại đức đã giảng về bệnh của mặt trời thì giảng cho hết luôn! Có phải là mùa lạnh, mặt trời vô bệnh, còn mùa nắng, mặt trời hữu bệnh chăng?

- Tại sao đại vương lại suy ra thế?

- Thưa, vì thường mùa lạnh, tia nắng của mặt trời rất gắt, rất mạnh; còn về mùa nắng, tuy cảm nghe rất nóng nhưng tia nắng không gắt, không mạnh bằng mùa lạnh?

- À ra thế! Có hai lý do, đại vương! Vì hai lý do này mà mùa nắng, tia nắng không mạnh. Thứ nhất là do nắng nóng nên sông, biển, ao, hồ, mặt đất... hơi nước bốc lên, vì hơi nước bốc lên giữa hư không, tia nắng bị cản lại, bị giảm cường độ, nên tia nắng trở nên yếu. Thứ hai vì nóng nên không khí giãn nở tạo nên gió, gió thổi những đám mây rời ra, bay tản mạn giữa hư không. Chính những đám mây tản mạn này che bớt tia nắng mặt trời đấy đại vương!

- Hay lắm! Vậy còn mùa lạnh, tại sao nắng lại gắt?

- Tâu cũng tương tự như lý giải trên. Vì lạnh nên sông, biển, ao hồ, mặt đất... nước không bốc hơi hoặc bốc hơi rất ít; do vậy, hoặc không hoặc có rất ít hơi nước bốc lên hư không, tia nắng không bị lực cản, bị che ám nên nó rất gắt, rất mạnh là đúng thôi. Còn nữa, những đám mây trên bầu trời vì lạnh nên nó đóng thành cụm lớn, không bị gió thổi lang thang, rời rạc giữa hư không. Đây là lý do thứ hai khiến tia nắng không bị che ám, tâu đại vương!

- Thưa, thế thủ phạm, kẻ nghịch chính là hơi nước và những đám mây lang thang - làm cho mặt trời bệnh. Hèn gì!

- Hay lắm! Đại vương đã tìm ra thủ phạm tạo nên căn bệnh cho mặt trời, thế còn thủ phạm tạo nên mọi căn bệnh của chúng sanh thì sao nhỉ?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Đại đức lái câu chuyện hay thật đấy! Hẳn *thủ phạm chính là vô minh và ái dục* rồi!

- Không sai!

163. Về chuyện Bồ tát Vessantara bố thí vợ con.

- Thưa đại đức tất cả bồ tát thuở trước đều phải trải qua hoàn cảnh bố thí vợ con, hay chỉ riêng bồ tát Vessantara của chúng ta thôi?

- Tâu, tất cả. Vị bồ tát nào hành ba-la-mật cũng đều bố thí vợ con như nhau cả thảy.

- Thế vợ con có hoan hỷ làm vật thí cho bồ tát Vessantara bố thí chăng?

- Tâu đại vương! Vợ thì hoan hỷ nhưng con thì không. Nếu trường hợp người con ấy lớn, hiểu biết về nhân quả, phước báu, hiểu rõ tâm nguyện của cha thì nó sẽ hoan hỷ; còn nếu nó nhỏ quá, chưa biết gì thường thì khóc than rất bi lụy.

Vua Mi-lan-đà trầm ngâm giây lâu rồi nói:

- Câu chuyện Bồ tát Vessantara bố thí vợ con, trầm nghĩ ngợi rất nhiều. Nếu nói đây là việc khó thì đúng là việc khó làm, thế gian không ai làm nổi, ngoại trừ bồ tát Vessantara! Nếu bảo đây là sự nhẫn tâm, trái tim đã biến thành gỗ đá - thì chẳng ai có thể biện hộ dùm cho bồ tát Vessantara được, thưa đại đức!

- Đại vương xin cứ thẳng thắn cho. Lý do nào mà đại vương ghép tội bồ tát Vessantara như thế?

- Không dám. Trẫm đâu dám kết tội, nhưng rõ là trẫm có bảy điều muốn đem ra vấn nạn đại đức đây!

- Bàn tăng xin rửa tai lắng nghe.

- Vâng! Đại đức hãy nghe đây:

Điều thứ nhất: Tại sao bò tát lại đang tâm bố thí hai đứa con yêu của mình vốn là lá ngọc cành vàng - đến người bà-la-môn để làm tội cho gia đình hẳn?

Điều thứ hai: Tại sao khi hai trẻ vùng khỏi sợi giây buộc của lão bà-la-môn, chạy đến bên bò tát; khẩn cầu, van xin bò tát giúp đỡ, hầu thoát khỏi bàn tay độc ác của lão ấy, bò tát lại nguội lạnh, đứng đưng đến như thế?

Điều thứ ba: Trước đó, khi lão bà-la-môn cột trói hai trẻ, vừa lôi bừa đi, vừa đánh đập chúng trước mặt bò tát, thế mà ngài chẳng động lòng? Chẳng động lòng, tìm tro tro như gỗ đá thế kia, hay bảo đấy là ngài trú trong pháp xả ba-la-mật?

Điều thứ tư: Khi hai trẻ khóc than thống thiết rằng: "*Cha ơi! Lão già bà-la-môn xấu xí kia đúng là quỷ dạ xoa! Con quỷ ấy xin hai con về là để ăn thịt. Vậy xin cha hãy cứu hai con!*" Ôi! Con mình đau khổ như thế, van xin với nước mắt thống lụy như thế - mà bò tát của chúng ta chỉ an ủi sơ sơ: "*Không có đâu, hai con, không có đâu, đừng sợ.*" Nói thế thì có được ích gì, chỉ như một nhát dao đâm sâu vào tình phụ tử đấy thôi.

Điều thứ năm: Khi đưa trẻ trai Jàli lăn lộn, vùng vẫy, ngã quỵ, gần bên chân bò tát, ngược đôi mắt hoen đỏ, bi thảm, nức nở cầu xin rằng: "*Thưa cha, xin cho em gái Kanhà của con được ở lại, nó còn nhỏ dại quá, nó không chịu nổi sự đau khổ này đâu. Con xin gánh chịu tất cả, con sẵn sàng để cho quỷ dạ xoa kia ăn gan, uống máu, ăn thịt con! Phải cứu em gái tội nghiệp của con, cha ơi!*" Ôi! Trước sự thống thiết của con trai như thế mà bò tát chẳng xúc động, chẳng nói năng gì, thì kể cũng lạ đời!

Điều thứ sáu: Khi bị lão bà-la-môn đánh đập, cột trói rất chặt, kéo bừa hai trẻ lê trên đất như hai con heo; trẻ Jàli chồm lên, lấy thân đỡ roi cho em, không ngớt chửi mắng lão bà-la-môn hèn hạ; thế mà bò tát lại giả vờ quay mặt đi, chẳng rày trách lão bà-la-môn một tiếng là có làm sao?

Điều thứ bảy: Lão bà-la-môn lôi hai trẻ đi xa dần, vấp phải đá, đụng phải cây, thân thể chúng bầm dập, rách nát, tươm máu, tiếng khóc la thảm thiết từ núi rừng hoang vắng vọng lại! Thế đó. Làm cha, làm mẹ có chút thương con thì trái tim chắc cũng vỡ ra làm trăm mảnh; thế mà bò tát cũng dường như không, bước vào cốc, đưa tay khép cửa lại!

Thưa đại đức! Dù bò tát Vessantara phát đại nguyện *bồ tát ba-la-mật* đi nữa, muốn thành tựu *vô thượng bồ đề tuệ* đi nữa, ngài cũng phải có trái tim biết

thương xót con mình chứ? Ai nữ nào đang tâm để cho con mình kêu gào, la khóc như vậy chứ? Thật trẫm không hiểu nổi.

- Đại vương nên nhớ rằng, việc bố thí vợ con của bồ tát, nhất là bố thí con, mà đại vương bảo là *đang tâm, nhẩn tâm, không có trái tim ấy* - đã chấn động mười ngàn thế giới trong cõi sa bà này! Chấn động khắp các cõi trời, người, Đế Thích, a tu la, long vương, phạm thiên, dạ xoa, ma vương v..v... Tất cả, ai cũng nổi gai ốc, dựng tóc gáy; và ai cũng tán dương, khen ngợi không hết lời! Thế thì việc làm ấy là tốt hay xấu hờ đại vương! Tốt hay xấu mà đại vương lại nghiêm khắc luận tội, trong lúc mười ngàn thế giới lại tán thán không hết lời?

- Trẫm hoài nghi về điều ấy!

- Vâng! Tốt hay xấu còn tùy thuộc cách nhìn cùng quan niệm riêng tư. Nhưng sự bố thí ba-la-mật của bồ tát có mười đức tính cao thượng, đại vương cũng nên biết, để từ đó rút ra kết luận cho mình.

- Xin cho nghe.

- Tâu, vâng. Mười đức tính ấy như sau:

Một là, sự bố thí siêu việt.

Hai là, dứt trừ sự thương yêu (bởi tâm ái luyến).

Ba là, thái độ dứt bỏ.

Bốn là, không ăn năn, hối hận.

Năm là, sự bố thí vi tế.

Sáu là, sự đoan tuyệt.

Bảy là, sự bố thí to lớn.

Tám là, sự bố thí thế gian khó hiểu.

Chín là, sự bố thí khó khăn.

Mười là, sự bố thí chẳng ai so sánh được.

Sở dĩ mười ngàn thế giới rung động là do sức mạnh của mười đức tính ấy, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vẫn lắc đầu:

- Thưa, bao nhiêu đức tính cũng vậy thôi! Bao nhiêu sức mạnh cũng vậy thôi. Sự dứt bỏ, bố thí một cách cao thượng, siêu việt, được mười ngàn thế giới tán dương mặc dầu - trẫm vẫn nghi ngờ như thường! Sự bố thí mà không hề nghĩ đến sự đau khổ của kẻ khác, làm cho kẻ khác khóc than, la hét... mà có phước

báu được sao? Đây là con đường đi về cõi trời hay con đường đi vào địa ngục, đại đức?

- Tâu đại vương! Có thể điều ấy đúng khi ta chưa hiểu rõ lý nhân quả. Nhưng nếu ta hiểu rõ lý nhân quả rồi, đồng thời, thấy được cái đại nguyện và dụng tâm sâu kín của đức Bồ tát thì ta sẽ không nghi ngờ gì nữa.

- Đại đức cứ tiếp tục.

- Tâu, vâng. Ví như có một đạo sĩ tu tập trong rừng sâu, hằng ngày trú tâm từ vô lượng, toát ra một năng lực mát mẻ bao phủ cả một vùng. Thế rồi, các loài hươu, nai... đến gần đạo sĩ mà chúng không hề sợ hãi. Bất chợt, sáng hôm kia, đạo sĩ tỏ vẻ hung dữ cầm cây đánh đuổi hươu, nai đi chỗ khác. Đại vương thấy thế nào, vị đạo sĩ đánh đập chúng sanh, vậy là độc ác, vậy là không có lòng từ sao?

- Thưa, đánh đập như vậy là không được rồi!

- Tâu đại vương! Chính đánh đuổi như thế, vị đạo sĩ đích thực mới có tình thương đối với hươu, nai! Vì sao vậy? Vị đạo sĩ nghĩ rằng, nếu chúng tưởng mọi người ai cũng đều hiền lành, vô hại, tìm đến chơi một cách vô tư như thế - thì có lúc, sẽ bị bọn thợ săn làm hại! Điều này chúng tỏ gì? Chúng tỏ hiện tại dường như đau khổ nhưng tương lai, sẽ lợi ích cho nó, an vui cho nó hơn. Câu chuyện bổ thí hai con của bồ tát, chúng ta nên suy xét theo chiều hướng này thì may ra ánh sáng mới được lộ ra, tâu đại vương!

- Thưa, chưa được thuyết phục lắm, nhưng đại đức cứ cho xin ví dụ nữa đi.

- Tâu, vâng. Ví như có một sa môn tu hành rất tinh tấn, có giới hạnh, bị té xuống hố gãy chân, gãy tay, máu ra rất nhiều. Có người thợ săn đi ngang, thấy vậy, khởi mỗi thiện tâm, muốn xuống cứu vị sa môn ấy. Vị sa môn nói rằng: "*Tôi đau lắm, cứ để tôi chết ở đây!*" Người thợ săn nói: "*Ở đây tôi không có thuốc chữa, ngài hãy chịu khó, ráng chịu đau để tôi công về làng*". Sau ba lần thuyết phục, vị sa môn không chịu. Người thợ săn quyết giữ ý mình, quyết cứu sa môn cho bằng được, bèn xuống hố công lên. Phàm tay gãy, chân gãy để yên thì ít đau, nhưng khi di chuyển, động cựa, các khớp xương sai lệch, đau đến tận xương tủy. Người thợ săn biết vậy, nhưng vì muốn cứu bậc tu hành, chẳng ngại đường xa vất vả, chẳng ngại tiếng rên la đau đớn của vị sa môn, lúc đi bộ, lúc đặt lên xe kéo, chuyển được về làng. Lúc sắp xếp lại các khớp xương, bó giẻ để cột lại, vị sa môn đau đớn bất tỉnh... Mấy ngày hôm sau, vị sa môn ngỏ lời cảm ơn. Người

thợ săn nói: "*Ngài chịu khó tịnh dưỡng ở đây vài tháng, tôi nuôi ngài được. Khi nào lành, chân tay hồi phục, tha hồ lên núi mà tu!*".

Tâu đại vương! Câu chuyện xảy ra như thế, ta biết rõ đâu nhân đâu quả, đại vương không lên án nghiêm khắc người thợ săn bắt nhỡ trước sự đau đớn quần quại của vị sa môn chứ?

- Dĩ nhiên là không rồi. Chính nhờ chịu đựng được đau đớn ấy, vị sa môn mới được lành bệnh an vui!

- Việc làm của người thợ săn - dường như lạnh lùng trước sự đau đớn của vị sa môn - có được quả báo như thế nào? Y sẽ mở cửa thiên đường hay y mở cửa địa ngục?

- Khách quan mà luận nhân quả, có lẽ người thợ săn được phước báu rất lớn, rất vĩ đại thừa đại đức!

- Sự khổ sở, đau đớn của hai trẻ, và cái tâm dường như lạnh lùng của bồ tát, cũng tương tự như vị sa môn và người thợ săn vậy, tâu đại vương!

- Qua hai câu chuyện kể của đại đức, trẫm thấy nó có lý được một vài phần.

- Còn nữa, tâu đại vương! Ví như đại vương làm vua một nước, hôm nọ, đại vương muốn làm một công trình *dẫn thủy nhập điền* vĩ đại; sẽ có lợi ích rất lớn cho nông nghiệp, có thể đem đến hạnh phúc ấm no cho cả nước. Đại vương bèn ra một thông cáo rộng rãi là muôn dân phải đóng thuế bằng tiền, bằng lúa gạo hoặc bằng nhân công. Nếu ai không nộp sẽ bị trói, đánh đập hoặc bị giam cầm v.v... lệnh ban ra, mọi người rất sợ hãi, ai cũng than khổ, than không có tiền, than không có lúa gạo! Người không nộp thì bị đánh đập, bị bắt, bị trói, bị giam cầm... lời ta thán của muôn dân kể sao cho xiết!

Tuy nhiên, đại vương vẫn lạnh lùng, cương quyết làm công trình thủy lợi, dẫu trải qua biết bao gian lao, vất vả; lại còn bị hàm oan, bị nhân dân lên án là khắc nghiệt, là bạo chúa v.v...

Sau khi công trình làm xong, muôn dân hoan hỷ, sung sướng; từ rày về sau, ruộng đồng khỏi lo thiếu nước, lúa ngấp khỏi lo úng nước v.v... Nông dân được mùa, mở hội ăn mừng!

Tâu, đại vương! Ví như đại vương làm việc ấy, đại vương quả thật là người không có trái tim, không xúc động trước sự ta thán của muôn dân, bá tánh nhỉ?

Đức vua Mi-lan-đà mỉm cười:

- Chính cái kết quả sau cùng đã biện hộ giùm cho trái tim của trẫm rồi!

- Hay lắm - Đại đức Na tiên cũng mỉm cười. Chính kết quả sau cùng sẽ biện hộ giùm cho trái tim của bồ tát Vessantara, tâu đại vương!

- Thú thật với đại đức, câu chuyện kể của đại đức, mặc dầu là ví dụ, nhưng sao nó giống với vài công việc lớn mà trẫm thường làm cho quốc độ này. Ban đầu, vì không hiểu nên bá tánh rất ta thán, nhưng sau đó họ ca tụng không hết lời. Còn riêng phần trẫm, trẫm rất mãn nguyện. Kết quả mai sau, kiếp sau ra sao, trẫm cũng không biết nữa.

- Đều là phước báu trời, người rất vi diệu đấy, tâu đại vương!

- Thế giả dụ nhân dân đóng thuế rất sung mãn, trẫm lấy số tiền ấy mua vải vóc, lương thực, thực phẩm - để cúng dường, bố thí đến cho thập phương sa môn, bà-la-môn, đạo sĩ, những người bần cùng đói khổ - thì có được phước báu không đại đức?

- Vẫn được rất nhiều phước báu, tâu đại vương! Thế đại vương còn hoài nghi gì về việc bố thí hai trẻ của bồ-tát Vessantara nữa chẳng?

-Vẫn còn hoài nghi, đại đức! Việc làm của trẫm về dẫn thủy nhập điền, bố thí, cúng dường mà lấy tiền thuế - mới nghe thì tựa tựa như chuyện bồ-tát bố thí hai trẻ: một bên thì bá tánh kêu than, một bên thì hai trẻ la khóc. Nhưng dù sao hai trẻ là con ruột của mình, đem cho đi thì hơi quá. Bố thí hai trẻ là việc làm quá trốn, quá đà, như quả cân nghiêng hẳn về một bên! Một bên là khối đá trơ lì, nặng nề, bên kia là trái tim nhẹ hẫng. Phước báu sau này thế nào không ai biết, nhưng chắc chắn thế gian thường tình không ai khen ngợi đâu, họ chê trách thậm tệ là dĩ nhiên vậy.

- Đại vương cứ nói nữa đi!

- Vâng! Đại đức hãy xem! Cái gì quá trốn, quá đà đều không tốt cả.

Cái xe chở nặng quá sức mình, trục, cãm sẽ gãy.

Ăn vật thực quá nhiều, trúng thực mà chết!

Thuốc bổ quá liều, thành độc dược.

Mưa quá nhiều, lúa ngập chết.

Người bố thí với hàng tâm, hàng sản... nhưng thỉnh thoảng cũng phải biết tính toán, xem lại sự chi tiêu, xem lại gia sản - nếu không, sẽ khánh tận.

Nắng quá gắt, quá nhiều, quả đất sẽ nứt nẻ.

Người có lòng tham ái, tham dục quá nhiều, có thể đưa đến điên loạn.

Tham lam của cải, bạc tiền nhiều sẽ dẫn đến trộm cắp, cướp của, giết người.

Người ham nói, nói nhiều, dễ bị lỗi lầm.

Lũ lớn quá sẽ vỡ bờ.

Người học nhiều quá dễ loạn tâm, loạn trí.

Người dũng cảm quá thì yếu thọ v.v...

Thừa đại đức! Quá trớn, quá đà... đều đưa đến kết quả xấu, bố thí hai trẻ cũng là cái gì nằm trong *định luật tất yếu* ấy.

- Tâu đại vương! Cái gì quá trớn, quá đà, quá nhiều như đại vương kể thì chẳng đem đến kết quả tốt đẹp. Nhưng cũng có những cái quá nhiều, quá mạnh, quá to lớn... chúng không nằm trong "*định luật tất yếu*" của đại vương thì sao?

- Xin cho nghe!

- Tâu, vâng! Ví dụ như:

Người thắng cuộc cuối cùng qua các trận đồ vật, được mọi người tán thưởng, chấn憾 là tay đồ vật mạnh nhất.

Quả đất to lớn, vĩ đại - nhờ vậy, nó là nơi nương tựa, che chở, nơi sinh sống cho con người, muôn thú, cỏ cây!

Hư không vĩ đại quá, nhờ vậy, nó mới bao dung được quả đất, trăng sao!

Sự tử uy dũng quá nó mới làm chúa sơn lâm!

Ngọc ma ni quý báu quá nó mới đứng đầu trên châu thổ bảo, thành tựu được ước muốn của con người.

Đức vua cao sang và thắng phước nên đứng đầu cả trăm họ, muôn dân!

Kim cương cứng rắn quá, vật gì nó cũng cứa đứt được.

Tỳ khưu giới đức cao thượng quá nên dạ xoa a-tu-la đều phải quỳ mọp dưới chân.

Đức Phật tối thượng quá nên tam giới không có ai sánh bằng...

Đại vương, tương tự như thế, việc bố thí hai trẻ là việc khó làm, là chuyện quá hy hữu, quá vĩ đại, tạo nên năng lực quá lớn, quá mạnh - nên sẽ có phước đức rất thù thắng, rất vi diệu, chấn động cả mười ngàn thế giới, làm cho người, trời, Đế Thích, phạm thiên, a-tu-la, long vương, dạ xoa v.v... không hết lời tán dương

khen ngợi. Và việc bỏ tất bỏ thí đặc thù, vô thượng ấy - quá đà, quá trớn ấy, chính là nhân duyên thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đầy, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vô cùng thán phục:

- Trí tuệ của đại đức quả là vô biên, vô lượng. Những ví dụ của trăm đưa ra dường như là đẩy đại đức đến chân tường; thế mà, cũng những ví dụ tương tự, đại đức lại tạo sức bật trở lại, làm cho trăm không còn chỗ mà thối lui. Thật là khâm phục vậy.

Đại đức Mi-lan-đà khiêm tốn:

- Đại vương đừng làm cho bản tăng thêm hổ thẹn. Chính nhờ đại vương đã gợi ý cho bản tăng đầy thôi. Còn nữa, ý đại vương còn muốn xác định là bỏ thí không được quá trớn, quá trớn kết quả sẽ xấu. Bản tăng không nghĩ thế, tuy nhiên, vẫn có những giới hạn nhất định. Có những bỏ thí mà kết quả của nó sẽ là bốn đường ác đầy, tâu đại vương!

- Xin cho nghe.

- Tâu, vâng. Có mười trường hợp không nên bỏ thí như sau:

Một, cho người nữ đến người nam để thỏa mãn dâm dục.

Hai, cho bò cái đến bò đực.

Ba, cho rượu hoặc chất say.

Bốn, cho hình ảnh, hình vẽ khiêu dâm.

Năm, cho khí giới.

Sáu, cho thuốc độc.

Bảy, cho xiềng xích để người ta trói, giam cầm kẻ khác.

Tám, cho gà mái đến gà trống.

Chín, cho heo cái đến heo đực.

Mười, cho bàn tính sai, cân đo lường sai, để người ta lường gạt nhau!

Đấy là mười loại bỏ thí mà người trí thức không làm vì nó là chìa khóa mở cửa đi vào ác đạo. Còn các loại bỏ thí khác thì tùy sức, tùy nghi, phải thế không đại vương?

- Có lẽ vậy.

- Thế thì có ấn định một ranh giới nào nữa trong việc bỏ thí không đại vương?

- Trẫm không rõ lắm.

- Ví dụ như cơm nước, y phục, chỗ ở, chiếu đệm, giường ghế, vườn ruộng, tôi trai, tớ gái, trâu bò, gà, vịt... đều có thể bố thí được chứ?

- Thưa, vâng.

- Ví dụ cho tài sản, của cải, bạc tiền, một trăm đồng tiền vàng, một ngàn đồng tiền vàng v.v... hẳn là được chứ?

- Thưa, vâng. Có quyền bố thí cả tay, chân, tim, óc... và luôn cả sanh mạng mình nữa, thưa đại đức - nếu biết trú tâm vô lượng!

Đại đức Na-tiên nói:

- Đại vương bảo bố thí cả tay, chân, tim, óc và luôn cả sanh mạng đều được - thì sao bồ tát Vessantara bố thí vợ, con - Đại vương lại bảo là quá đà, quá trớn, không được?

- Đại đức cứ nói.

- Một người cha nợ nần, vì quá nghèo khổ túng bán, bèn cho con đi ở thuê hoặc bán con cho người khác - là chuyện thế gian cũng thường lắm mà!

- Vâng!

- Thế có ai chê trách họ không?

- Có chứ! Nhưng rồi người ta cũng thông cảm họ hoàn cảnh quá đói nghèo.

- Cũng thế, tâu đại vương. Đức bồ tát tầm cầu *vô thượng bồ đề tuệ*, vì đói ba-la-mật, vì nghèo phước báu - nên phải bố thí vợ, con, đại vương cũng phải biết "*thông cảm hoàn cảnh*" của ngài chứ?

- Thưa, có lẽ vậy. Nhưng theo ý trẫm, bố thí cá nhân mình vẫn tốt hơn. Bố thí mình thì khỏi làm đau khổ vợ con, vẫn là biện pháp hay nhất.

Đại đức Na-tiên giải thích:

- Người ta xin vợ, xin con mà mình lại đem cho mình là việc không hợp lẽ. Xin vật này mà đem cho vật khác là không hợp lẽ. Nhưng nếu có người xin chính mình thì ngài cũng không tiếc đâu. Giả sử không phải người mà là sư tử, cọp, beo, chó rừng... muốn xin ngài để ăn thịt, thì ngài cũng cho ngay, không hề tiếc

sanh mạng. Đại vương nên nhớ rằng, đức bồ tát là miếng thịt chung cho tất cả chúng sanh đó sao?

Ví như trăm loài cây trong rừng đến mùa thì đơm hoa trở trái, rồi xanh, rồi chín vàng. Trái cây chín vàng ngon ngọt ấy hằng để tự do cho muông thú, muôn chim, người đến đấy hái ăn tha hồ. Cũng như thế ấy là tâm của đức bồ tát khi phát nguyện ba-la-mật, tâu đại vương!

Trải qua hai mươi bốn vị Phật tổ, trải qua bốn a-tăng -kỳ và gần một ức kiếp như thế, bồ tát tu tập ba-la-mật vô lượng như thế; đã từng xả ly, dứt bỏ vô lượng ngai vàng, công danh, phú quý, tài sản, lúa gạo, xe cộ ruộng vườn, tôi trai, tớ gái, vàng ngọc... đến cho tất cả chúng sanh. Ngài lại bố thí tay, chân, tim, gan, mắt... và luôn cả sanh mạng mình nữa. Ngài cương quyết dứt bỏ, bố thí vật ngoại thân, cho đến nội thể, sanh mạng... cũng chỉ vì một mục đích vô thượng, đánh đổi bồ đề tuệ, Chánh Đẳng Giác, tâu đại vương!

Ví như một vị quan tốt, thanh liêm, chánh trực, có tâm thương yêu dân. Vị ấy ở trong một triều đình có ông vua tàn bạo, sống đời xa hoa, phù phiếm. Dân chúng bị sưu cao, thuế nặng, đói khổ nhưng của cải, lương thực, vàng bạc của cung điện chất đầy như núi.

Cũng vì mục đích cứu khổ cho bao người, vị quan tốt kia bèn bán tất cả ruộng vườn, gia sản, tôi trai, tớ gái... để mua vải vóc, lương thực, vật thực... để chẩn bần, cứu đói cho chỗ này chỗ kia. Tiếng lành đồn xa, nhân dân ái mộ; họ lật đổ triều đình và suy cử vị quan tốt kia lên làm vua. Sau khi lên ngôi, vị tân quốc vương kia không tiếc của kho, đem phân phát hết cho dân, nhờ vậy, đời sống trong quốc độ thoát khỏi đói nghèo, dần dần cường thịnh.

Tâu đại vương! Việc làm của vị quan tốt kia cũng tương tự như việc làm của bồ tát Vessantara. Muốn cầu ngôi vị Chánh Đẳng Giác để cứu khổ cho chúng sanh ba cõi bốn loài thì ngài đâu có tiếc thứ gì? Đâu phải vì không thương vợ, xót con mà ngài bố thí vợ con? Chính Đức Thế Tôn, sau khi giác ngộ, ngài đã có nói một câu kệ với đại ý rằng:

"Này các thầy tỳ kheo! Chính khi bố thí vợ con, không phải Như Lai không thương yêu vợ con. Hai trẻ Jàli và Kanhà thông minh và ngoan ngoãn hết mực, công chúa Maddi hiền thực, đức hạnh nhất trên trần hoàn. Có con như thế, có vợ như thế mà đem bố thí, ruột Như Lai cũng đứt từng khúc. Nhưng Như Lai phải hướng đến cái cao xa, cái rộng lớn hơn: đấy là ngôi vị Chánh Đẳng Giác, đấy là tình thương không bến bờ đối với tất cả chúng sanh!"

Đại vương nên nhìn xa, thấy rộng, lặn vào chiều sâu thăm thẳm của câu chuyện hơn thế nữa!

- Vâng, vâng! Trẫm đang suy nghiệm đây, đại đức cứ tiếp tục câu chuyện đi!

- Tâu, vâng! Đại vương chớ nên lên án bỏ tát dừng dừng, lạnh lùng. Đức bỏ tát trước cảnh tượng đứt ruột ấy, đã âm thầm chiến đấu với chính mình. Ngài nuốt sự nhẫn nại ấy, sự chịu đựng ấy, lửa đốt ấy vào bên trong, nên sóng lòng trào sôi dữ dội - Đại vương đâu có biết. Chính khi bỏ tát bước vào thảo am, khép cửa lại, là nhằm ngăn bớt tiếng kêu khóc của hai con từ núi rừng xa xôi vọng đến. Ngài đã không chịu nổi, muốn bịt hai tai lại. Nỗi "*căm hận*" lão bà-la-môn ác độc làm cho toàn thân ngài run lên, máu dồn dập, ngài phải thở bằng miệng, nước mắt tuôn tràn. Ô! Không phải là nước mắt nữa mà chính là lệ máu rỉ ra vì xót thương hai con. Ngay khi ấy, một niệm sân khởi lên, một niệm sát khởi lên đối với lão bà-la-môn; nhưng bỏ tát đã kịp thời xả ly, niệm tâm từ mát mẻ, một hồi lâu sau mới trấn tĩnh lại được!

Đại vương thấy đó. Đại vương thấy rằng, lòng xót thương hai trẻ của bỏ tát đâu khác gì thế gian, đồng thời còn hơn cả thế gian nữa. Tại sao vậy? Vì khi bố thí đứt được hai trẻ thì chí nguyện của ngài sẽ thành tựu, đồng thời hai trẻ sẽ được sung sướng và hạnh phúc hơn. Một việc làm mà thành tựu hai lợi ích, đại vương có biết chăng?

- Đại đức hãy giảng giải thêm. Cái lợi ích thứ nhất, tức là thành tựu bố thí ba-la-mật thì trẫm rõ rồi; nhưng còn lợi ích thứ hai: sự sung sướng và hạnh phúc của hai trẻ, trẫm hồ nghi lắm! Cho con để làm tôi tớ mà gọi là sung sướng, hạnh phúc ư?

- Tâu đại vương! Hai trẻ vốn là cành vàng lá ngọc, ở trên nhưng lựa thế mà phải sống đời ăn trái chua, củ sống, hẳn là rất khổ sở vậy. Do có thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, bỏ tát biết rõ số phận tương lai của hai đứa trẻ. Thứ nhất là hai trẻ không thể làm tôi đòi hầu hạ ai. Thứ hai, rồi hai trẻ sẽ được gặp lại thái thượng phụ ở kinh thành, sẽ thoát khỏi cảnh đói khổ ở rừng sâu!

- Có thật thế không, đại đức?

- Thật ra, bỏ tát còn biết nhiều hơn thế nữa. Ngài biết rằng rồi "*ông nội*" sẽ chuộc lại hai trẻ. Ngài biết rằng, vì lý do hai trẻ về kinh đô nên vua cha sẽ thỉnh ngài về để kế vị ngôi vương. Đó là cơ hội tốt để ngài lo cho hạnh phúc muôn dân, đồng thời bổ túc ba-la-mật cho mình. Ngài còn biết rằng, lão bà-la-môn tuổi thọ không

còn được bao lăm, phước duyên ít, kiếp phận hèn hạ chẳng thể nào bắt hai trẻ làm tôi tớ, dù chỉ một ngày, tâu đại vương!

- Thưa, các việc trên là có thể, nhưng việc dưới, việc bề tát biết lão bà-la-môn vì phước duyên ít, chẳng thể bắt hai trẻ làm tôi tớ dù chỉ một ngày, là sao ạ? Lấy gì làm bằng chứng?

- Tâu đại vương! Bằng chứng về lãnh vực này thì bản tể đành chịu. Tuy nhiên bản tể sẽ đưa ra ở đây rất nhiều ví dụ xoay quanh vấn đề ấy. Và có lẽ từ những ví dụ ấy đại vương sẽ tự giải đáp thắc mắc cho mình chẳng?

- Trẫm đồng ý!

- Tâu, ví dụ như mặt trời, mặt trăng, nó to lớn, vĩ đại, nhiều oai lực; vậy ai trên thế gian này có khả năng lấy mặt trời, mặt trăng ấy đặt vào rương, vào thùng để làm đèn chiếu sáng không?

- Chẳng thể được đâu, đại đức!

- Lại nữa, ví như viên ngọc ma ni quý báu của đức Chuyển luân Thánh vương, rất to lớn, hào quang chói lọi, chiếu sáng vô ngại cả hằng do tuần; có người khởi tâm muốn ngăn hết hào quang của ngọc ma ni, bèn lấy một tấm vải bọc lại, hy vọng rằng làm như vậy ngọc ma ni sẽ không còn tỏa sáng nữa. Đại vương nghĩ thế nào, người kia có thể đạt được ước nguyện chẳng?

- Thật không thể, đại đức! Ngọc ma ni vẫn tỏa sáng hào quang như thường!

- Còn nữa, ví như voi chúa Uposatha có màu trắng như tuyết, thanh khiết, cao sang; được trang điểm châu báu rực rỡ, có thân hình uy nghi to lớn dị thường. Là báu vật chỉ phát sanh đến cho các bậc chân mạng đế vương hoặc cho các vị có phước đức thù thắng. Có người nghèo khổ kia khởi tâm muốn bắt bạch tượng ấy về nuôi ở nhà mình. Kẻ kia có làm được việc ấy không, đại vương!

- Thật là một ý nghĩ cuồng vọng, được sao mà được, đại đức!

- Còn nữa, ví như rồng chúa Nandopananda có oai lực lớn, sức mạnh lớn, nó to lớn cho đến đời có thể quấn bảy vòng quanh núi Sineru. Có người sắm một cái dây, định bắt nhốt rồng chúa kia. Việc làm ấy là thế nào hả đại vương?

- Thưa, có lẽ hẳn ta là người điên!

- Tâu, đại vương! Lão bà-la-môn đến xin hai trẻ để về làm tôi tớ cho mình là việc làm của người ngu, kẻ cuồng vọng, là người điên... Tương tự như muốn lấy mặt trời mặt trăng đặt vào thùng, lấy vải bọc ngọc ma ni mong ngăn ánh sáng, bắt voi chúa Uposatha, về nhà nuôi, bắt rồng chúa Nandopananda nhốt vào đây! Đây là những việc làm không thể. Lão bà-la-môn ngu hèn, thiếu phước kia chẳng thể bắt hai trẻ làm tôi tớ dù chỉ một ngày, tâu đại vương!

- Thưa, các ví dụ kia nêu bật là những việc làm bất khả, nhưng ý nghĩa cuối cùng trầm vẫn chưa lãnh hội.

- Tâu, vâng! Dĩ nhiên Hy-mã-lạp-sơn là vua của muôn núi, cao năm trăm do tuần, dài rộng ba trăm do tuần, tổng cộng có tám vạn bốn ngàn đỉnh cao. Nó cao đến chót vót tầng mây, là nơi rót đầy năm con sông lớn, hằng trăm ngàn, hàng ức triệu cây cối, thảo mộc, muôn thú... nương tựa để sinh sống...! Đại vương! Đại vương nghĩ như thế nào, nếu phước đức của hai trẻ được tu tạo ba-la-mật từ vô lượng kiếp, khả dĩ làm con của vị đại bồ tát có thể được ví như Hy-mã-lạp-sơn kia?

- Điều này thì có thể hình dung được. Phước đức của hai trẻ, nếu chất chồng lại thì Hy-mã-lạp-sơn nọ còn nhỏ bé lắm, thưa đại đức?

- Vậy là rõ. Phước đức của hai trẻ vĩ đại như thế thì có thể nào làm thân tội mọi cho lão bà-la-môn nghèo hèn, hạ liệt, ít phước kia chứ?

- Nghe thì hữu lý nhưng vẫn chưa thuyết phục được trầm, thưa đại đức.

- Thật ra, những ví dụ của bản tăng đại vương đã hiểu. Đại vương đã hiểu rằng, người hạ liệt, thiếu phước chẳng thể nào sử dụng những báu vật chỉ để dành cho người có phước đức thù thắng. Tuy nhiên, đại vương cố ý hỏi là hỏi cho phần đông - thì bản tăng nào dám không tuân!

Tâu đại vương! Từ khi bồ tát Vessantara bố thí bạc vàng, của cải, vải vóc, lương thực, voi thàn, xe ngựa, tôi trai, tớ gái... thì danh tiếng và uy đức của ngài đã lan xa nhiều quốc độ. Chẳng những lan xa nhiều quốc độ mà còn vang động đến cõi trời Đế Thích, phạm thiên, lan tỏa đến các cõi a -tu-la, càn-thát-bà, dạ xoa, long vương, càn-đà-la v.v... Tất cả trời người và chúng sanh hữu tình ba cõi không ai là không biết. Vợ và hai con của bồ tát đi theo sống giữa rừng thiêng nước độc làm đau xót cả hằng vạn trái tim cũng không ai là không biết.

Lửa cháy trên một ngọn núi cao trong một đêm tối trời, người ở rất xa vẫn nhìn thấy thì hai trẻ đi theo cha cũng như thế.

Cây Long Hoa ở núi Hy-mã-lạp mỗi lần trổ hoa, hương thơm lan xa xung quanh, các hướng, xa đến mười hai do tuần - hương thơm và danh tiếng của hai trẻ cũng y như thế.

Cộng với phước đức hai trẻ là con vua cháu chúa, với danh tiếng lừng lẫy như thế, lão bà-la-môn bắt hai trẻ làm tôi tớ cho mình được chăng?

Lại nữa, đây là quyết định, là lời giải đáp sau cùng, có tính thuyết phục nhất, đây là bồ tát biết rõ là "*ông nội*" sẽ chuộc cháu cưng của mình, nên trước khi đi, bồ tát đã căn dặn trẻ Jàli: "*Này con, về thành, cha biết là ông nội sẽ chuộc hai con. Khi ông nội hỏi giá cả tiền chuộc, chính con phải trả lời; con trai là một ngàn lượng vàng, con gái không những một ngàn lượng vàng - mà còn tôi trai, tớ gái ngựa xe, trâu, bò... mỗi thứ mỗi một trăm nữa*".

Và sự việc sau đó xảy ra y như thế. Lão bà-la-môn dẫn hai trẻ về nhà, khi nghe đến thân thế hai trẻ, cô vợ trẻ của lão bà-la-môn hoảng sợ, bắt lão dẫn hai trẻ trả lại cho triều đình.

Lão bà-la-môn được phần thưởng trọng hậu, ở trong một tòa lâu đài bảy tầng với tôi trai, tớ gái, ngựa, xe, trâu, bò, mỗi thứ một trăm. Nhưng y sống được bao lâu? Tâu đại vương, chỉ ngày đầu tiên thôi, y ăn một bụng no, trúng thực và chết. Tài sản được niêm phong, triều đình gọi quyền thuộc đến nhận, nhưng chẳng có một ai. Người vợ của lão ta, sau đó cũng không tìm thấy. Rốt lại, tài sản được sung vào quốc khố!

Điều ấy chứng tỏ gì, đại vương?

Chứng tỏ người thiếu phước không thể sử dụng phần phước quá với phước đức của mình!

Tóm lại, bồ thí vợ và hai trẻ là giọt nước cuối cùng làm thành tựu công hạnh ba-la-mật; chấm dứt cuộc lưu đày mười hai năm, vợ và hai con trở lại đoàn tụ trong một quốc độ thịnh trị, hùng cường; bồ tát tiếp tục sứ mạng bồ đề vô thượng. Nhân là vậy, sau trước viên dung! Đại vương còn mối nghi ngờ nào về chuyện bồ thí vợ và hai con của bồ tát Vessantara nữa chăng?

- Hoàn toàn không! Tuyệt đối không! Cảm ơn đại đức vô cùng. Đại đức đừng có để tâm đến những câu hỏi khúc mắc của trăm nhé. Trăm cũng chỉ vì mình và mọi người đấy thôi!

- Tâu, vâng. Bàn tăng hiểu.

164. Chư Phật quá khứ có tu khổ hạnh không?

- Thừa đại đức! Đức Phật Thích Ca hành khổ hạnh sáu năm, thế các vị Phật quá khứ có trải qua giai đoạn khổ hạnh như vậy chăng?

- Có vị có, có vị không - tâu đại vương!

- Sao kỳ vậy? Hay chư Phật có ý kiến bất đồng, tâm và tuệ bất đồng?

- Tâu, quả có sự giống nhau và có sự khác nhau, nhưng cái đồng, cái dị ấy không như đại vương nghĩ đâu!

- Xin cho trẫm nghe điều đó.

- Tâu, đây là năm điểm khác nhau:

Điểm thứ nhất, khác do chọn dòng họ giáng sanh: vị thì sanh vào dòng bà-la-môn, vị thì sanh vào dòng vua chúa.

Điểm thứ hai, khác do thời gian hành ba-la-mật: vị hành ba-la-mật mười sáu a-tăng-kỳ cộng một ức kiếp; có vị thì tám a-tăng-kỳ cộng một ức kiếp; có vị bốn a-tăng-kỳ cộng một ức kiếp.

Điểm thứ ba, khác do tuổi thọ: có vị tuổi thọ ít, giống như Đức Phật Thích Ca; có vị tuổi thọ hơn thế nhiều.

Điểm thứ tư, khác do hình thể: có vị sắc thân nhỏ, có vị sắc thân rất cao lớn.

Điểm thứ năm, khác nhau do khổ hạnh: có vị hành, có vị không hành.

Tâu đại vương, đây là năm điểm khác nhau của tất cả chư Phật; nhưng khi giác ngộ thành bậc Chánh Biến Tri rồi thì quý ngài lại có những điểm giống nhau như: *giác ngộ, thiền chứng, giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thập lực tuệ, mười bốn Phật tuệ, mười tám Phật pháp v.v...*

- Đại đức giảng điều giống, điều khác của chư Phật như thế là rất hay, nhưng để làm gì? Có giải thích được *tại sao đức Bốn Sư của chúng ta phải hành khổ hạnh* đâu?

- Tâu đại vương! Có vị Phật, ba-la-mật già dặn rồi mới xuất gia còn Bồ-tát Gotama của chúng ta, khi xuất gia, ba-la-mật chưa viên dung, phải cần khổ hạnh sáu năm thì ba-la-mật và trí tuệ mới đầy đủ.

- Tại sao ba-la-mật chưa viên dung và trí tuệ chưa đầy đủ, mong đại đức giảng cho nghe điều ấy.

- Tâu, vâng. Sở dĩ như vậy là vì "*tuệ nhàm chán*" chưa chín muồi, phải vượt qua sự cám dỗ của ma vương, và biết dựa theo truyền thống tín ngưỡng đương thời.

- Xin cho nghe rõ ba lý do ấy?

- Đại vương nên nhớ rằng, Bồ tát thành lập gia thất vào năm mười sáu tuổi, đến năm hai mươi chín tuổi mới xuất gia. Suốt mười ba năm sống trong nhung lụa, với vợ đẹp, hầu xinh, món ngon, vật lạ, tiệc tùng, xướng hát... Bồ tát không đắm say sao? Nếu không đắm say thì Bồ tát đã tìm cách thoát khỏi "*ngục vàng*" lâu rồi! Như thế thì ở trong Bồ tát có những loại trí tuệ như "*trí tuệ xuất ly*", "*trí tuệ nhàm chán*" chưa phát sanh. Phải đợi đến khi trẻ Ràhula ra đời, đêm ấy cũng là đêm mà Bồ tát mới chợt thấy: "*cung nga thể nữ nằm ngủ ngổn ngang, xiêm y lộ liễu, nước dãi, nước miếng chảy ra, người mờ, người ngáy... như phơi bày ra đấy tất cả các sự thật bất tịnh của con người...*" Nhờ thấy rõ như thế, "*tuệ nhàm chán*" mới phát sanh nơi Bồ tát. "*Tuệ nhàm chán*" phát sanh, đồng thời, "*tuệ xuất ly*" phát sanh... Thế rồi, Bồ tát mới cương quyết trốn đi xuất gia. Điều ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ ba-la-mật của Bồ tát chưa viên dung và trí tuệ chưa đầy đủ, cần phải bổ sung thêm, tâu đại vương!

- Hay lắm, rõ ràng lắm. Vậy cho trẫm nghe thêm điều thứ hai.

- Tâu, vâng! Thật ra, suốt mười ba năm sống trong đời sống ngũ dục, Bồ tát đã bị sự quyến rũ của ngũ dục ma vương rồi. Chí xuất ly, tuệ xuất ly, xuất gia phát sanh thì Bồ tát đụng đầu ngay với một loại ma vương khác, ấy là chư thiên ma vương!

- Xin cho nghe.

- Khi Bồ tát vừa ra khỏi thành, chư thiên ma vương đã biết rõ; và càng biết rõ là thời gian sau, Bồ tát sẽ đắc quả Chánh Giác, sẽ thoát khỏi quyền lực của ma vương; cũng có nghĩa là vô lượng chúng sanh sẽ giác ngộ đạo quả, sẽ cắt đứt lưới nô lệ, buộc ràng mà ma vương đã giăng bầy cùng khắp. Vì thế, đại ma vương hiện thân lơ lửng trước mặt Bồ tát, dụ dỗ rằng: "*Này ông Sĩ-đạt-ta! sao ông ngu dại từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con thơ? Tại sao lại điên cuồng đắm đầu vào cái khổ, sống đời xuất gia không cửa, không nhà, thiếu cơm, thiếu áo? Ông có biết không? Chỉ bảy ngày nữa thôi, oai đức và uy lực của ông sẽ bao trùm bốn châu thiên hạ. Chỉ bảy ngày nữa thôi, ông sẽ trở thành đức Chuyển luân*

Thánh vương vĩ đại nhất từ xưa tới nay. Xe báu "thiên ngọc luân" có ngọc thạch mắt mèo, có vành có trục đẹp tựa mặt trăng, từ giữa hư không hiện ra, đón ông lên vương vị chí tôn. Ông sẽ cai trị một vương quốc mệnh mông gồm cả bốn châu lớn, mỗi châu như thế gồm có hai ngàn châu nhỏ. Con ông cũng có sắc thân xinh đẹp, tướng mạo khôi vĩ, trí tuệ tuyệt vời; có khả năng thay ông mà coi sóc vương quốc. Ông còn đòi gì nữa. Chỉ bảy ngày nữa là mọi phước báu vinh quang thù thắng sẽ đến với ông. Xuất gia gì cho khổ!"

- Đúng là lời quyến rũ khó chối từ! Thế rồi bồ tát của chúng ta trả lời ra sao?

- Tâu đại vương! Lúc ấy *trí tuệ xuất ly* đã phát sanh nơi bồ tát rồi thì có sự quyến rũ nào lọt vào tai được đâu? Trái lại, lời quyến rũ ấy giống như người cầm mũi

giáo bằng sắt cháy đỏ bị nó nung đốt suốt ngày đêm. Thế mà đã thôi đâu, lại còn có hai người đứng hai bên, cầm hai mũi giáo đâm vào hai bên lỗ tai trái và phải nữa. Chính bồ tát đã cảm nhận tương tự thế khi lời quyến rũ của chư thiên ma vương lọt vào lỗ tai. Bằng không vậy thì như đồng lửa lớn cháy đỏ rực đang thiêu đốt thân tâm, lại còn có kẻ dồn thêm từng đồng, từng núi rác khô, bổi khô vào đấy nữa. Tâm bồ tát quả thật là đã chán ngấy, không còn chịu nổi lời đường mật trở lại thế gian này, dù là vương vị chí tôn.

Còn nữa, thân tâm bồ tát lúc ấy tựa như mặt đất nhàm chán những trận mưa lấm láp dơ bẩn; lại còn chịu thêm một cơn mưa lớn liên miên đổ xuống bùn dơ, xú ối nữa. *Trí tuệ nhàm chán* và *trí tuệ xuất ly* nhờ vậy mà được củng cố thêm, tăng trưởng thêm.

Đức vua Mi-lan-đà gạt đầu, sau đó chột hỏi:

- Tuy nhiên, chỉ còn bảy ngày nữa thôi mà! Chỉ bảy ngày sau là "*thiên ngọc luân*" ngọc thạch mắt mèo, có vành có trục đẹp tựa mặt trăng, từ hư không hiện đến, thỉnh bồ tát lên làm Thánh vương! Sao Bồ tát không nán lại bảy hôm, chỉ bảy hôm thôi, xem thử thế nào cũng không muộn mà!

- Tâu đại vương! Mũi tên đã bật khỏi dây cung rồi, không thể quay trở lại, tương tự thế, *trí tuệ nhàm chán* và *trí tuệ xuất ly* đã phát sanh rồi thì bồ tát cũng sẽ không bao giờ quay lại thế gian. Chính sự quay lại mới là chuyện ngược đời!

- Xin cho nghe?

- Ví như nước tràn hồ, chảy ra sông, xuống biển. Vậy có khi nào nước từ biển cả chảy về sông rồi đổ lại vào hồ không, đại vương?

- Thật không thể.

- Bỏ tất về lại cuộc đời cũng không thể như thế, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà lắc đầu:

- Đại đức lấy một ví dụ không thể có để so sánh với tâm cương quyết, bất thối chuyển của bồ tát, có vẻ áp đặt, kết luận, thật không thuyết phục chút nào!

- Không áp đặt kết luận đâu, đại vương! Tại sao vậy? Vì bồ tát tu tập công hạnh ba-la-mật suốt bốn a tăng kỳ và gần một trăm ngàn kiếp rồi. Ba-la-mật ấy dấu chứa viên dung tròn đủ - nhưng sức mạnh ẩn tiềm của nó mang một năng lực thật khủng khiếp. Kiếp sống chuyển tiếp của bồ tát từ cung trời Tusita, qua kiếp sống làm thái tử Sĩ-đạt-ta, đến năm hăm chín tuổi, là giai đoạn mà ba-la-mật ấy đang ẩn tiềm, chưa mở cửa để lộ diện. Hình ảnh cung nga diêm dúa, hồ hang, nước dải, nước nhót, mồ hôi nóng nực... lò lợ phơ bày bất tịnh... làm rung động kho tàng năng lực cũ, tạo ra một ba động đánh thức năng lực ba-la-mật ngủ ngầm kia! Đại vương, đại vương nghĩ thế nào, khi năng lực ba-la-mật được tích tụ từ bốn a-tăng-kỳ và gần một trăm ngàn kiếp ấy đột nhiên được mở tung?

- Dĩ nhiên sẽ tạo nên một sức bật khủng khiếp.

- Nó có thể dừng lại được chăng?

- Không thể.

- Trí tuệ nhàm chán và trí tuệ xuất ly, được tiếp sức bởi năng lực ba-la-mật được tích tụ bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp ấy, đã tạo cho bồ tát một sức bật khủng khiếp, một chí nguyện bất thối chẳng thể nào dừng lại được, dù là quả vị Chuyển luân Thánh vương, tâu đại vương!

- Cách diễn đạt có hình tượng, cụ thể ấy thật là quá hay!

- Với *tâm bồ đề bất thối chuyển* ấy - thì quả đất này đâu có sụp đổ, trí tuệ xuất ly của bồ tát có vì vậy mà lung lay không đại vương?

- Không có nghĩa lý gì!

- Hằng trăm ngọn núi chón chờ cao tít tận mây xanh, đổ ập xuống, có đê bẹp được chí nguyện kiên cường do trí tuệ xuất ly mà có, của bồ tát, được không, đại vương?

- Nhảm nhò gì!

- Biển cả chứa vô lượng nước, bị một mặt trời, hai mặt trời, ba mặt trời... thiêu đốt, bốc hơi, khô cạn... khô cạn cho đến khi đọng được trên dấu chân con bò;... thử hỏi, có đốt cháy khô cạn trí tuệ xuất ly của bồ tát không đại vương?

- Chẳng thể nào!

- Ví như núi chúa Tu-di bị bể tan thành từng triệu triệu mảnh vụn, tâm xuất gia của bồ tát có bị bể được không, đại vương?

- Cái tâm lúc ấy của bồ tát làm vỡ kim cương thì có!

- Ví như hư không kia bị thu nhỏ lại bằng bàn tay, cái chí *vô thượng bồ đề tuệ* của bồ tát có thu nhỏ lại được như thế không, đại vương?

- Không thể!

- Ví như mặt trời, mặt trăng và cả hằng vạn tinh tú trên bầu trời kia trong một lúc đều bị rụng hết, *tuệ xuất trần* của bồ tát có vì vậy mà bị rơi theo không, đại vương?

- Thưa đại đức! Thế là đã rõ rồi! Tuệ xuất ly ấy là bất thối, bất khả chiến bại!

- Tâu, vâng! khi thoát ra khỏi "*ngục vàng*", tìm đường xuất gia, do năng lực xuất ly đã được tạo trử từ bốn a-tăng-kỳ và gần một trăm ngàn kiếp; bồ tát biết rằng sẽ còn vượt qua từng giai đoạn... cam go, gian nan, thử thách. Còn sáu năm nữa mới đạt thành quả vị Chánh Đẳng Giác, thì sáu năm ấy phải cắt đứt trọn vẹn tất cả mối buộc ràng từ vô thủy, đã giam giữ bồ tát giữa cõi tử sanh luân hồi thống khổ.

- Những ràng buộc ấy là gì, đại đức?

- Tâu, ràng buộc ấy có mười, đó là: *mẹ, cha, vợ, con, thân quyến, bạn, tài sản, lợi lộc, chức quyền và ngũ dục; mười ràng buộc ấy thuộc về lưu luyến, ái luyến, quyến niệm, dục niệm...* hằng giam giữ chúng sanh không chịu buông tha đâu, đại vương!

- Thưa, trăm đã thông rồi. Tất cả những cái gọi là ba-la-mật chưa viên dung, trí tuệ chưa đủ đầy, trăm đã tỏ tường. Tuy nhiên, đại đức có nói rằng, sáu năm nữa bồ tát sẽ đạt thành Phật quả. Con số sáu năm ấy - sáu năm - là thời gian tất yếu để chín muồi công hạnh. Thế sao bồ tát không chờ sáu năm nữa hẳn ra đi?

Nếu sáu năm nữa mới xuất gia, sẽ có hai điều lợi: Thứ nhất là, trước sau gì thì trí tuệ vẫn đầy đủ; thứ hai là, khỏi mất công thời gian khổ hạnh sáu năm, mà sau này Đức Thế Tôn bảo là *sáu năm làm lạc!*

Đại đức Na-tiên thấy câu hỏi hay, bèn tán thán:

- Hay lắm! ngón tay của đại vương đã chỉ thẳng vào cốt lõi của vấn đề. Bàn tăng rất thú vị để cùng với đại vương đi nốt đoạn đường nạn vấn này!

- Rất vui lòng!

- Có những lý do mà ở tại vương vị không thể làm cho trí tuệ chín muồi được, tâu đại vương! Và chính nhờ sáu năm khổ hạnh làm lạc ấy, bồ tát của chúng ta mới kiện toàn, viên dung được công hạnh, tâu đại vương!

- Xin cho nghe!

- Ở tại vương vị sáu năm là ở yên trong cạm bẫy của ma vương, là lý do thứ nhất. Không đi xuất gia ngay khi trí tuệ xuất ly đã khởi - thì sẽ bị thế gian chê bai, khinh miệt; họ sẽ ghép bồ tát vào một trong mười hạng người vô tích sự, thiếu phước... mà ai cũng khinh nhờn, thiếu tôn trọng...

- Cho trăm nghe mười hạng người ấy?

- Tâu, vâng! Đó là:

Đàn bà góa...;

Người kém sức, mất sức, yếu đuối;

Người cô độc không có bạn bè, thân quyến;

Người ham ăn;

Người bệnh hoạn nặng;

Người có bạn ác;

Người nghèo hèn;

Người đố;

Người vô nghề nghiệp;

Người già nua.

- Tại sao thế gian này gán ghép đức bồ tát vào mười hạng người ấy?

- Thật ra, bồ tát tự phản vấn chính mình, tự ghép mình vào mười hạng người ấy nếu thiếu quyết tâm lên đường xuất gia. Tại sao vậy? Vì bồ tát nghĩ rằng, sống đời hưởng thụ ngũ dục năm này sang năm nọ thì tránh sao khỏi sự lười biếng dễ

đuôi? Sơn hào hải vị lúc nào cũng đầy đủ, thừa mứa... không sinh ham ăn mê ngủ cũng sinh bệnh tật, ốm đau! Cứ mãi hoài bên vợ đẹp, hầu xinh, tiệc tùng, đờn ca, xướng hát... thì có khác gì kẻ vô công rồi nghề, ăn bám tài sản, vật thực của muôn dân bá tánh nghèo khổ? Nếu không dứt khoát con đường thì quyết tâm, nỗ lực, tinh cần... sẽ càng ngày càng bị thui chột, sẽ trở nên hèn nhược yếu đuối ngay!

Tâu đại vương! Những điều suy nghĩ của bồ tát như thế có tương ứng phần nào mưu hạng người kể trên không?

- Rõ là cùng một "giuộc"!

- Chính thị!

Đức vua Mi-lan-đà chậm rãi:

- Thôi được rồi! Coi như cho qua chuyện ở lại vương vị đi, sang chuyện sáu năm khổ hạnh lầm lạc. Sao biết lầm lạc mà bồ tát cũng tình nguyện bước vào? Sao sáu năm khổ hạnh ấy là nhân cho trí tuệ chín muồi? Điều ấy khó đấy, đại đức có cần khát lại câu trả lời, đợi ngày hôm sau chăng?

- Không cần thiết, cảm ơn đại vương đã tỏ dạ quan hoài, bản tăng sẽ trả lời ngay đây!

- Tâu đại vương! Đại vương còn nhớ lý do khổ hạnh là phải biết "*dựa vào truyền thống của tín ngưỡng đương thời*" mà chúng ta có đề cập ở phần trước không?

- Có nhớ!

- Và đại vương có biết rằng từ trí tuệ phàm nhân đã chín muồi, đã đầy đủ, đã viên dung, để bước sang Thánh tuệ, cần có bao nhiêu giai đoạn nữa không?

- Trẫm không rõ lắm đâu!

- Vậy thì đại vương hãy chú tâm nghe một lượt về tất cả những điều ấy.

- Thừa, vâng!

- Bồ tát phải hành *khổ hạnh* là vì truyền thống tín ngưỡng đương thời xem khổ hạnh là con đường tối thượng; khổ hạnh là phương pháp tu tập được thế gian tôn trọng, kính ngưỡng. Ai mà chưa tu khổ hạnh thì chưa được gọi là tu. Buổi đầu tiên xuất gia, bồ tát phải lựa chọn khổ hạnh, thứ nhất là vì muốn thử chí nguyện kiên cường, bất khuất của mình. Thứ hai, Đạo Phật có xuất hiện là cũng

cho con người, là vì cuộc đời - nên không có lý do gì ngài lại phải đi ngược lại niềm tin và sự trọng vọng của thế gian! Vậy, đi theo con đường tinh tấn khổ hạnh như là cái gì tất yếu, phải chứng nghiệm, phải vượt qua!

- Có lý lắm, đại đức. Sau này khi hoàng pháp độ sanh, những kẻ ngoại đạo đã từng tu tập khổ hạnh đệ nhất, đệ nhị... tất phải khâm phục Đức Thế Tôn đã từng trải khổ hạnh tối thượng, đệ nhất cổ kim nữa kìa!

- Đúng thế!

- Vậy là thông suốt, thông suốt. Xin đại đức cho nghe thêm về chuyện *sáu năm khổ hạnh là nguyên nhân cho trí tuệ chín muồi*, cùng các giai đoạn từ phạm tuệ bước qua Thánh tuệ?

- Tâu, vâng!

Đại vương có biết rằng, ngay chính thiên định, định tâm, là cái mốc, là cái cơ bản, từ đó quán chiếu để phát sanh Thánh tuệ, phải chế ngự bao nhiêu trạng thái tâm trần luân, cấu uế chằng?

- Có biết, trăm có biết nhưng không cách chi mà biết hết đâu.

- Vậy thì bản tăng xin làm con vệt, đọc hầu cho đại vương nghe! Nó có hai mươi lăm *pháp trăm luân*, trở ngại sau đây:

Một, nóng giận, nóng nảy.

Hai, cừu oán, hận thù.

Ba, quên ơn, bạc nghĩa.

Bốn, tự cao, tự đại.

Năm, ganh tỵ, tật đố .

Sáu, bồn xền, rít róng.

Bảy, xảo trá, phỉnh gạt.

Tám, khoe khoang, điệu bộ.

Chín, cứng đầu, ương ngạnh.

Mười, tranh tài, hiếu thắng.

Mười một, say đắm, sa ngã.

Mười hai, khinh người.

Mười ba, ngã chấp.

Mười bốn, dễ dãi, buông thả.

Mười lăm, hôn trầm, giải đãi.

*Mười sáu, uể oải, lừ đừ.
Mười bảy, lười biếng, nhác nhóm.
Mười tám, yếu đuối, khiếp nhược.
Mười chín, thân cận bạn ác, bạn xấu.
Hai mươi, mê sắc, háo sắc.*

*Hai mươi mốt, đấm thanh.
Hai mươi hai, đấm hương.
Hai mươi ba, đấm vị.
Hai mươi bốn, đấm xúc.
Hai mươi lăm, đói cơm, khát nước.*

Nếu có một trong hai mươi lăm trạng thái tâm trầm luân, cấu uế này thì khó mà trú định được, hưởng hồ là được Thánh tuệ, đắc được tuệ lậu tận.

- Vàng, trầm nghe rõ rồi, giờ đại vương giải tòa cho sự nghi nan sau cùng: *tại sao lại nhờ sự khổ hạnh?*

- Tâu đại vương! Trong sáu năm làm lạc ấy, với sự đại tinh tấn khổ hạnh, Thánh tuệ vẫn không thấy phát sanh. Tất cả mười pháp ràng buộc dường như ngài đã cắt đứt hết rồi. Tất cả mọi loại thiền định ngài cũng đã tu tập hết rồi. Rà soát lại mười ba-la-mật thì không có ba-la-mật nào mà ngài còn khiếm khuyết!

Dường như càng nhịn thờ, nhịn ăn, cho đến tuyệt thực, chấm dứt cả hơi thở thì cơ thể ngài càng suy yếu, có thể đưa đến chấm dứt mạng sống chứ không phải phát sanh tuệ giác!

Sau ngài nhớ lại, thuở còn ấu thơ, lúc bảy tuổi được bà nũ mẫu ẵm bồng theo vua cha đi xem lễ hạ điền. Lúc ở dưới cội cây trâm, ngài đã dễ dàng trú định sơ thiền, quả thật không phải gắng sức quá lắm.

Chính nhờ tất cả những điều ấy, từng trải qua sáu năm, chiêm nghiệm tự thân, thực hành mọi phương pháp tu tập khó khăn; phàm tuệ nơi ngài mới quặng bác, thâm sâu, vi tế; nhờ vậy, khi ăn uống trở lại bình thường; ngài dễ dàng chứng quả vô lậu tận, tựu thành Thánh tuệ, thấy rõ Tứ diệu đế, Vô sanh Niết bàn, tâu đại vương!

Đức vua xoa tay hoan hỷ nói:

- Làm phiền đại đức quá nhiều!
- Không có chi, tâu đại vương!

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

165-175

165. Năng lực của thiện và ác nghiệp, cái nào mạnh hơn?

- Thừa đại đức! Năng lực của thiện nghiệp và năng lực của ác nghiệp, cái nào mạnh hơn?

- Tâu, năng lực của thiện nghiệp bao giờ cũng mạnh hơn năng lực của ác nghiệp!

- Thừa, trẫm không tin như vậy. Đại đức xem! Trên đời này, những kẻ giết người, cướp của, trộm heo, trộm gà; những kẻ tà hạnh vợ người, lường gạt, tước đoạt gia sản của người v.v... họ bị trả báo tức thì. Pháp luật của trẫm sẽ xử phạt những người ấy. Tùy theo mức tội nặng nhẹ mà trẫm sẽ căng nọc ra đánh bằng gậy, giam cầm, đôi khi cắt tay, cắt chân hoặc chém đầu nữa. Như vậy là rõ ràng ác nghiệp sẽ trở quả nhanh do năng lực của nó mạnh. Có người bị trả quả tội báo ngay ngày hôm sau, có kẻ trả quả sau một tuần, nửa tháng, một hoặc hai năm v.v..., nghĩa là trước sau cũng sẽ trở quả, ngay chính trên đời này!

Còn những người làm việc thiện thì sao nhỉ? Họ bố thí, trai tăng, làm phước, cúng dường ngày này sang ngày khác, đến một vị tỳ khưu, hai vị, bốn vị, một trăm vị, đến một ngàn vị...; ngoài ra, họ còn thọ trì tam quy, ngũ giới, bát giới, hành thập thiện... mà sao không thấy ai được quả báo trong hiện tại? Các vị tỳ kheo trong hàng ngũ của đại đức, bao giờ cũng nói, kiếp sau, kiếp sau nữa! Như vậy, chúng tỏ gì? Chúng tỏ năng lực của thiện nghiệp rất yếu, không có khả năng cho quả trong hiện tại, phải đợi đến bao nhiêu kiếp sau mới đủ sức trở !

Đại đức hãy chứng minh đi! Rõ là sức mạnh của nghiệp thiện thua sức mạnh của nghiệp ác rất xa vậy!

- Hãy từ từ, đại vương! Hãy nhẫn nại, đại vương! Không bao giờ sức mạnh của thiện nghiệp lại thua ác nghiệp được. Và không phải không có trường hợp người làm thiện được quả báo ngay trên đời này!

- Xin cho nghe!

- Nói về người bố thí, trì ngũ giới hoặc bát quan trai giới, được quả báo nhãn tiền, có bốn người là:

*Đức vua Sakkamandhātu,
Đức vua Nemi,
Đức vua Sàdhina,
Chàng Tinapàla.*

Đại vương có nghe đến tên họ không?

Đức vua Mi-la-đà lắc đầu:

- Thưa, không biết. Hoặc giả đại đức kể tên những người thuộc đời nảo, đời nao... ai mà biết được! Đại đức hãy kể tên những người hồi Đức Phật tại tiền, may ra trẫm có thể nhớ được chăng?

- Tâu, vâng! Vậy thì thuở Phật tại thế có sáu người làm lành, được quả báo nhãn tiền, như sau:

Thứ nhất, người giúp việc tên là Punnakedàso;

Thứ hai là mẹ của người chăn bò;

Thứ ba, cận sự nữ Suppiyà;

Bốn là bà hoàng hậu Mallikà;

Năm, người làm tràng hoa tên là Sumana;

Thứ sáu, người bà-la-môn tên là Ekasàtaka.

Cả sáu người này đều được tài sản, chức tước, địa vị ngay trên đời đó, tâu đại vương!

- Thưa, xin đại đức cho biết rõ nhân quả của từng vụ việc như thế nào?

- Tâu, vâng, đại vương hãy nghe đây:

Trước hết, chàng giúp việc Punnakedàso dâng vật thực đến cho Tôn giả Xá-lợi-phất bèn được chức vị bá hộ giàu sang ngay chính trong ngày ấy.

Tiếp đến, mẹ của người chăn bò có đức tin trong sạch đối với thiện pháp, vì nghèo khổ quá nên đã tự cắt mớ tóc của mình, bán được tám xu tiền vàng, mua vật thực dâng cúng đến ngài Đại-ca-chiên-diên (*Mahà Kaccàyam*); bèn được đức vua Udena thương mến, kính trọng, phong cho làm hoàng hậu ngay trong ngày ấy.

Thứ ba, nàng cận sự nữ Suppiyà cắt lấy thịt bắp chân của mình, nấu cháo dâng đến cho một vị tỳ khưu bị bệnh; sáng sớm ngày hôm sau, nàng không còn tìm thấy dấu vết thương của mình.

Thứ tư, nàng Millikà chỉ dâng một cái bánh đậu đến Đức Phật, được trả quả báo ngay hôm ấy là làm hoàng hậu của đức vua Kosala.

Thứ năm, người thợ làm tràng hoa Sumana dâng tám nắm hoa lài, tung rãi cúng dường Đức Thế Tôn, được quả báo tức thì do nhà vua tặng rất nhiều của cải, tài sản.

Cuối cùng, ông bà-la-môn Ekasàtaka chỉ có một thước vải mặc, lấy tấm vải duy nhất ấy cúng dường Đức Phật, được phước quả hiện tiền, là tất cả đồ dùng, mỗi loại tám cái.

Đây là nhân, là quả, năng lực thiện nghiệp trở quả ngay hiện tại, tâu đại vương!

- Chỉ có bấy nhiêu thôi sao, đại đức?

- Vâng, theo những gì bản tăng có thể nhớ được, chỉ có sáu người ấy thôi!

Đức vua Mi-lan-đà bèn nói to:

- Đại đức dám bảo là năng lực thiện nghiệp có sức mạnh vĩ đại hơn năng lực của ác nghiệp, mà đại đức chỉ đưa ra được có sáu ví dụ, sáu người; trong lúc sức mạnh của ác nghiệp, có khả năng cho quả tức thời... thì trăm có thể mang ra dẫn chứng nhiều không kể xiết, nào phải chỉ có hai mươi, năm mươi, một trăm, hai trăm mà thôi đâu!

Lại có khi sức mạnh của ác nghiệp trả quả tức khắc khi nhân vừa gây ra. Ví dụ như quan đại thần Bhaddapàla, hô đội quân dũng mãnh của mình chiến đấu với đội quân của vua Cadagutta! Hai bên vừa ra quân, đao vừa vung lên, đầu bèn rụng xuống...; và cứ thế, gươm giáo tung ngang xẻ dọc làm cho hàng trăm hàng người bỏ mạng. Trận chém giết ấy rõ là trả quả ngay tức khắc, chứng tỏ nghiệp ác có sức mạnh dường bao!

Thế là rõ! Thế là luận cứ của đại đức đã bị bẻ gãy rồi!

- Chưa đâu, tâu đại vương! Năng lực của ác nghiệp vẫn không mạnh bằng năng lực của thiện nghiệp. Sở dĩ ác nghiệp trả quả nhanh là vì quả ấy ít; còn thiện nghiệp trả quả chậm vì quả báu rất nhiều! Ví như có một loại lúa ở ngoài biên địa quốc độ của đại vương, lúa ấy nhẹ, hạt nhỏ, vãi xuống trong ruộng một tháng là chín ngay, nhưng năng suất kém. Trái lại, lúa Sàli đến năm, sáu tháng mới chín nhưng năng suất rất lớn. Ví dụ này như thế nào thì thiện nghiệp, ác nghiệp trở quả ít nhiều như thế ấy, tâu đại vương!

- Trầm vẫn chưa đồng ý đâu. Ác trả quả mau nhưng ít, thiện trả quả chậm nhưng nhiều - nghe vẫn chưa thuyết phục. Cái trở quả nhanh chính là do năng lực lớn, mạnh. Cái trở quả nhanh mới là điều quan trọng. Vì sao? Ví như một chiến sĩ can trường, mới vào trận đã xông xáo tìm bắt tên thủ lĩnh. Y đã hàng động rất nhanh, nhờ nhanh tay bắt được tên thủ lĩnh nên sớm quyết định thắng, bại ở chiến trường. Ví như một người bị rắn độc cắn được dẫn đến nhà thầy rắn để chữa trị. Người thầy rắn chẳng chần chờ phút giây nào, tức khắc tìm cách hút nọc rắn, nhanh tay cho thuốc uống, thuốc đắp. Nhờ lanh lẹ như thế, người bị rắn cắn thoát khỏi tử thần.

Còn nữa, ví như hai người cùng đang đếm một số lượng hàng hóa. Người nào đong lẹ, đếm nhanh người ấy chắc hẳn được hưởng phần lương cao hơn. Mà nếu phần lương không cao hơn thì y cũng còn được khoảng thời gian dư dả để làm công việc khác. Ai lợi hơn ai hẳn không cần phải trả lời.

Còn nữa, ví như hai tay đồ vật vào cuộc. Có một tên chậm chạp, tay kia nhanh hơn, đã tìm cách quật ngã đối phương rất nhanh nên dành được chiến thắng lớn! Vậy đó, có sức mạnh thì bao giờ cũng nhanh. Ac có sức mạnh hơn thiện nên sẽ trở quả mau hơn cũng là định luật tất yếu thôi, đại đức. Xin đại đức đừng đem chuyện nhiều và chuyện ít vào đây, nó không tương hợp đâu!

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Tất cả những ví dụ của đại vương nghe thì có vẻ hay nhưng đều không áp dụng được. Vì sao? Vì tất cả những ví dụ ấy đều không tương hợp với định luật nhân quả.

Người chiến sĩ can trường ra tay nhanh, người thầy thuốc chữa bệnh rắn cắn nhanh, người đong đếm nhanh, người đồ vật sức mạnh quật ngã đối thủ nhanh. Cái nhanh ấy là tốt, tốt cho nên trở quả nhanh mới đúng chứ, sao đại vương nêu ra để chứng minh cho cái ác?

Có người ăn uống nhanh bị nghẹn họng, cạo đầu nhanh bị đứt da đầu, viết chữ nhanh khiến chữ xấu v.v... Ở đây, cái nhanh ấy lại là xấu, ác; thế thì phải nói cái ác trả quả nhanh sao?

Lại nữa, những ví dụ khác của đại vương về tội cướp của, giết người v.v... bị pháp luật của đại vương xử trị ngay, đại vương y cứ vào đó để bảo rằng *ác trở quả nhanh!* Thế rõ là đại vương đang nắm trong tay định luật nhân quả đó chẳng? Định luật nhân quả phải xảy ra một cách lạnh lùng, không thiên vị. Ở

đây, đại vương đã nghiêng về phía trừng trị kẻ ác rồi! Còn người làm điều thiện trong quốc độ của đại vương thì sao nào? Đại vương sẽ *trả quả báo chậm* cho họ hay sao? Hay là đại vương lý luận, để chứng tỏ người làm thiện không được phước báu gì hết?

Ác thì đại vương chặt đầu, treo cổ; còn những người giữ ngũ giới, bát giới, chẵn bàn người đói khổ, cứu giúp người hoạn nạn... đại vương đã ra luật định ban thưởng cho họ như thế nào chẳng? Không à? Chưa à? Thế ra đại vương không phải là người nắm định luật nhân quả, chỉ phối trọn vẹn vận mệnh con người ở trong quốc độ của đại vương hay sao? Đại vương hãy trả lời đi!

Những câu hỏi dồn dập của đại đức Na-tiên làm cho đức vua Mi-lan-đà bối rối không ít.

Đức vua đáp:

- Trẫm biết trẫm sai rồi, cái nhìn của trẫm ngắn và gần quá, chỉ ở trước mắt, hay chỉ từ những điều mà trẫm suy nghĩ được!

- Tâu đại vương! Cho chí các bậc thượng thủ A-la-hán như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cũng không có khả năng thấy rõ sự vận hành của lý nhân quả, ngoại trừ bậc Toàn Giác. Việc trở quả nhanh hay chậm của thiện và ác, các bậc đại A-la-hán cũng không thấy rõ được. Nhân quả nó xảy ra ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ là nhân, hiện tại là quả. Hiện tại là nhân, vị lai là quả. Trong chừng mực nào đó, chúng ta hiểu vậy - nhưng thật sự chúng ta không dám xác quyết cái gì là nhân, cái gì là quả chắc chắn đâu. Cái nhân bây giờ đôi khi chỉ là cái quả của quá khứ, và quả từ quá khứ đôi khi lại là nhân từ hiện tại. Nó trùng trùng duyên khởi, không thấy đầu, không thấy đuôi, đại vương ạ!

Lại nữa, bản tăng nói, năng lực thiện nghiệp có sức mạnh hơn năng lực của ác nghiệp, điều ấy không còn hồ nghi, tuy nhiên, ta cũng phải hiểu trong ý nghĩa tương đối. Vì sao vậy? Vì có những kẻ làm ác, như phạm vào *ngũ nghịch đại tội* [*], thì kẻ ấy có khi phải bị trả quả báo nhãn tiền, tâu đại vương!

[*] *Giết cha, giết mẹ, chích máu Phật, giết A-la-hán, chia rẽ Tăng.*

- Vâng, trẫm rõ rồi!

- Lại nữa, ví như tướng cướp Angulimàla là tay khét tiếng giết người, sau vào tu trong giáo pháp của Đức Thế Tôn, chứng ngộ đạo quả. Đáng ra, tội giết người kinh khiếp của Angulimàla sẽ bị ác báo nặng nề! Nhưng không, Angulimàla nhờ

chúng ngộ đạo quả cao siêu, pháp xuất thế gian, là tối thượng thiện pháp - nhờ năng lực ấy nâng đỡ nên trả quả rất nhẹ. Thế điều này không chứng tỏ *năng lực của thiện mạnh hơn năng lực của ác* sao, đại vương?

- Chính thị! Thôi cảm ơn đại đức đã xua tan sự u tối cho trẫm.

166. Hồi hướng phước có hiệu quả không?

- Thừa đại đức! Khi người cư sĩ làm được một phước sự như trai Tăng, bố thí, cúng dường, rồi họ hồi hướng đến cho ân nhân, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc đã quá vãng từ nhiều đời, không biết quả lành của sự hồi hướng đó có kết quả gì không?

- Có số được, có số không, tâu đại vương!

- Xin cho biết nguyên do?

- Tâu, vâng! Nếu cha mẹ, ân nhân, thân bằng quyến thuộc... sau khi chết, sanh vào các cõi trời, đọa sanh địa ngục, sanh làm muông thú... thì quả lành của sự hồi hướng không đến với họ được.

Còn nữa, các loại a-tu-la, ngạ quỷ đói, ngạ quỷ bị lửa thiêu cháy... cũng không hưởng được phần phước. Chỉ có loại quỷ Paradattù pajivì - tức là loại ngạ quỷ sống nhờ vào sự bố thí của người khác - mới thọ hưởng được quả lành của sự hồi hướng ấy. [*]

[] Thật ra, có một số chư thiên, thọ thần hoan hỷ phước, tùy hỷ phước - thì sự hồi hướng vẫn có hiệu quả (Dịch giả).*

- À, hóa ra là vậy. Thế thì nếu cha mẹ, ân nhân, thân bằng quyến thuộc của mình không sanh làm ngạ quỷ Paradattù pajivì thì sự bố thí, cúng dường, tốn tiền bạc, tốn công sức sẽ trở nên vô ích, phải vậy không, đại đức?

- Không, vẫn có lợi ích. Phước báu ấy sẽ không tiêu mất. Chính người làm phước được hưởng phước báu ấy.

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Tâu, vâng! Ví như có người sửa soạn một mâm vật thực gồm có rượu thịt cơm bánh v.v... để đãi đằng bà con quyến thuộc của mình. Vì một lý do nào đó, những người kia không đến, thì mâm vật thực ấy sẽ thuộc về phần ai, đại vương?

- Hoàn về cố chủ.

- Lại nữa, ví như có người đi vào cửa trước của ngôi nhà, tìm đến cửa sau để đi sang một chỗ khác. Cửa sau không tìm thấy, thì người kia đi trở ra bằng lối nào hờ đại vương?

- Lối cũ thôi!

- Cũng tương tự thế. Phước báu gởi đi các nẻo không được, không ai thọ nhận thì phải trở về lối cũ, trở về chủ của nó, đại vương!

- Rõ lắm rồi. Sàdhu!

167. Hồi hướng "ác" có được không?

- Thừa đại đức! Hồi hướng thiện báo, thiện quả thì trầm thông rồi. Nhưng còn ác báo, ác quả thì sao? Ví như có người tạo ngũ nghịch đại tội như giết cha, giết mẹ v.v... rồi hồi hướng đến cho cha mẹ, ân nhân, quyến thuộc... hoặc cho kẻ thù nghịch đã quá vãng từ nhiều đời, có được không, đại đức? Người được hồi hướng có nhận được ác quả, ác báo ấy chăng?

Đại đức Na-tiên ngạc nhiên:

- Thật là câu hỏi lạ lùng, bản tạng chỉ mới nghe lần đầu. Tuy nhiên, bản tạng sẽ trả lời ngay: việc ác không thể hồi hướng được, tâu đại vương!

- Tại sao lại không được? Thiện hồi hướng được thì ác cũng phải hồi hướng được chứ! Thiện có nơi nhận được thì ác cũng phải có nơi nhận được chứ? Pháp vốn bình đẳng mà!

- Câu hỏi *tại sao* này, thật khó trả lời! Và có lẽ đại vương cũng không nên đặt những câu hỏi như thế.

- Tại sao?

- Vì câu hỏi ấy cũng tương tự như những câu hỏi sau đây: *Chanh, tại sao mà chua? Ót, tại sao mà cay?* Những câu hỏi ấy có thể trả lời được không, đại vương?

- Đã trả lời không được, mà còn vô ích nữa.

- Cũng tương tự như thế là câu hỏi của đại vương!

- Trẫm thấy chúng chẳng có gì giống nhau cả! Thật ra, trẫm không cố ý tìm câu hỏi hiểm hóc để bắt bí đại đức. Sở dĩ trẫm hỏi như thế là vì thế gian sẽ có người đặt những câu hỏi tương tự. Mục đích mà trẫm muốn nhắm đến là lợi ích cho phần đông và lợi ích cho các thế hệ hậu lai. Đại đức nên thông cảm.

Đại đức Na-tiên mỉm cười:

- Bây giờ đại vương thử trả lời những câu hỏi của bản tăng xem sao! Rồi từ những câu hỏi ấy, chúng ta sẽ trở lại vấn đề, được chăng?

- Thưa vâng.

- Có người lấy ống nước - nghĩa là bên trong có lỗ bọng - để thổi nước đi xa; họ có làm được không, đại vương?

- Được chứ!

- Vậy nếu có một hòn núi - bên trong cũng có lỗ bọng - có thể thổi nước đi xa được không, đại vương?

- Không thể được!

- Còn nữa, người ta thường đốt đèn bằng dầu, có người bắt chước, lại thay dầu bằng nước, thế có đốt đèn được không, đại vương?

- Không được!

- Ví như có người nông phu khai nước thông từ hồ vào ruộng, làm được vụ mùa phát tài; có người bắt chước, dẫn nước biển vào ruộng, thế y có thu hoạch được gì không, đại vương?

- Lúa chết hết còn gì!

Đến đây, đại đức Na-tiên trầm ngâm giây lát rồi mới cao giọng nói:

- Mỗi loài, mỗi vật, mỗi pháp trên thế gian này đều có những đặc tính, tính chất khác nhau, không ai có thể trả lời tại sao chúng có hình dáng, tính chất ấy. Chanh có vị chua, mít có vị ngọt. Chua, ngọt là đặc tính, tính chất của chanh, của mít. Cũng tương tự thế, ống hút nước có công dụng, chức năng của ống hút nước, cái ngọn núi bọng kia không thể làm chức năng của ống hút nước được. Dầu dùng để đốt vì nó có tính chất dẫn cháy, nước không thể thay thế dầu được. Nước ngọt giúp cho việc trồng lúa, nhưng nước mặn lại làm lúa chết! Tất cả những điểm mà bản tăng đưa ra ở trên, nghe có đúng không, đại vương?

- Không sai!

- Trở lại vấn đề đầu tiên, là thiện và ác. Thiện, ác là hai pháp, mỗi thứ có một tính chất, một đặc tính, công dụng và chức năng khác nhau. Tương tự như *mít thì ngọt mà khế thì chua*: người làm việc thiện thì tâm mát mẻ, người làm điều ác thì tâm nóng nảy. Mát mẻ hay nóng nảy là phản ứng tất yếu của thiện và ác; chúng không thể trao đổi trạng thái và phản ứng cho nhau được. Pháp nào bảo tồn và duy trì tính chất của pháp ấy! Đại vương đã nắm vững điều này chưa?

- Trẫm còn lơ mờ lắm đấy!

- Dầu thì đốt được, còn nước không đốt được vì dầu mang tính chất của vật dẫn cháy. Cũng tương tự thế, thiện hồi hướng được, ác không hồi hướng được là do tính chất của nó như vậy, chúng không thể làm khác tính chất của chúng, ta cũng không thể áp đặt bảo chúng phải khác đi!

Nói rộng hơn tí nữa, bản chất của thiện là *lan tỏa*, càng thấp càng sáng, càng hồi hướng thì càng được nhiều. Bản chất của ác là *co rút, cô đặc*, không lan tỏa, người nào làm thì người ấy chịu thôi, chẳng thể chia xẻ được cho ai! Đại vương nghĩ thế nào?

- Thưa, đã bắt đầu sáng ra rồi đấy.

- Thiện có quả nhiều, ác có quả ít; đó là bản chất, tính chất của nó, là một cái gì cố hữu, tất yếu vậy, đại vương!

- Nhiều và ít ấy như thế nào, đại đức?

- Một giọt nước có thể rơi thấm được mười sào đất, hai mươi sào đất không, đại vương?

- Không thể.

- Thế một trận mưa to, rất lớn, rất lâu - thì sao đại vương?

- Không những thấm nhuận cả một vùng mà còn đầy giếng, khe, suối, sông, rạch... nữa là khác!

- Cũng tương tự như thế! Việc thiện mà người nào đã làm thì có thể thấm nhuận, chia sẻ đến cho rất nhiều người, vì thiện vốn có quả nhiều. Còn ác thì không thể như vậy vì nó có quả rất ít, tâu đại vương!

- Vâng!

- Khi làm việc lành, tốt thì tâm người ta hoan hỷ, mát mẻ, phỉ lạc. Khi làm việc xấu thì tâm người ta nóng nảy, ăn năn, hối hận. Cái tâm hoan hỷ, mát mẻ, phỉ lạc ấy sẽ được lan tỏa, tươi nhuận, tuôn chảy đến nhiều người. Cái tâm nóng nảy, ăn năn, hối hận ấy sẽ co rút, cô đặc, khô cháy nên không thể tuôn chảy đến đâu được. Đây là lý do thiện quả, thiện báo thì hồi hướng được, còn ác báo, ác quả thì không hồi hướng được, tâu đại vương!

- Thật là kiến giải của bậc thông tuệ, trẫm xiết bao tâm phục.

168. Tại sao có chiêm bao?

- Thừa đại đức, hôm nay chúng ta bàn về giấc mộng nhé! Tại sao có người mộng lành, có người mộng dữ? Tại sao có người chiêm bao thấy cảnh, người hay vụ việc đã có từ trước? Có người lại chiêm bao thấy cảnh, người hay vụ việc chưa hề có? Lại có người nằm thấy chuyện hạnh phúc, vui tươi; có người nằm thấy chuyện sợ hãi, khiếp đảm? Lại có người thấy một việc mình đã làm, người khác lại thấy việc mình chưa hề làm? Rồi lại còn mộng thấy gần, thấy xa; có kẻ lại thấy chuyện đâu như hằng ức kiếp? Tất cả các loại chiêm bao ấy - nguyên do do đâu, đại đức?

- Tâu đại vương! Tất cả các loại chiêm bao ấy đều do từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, do chất gió (phong đại) trong cơ thể dấy động.

Thứ hai, do mật tác động.

Thứ ba, do đàm tác động.

Thứ tư, do bệnh, nóng (sốt) hay lạnh (hàn) tác động.

Thứ năm, do chư thiên, quỷ hay ma tác động.

Thứ sáu, những chủng tử có sẵn trong tâm do mình đã tạo tác từ quá khứ.

Trong sáu nguyên nhân kể trên, chỉ có nguyên nhân thứ sáu là thật. Chiêm bao do nhân thứ sáu này tác động là chiêm bao có thật. Còn ngoài ra, các giấc chiêm bao do những nguyên nhân khác đều không thật.

- Ý đại đức muốn nói, chiêm bao có thật này do cảnh, vật, người hay vụ việc mình đã tạo trử từ trước hiện tồn trong dòng tâm hữu phần (*Bhavangacitta*) hay sao?

- Tâu, đúng thế! Đúng là nó được tàng trử trong hữu phần tâm. Tuy nhiên, nói *tâm tạo ra nó* là không đúng, mà nói *nó tự hiện ra* cũng không phải.

- Thừa đại đức! Đã bắt đầu khó hiểu rồi đây!

- Không khó đâu, ví dụ là đại vương hiểu ngay. Ví như cái hình và bóng ở trong gương, nói *cái gương tạo ra bóng* là không được mà nói *bóng tự hiện ra* cũng không được. Tuy nhiên, muốn có bóng thì phải có hình, hình soi vào gương mới có bóng. Trước đây, chúng ta làm một việc gì đó (*hình*), việc đó lưu bóng ở trong tâm (*gương*). Chiêm bao chính là thấy lại cái bóng ấy ở trong gương (*bhavangacitta*). Đơn giản chỉ có vậy.

- Vâng, trăm hiểu rồi! Nhưng có khi nào người nằm mộng thấy chiêm bao này là tốt, chiêm bao kia là xấu không, đại đức?

- Người chiêm bao không thể biết chiêm bao ấy xấu hay tốt. Có thể kể lại chiêm bao ấy cho những người đoán mộng nghe, họ có thể biết được. Nó ví như những nốt ruồi đen hay đốm ở trong cơ thể, chúng ta không thể biết được chúng mọc ở chỗ nào là tốt, chỗ nào là xấu, chỗ nào có tiền tài, chỗ nào nghèo khổ, chỗ nào họa hại, chỗ nào may mắn. Chỉ có những ông thầy tướng pháp mới có thể biết được điều đó, tâu đại vương!

- Thế thì lúc chiêm bao, người ấy ngủ hay thức?

- Ngủ hay thức đều không thể chiêm bao. Nói rõ hơn, ngủ say quá hoặc tỉnh táo quá đều không thể chiêm bao được; chỉ khi nào nửa tỉnh, nửa mê, nghĩa là ngủ mà không say đắm, tỉnh nhưng mà mơ mơ màng màng; chính ở giữa trạng thái ấy, chiêm bao mới xuất hiện.

- Vâng!

- Nói có tính giáo nghĩa, kinh điển, thì khi ngủ say, ngủ thật ngon, tất cả lục căn (*mắt, tai, mũi lưỡi, thân, ý*) đều đóng cửa, hoàn toàn không hay biết gì về lục trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*) bên ngoài. Lúc ấy chỉ còn duy trì sự sống qua sự trôi chảy của hữu phần tâm (*bhavangacitta*). Ý thức (*ý*), lúc ấy cũng chìm vào hữu phần tâm này, nên hoàn toàn không hay biết gì cả. Lúc này không thể chiêm bao!

Còn khi ngủ mà giấc ngủ chưa sâu, chưa ngon - thì ý thức lúc ấy chưa chìm vào hữu phần tâm - nên nửa tỉnh, nửa mê! Ngủ căn lúc ấy, nếu bị thế giới ngũ trần tác động mạnh, họ có thể tỉnh lại, hoặc có thể nhận biết! Chính đấy là thế giới mà chiêm bao hiện hữu.

- Đại đức có thể nêu ví dụ chẳng?

- Tâu, vâng. Trở lại cái gương soi hồi nãy. Nếu cái gương để ở chỗ tối thì có thể thấy bóng một cách dễ dàng không?

- Không thể.

- Khi ý thức chìm vào dòng hữu phần tâm, như chìm hoàn toàn vào bóng tối, thì ta không thấy bóng; chiêm bao cũng y như thế.

- Vâng!

- Cũng y như có phần đất trên quả địa cầu này, mặt trời không rọi đến được, giấc ngủ sâu không hay biết gì, không thấy gì - là thế!

- Những ai có được giấc ngủ sâu này, đại đức?

- Người vô tâm, vô tư, người mà thế giới ý thức ít làm việc... thường có được giấc ngủ sâu này. Ngoài ra, những người có thiên định, các bậc thánh nhân thường có giấc ngủ ngon lành như thế!

- Còn trạng thái tâm nửa tỉnh nửa mê, nghĩa là đang còn mơ mơ màng màng - tại sao chiêm bao lại xuất hiện?

- Tâu, khi đó, người ấy không còn ghi nhận rõ những hình ảnh thực của ngoại trần; nói cách khác, nó hiện ra nửa thực, nửa hư, mà đa phần hư nhiều hơn thực. Chính trong lúc ấy, những điều được lưu giữ trong ký ức tiền kiếp hoặc được lưu giữ từ quá khứ lại hiện ra, cộng với hình ảnh hư hư thực thực trong hiện tại, chúng tương tác, trộn lẫn... mà làm nên giấc chiêm bao.

- Vâng, thế sao họ lại chiêm bao?

- Giấc chiêm bao có nhiều biểu hiện khác nhau, nhưng đa phần phản ảnh ước mơ thầm kín của chủ nhân. Trong đời sống thường nhật, họ có những nguyện vọng, những ước mơ, những mong muốn không thể thực hiện được. Chính bởi những ràng buộc áo cơm, sự cấm đoán của luân lý, đạo đức xã hội, những thực tế khó khăn không đáp ứng được trong đời sống... mà chúng được tái hiện trong giấc mơ, tâu đại vương!

- Hay lắm, giấc ngủ sâu quá thì không biết gì, tỉnh quá thì giao tiếp với thế giới thường nhật rồi. Vậy chiêm bao chỉ xảy ra ở khoảng giữa hai tình trạng ấy, điều này rất đúng!

- Đại vương đã lãnh hội rất tốt.

- Vâng. Nói tóm lại, khi thức, tâm ý lăng xăng chuyện này chuyện kia nên chiêm bao không thể đến được.

- Đúng vậy. Ví như một tỳ khưu phá hủy *chánh mạng thanh tịnh giới*, không nuôi mạng chơn chánh, sống thân cận với bạn ác, chuyên hành trược hạnh, rời khỏi sự tinh cần; lười biếng, ham ăn, mê ngủ - thì pháp trợ bồ đề sẽ không bao giờ đến được với họ. Tương tự như thế, người có làm việc ác hoặc tâm ý lăng xăng, nghĩ ngợi lung tung, hoặc thế giới óc não làm việc nhiều, hoặc lo toan, hoặc mưu tính - thì đêm đêm thường khó ngủ, cứ chiêm bao mộng mị - thật khó khăn để có được giấc ngủ ngon, giấc ngủ sâu, đóng trọn vẹn sáu cửa để cho ý thức được chìm vào hữu phần tâm, tâu đại vương!

- Rất rõ vậy. Và dường như đại đức cố ý phân chia giấc ngủ ra làm ba giai đoạn: đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối?

- Đúng thế!

- Đại đức có thể giảng giải rõ ràng chăng?

- Vâng. Đoạn đầu là lúc chuyển từ giai đoạn đang thức sang giấc ngủ. Đây là tâm trạng lơ đãng, mệt mỏi, ngáp, cơ thể mệt như, muốn nằm và muốn ngủ.

Đoạn thứ hai, tuy nằm ngủ mà vẫn còn nhận biết thế giới xung quanh, nghĩa là có ngủ nhưng vẫn còn chút thức, ngủ mà ý thức chưa hoàn toàn đóng cửa.

Giai đoạn cuối là lúc ngủ ngon, ngủ sâu, ý thức chìm hẳn vào dòng *Bhavanga*!

- Cảm ơn đại đức! Thế trạng thái ngủ chút chút ấy, nói cụ thể là như giấc ngủ của con khỉ, nó làm cho phát sanh chiêm bao. Và rõ ràng sự kiện chiêm bao ấy là không tốt. Vậy người tu hành - ý nói bậc chân tu có tinh cần, có giới hạnh - sẽ đối trị với nó ra sao?

- Câu hỏi hay lắm! Muốn đối trị với nó, cần thiết phải trang bị những thứ khí giới sau đây: *tỉnh thức, chánh niệm, kiên trú trong pháp*. Khi làm được thế, hành giả không bị chi phối bởi ngoại cảnh bên ngoài và những tư tưởng, ý niệm khởi động bên trong, tâm được an chỉ. Tuy nhiên, từ an chỉ dễ đưa đến nhất hành (*ekaggatà*) - nhất hành này tương tự như nhập vào dòng *bhavanga* - vị ấy không nhập vào nhất hành mà quán chiếu để thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã để đắc Thánh quả! Như thế, rõ ràng vị ấy không phải ngủ mà cũng chẳng phải thức, cũng chẳng phải ngủ như *giấc ngủ con khỉ*, tâu đại vương!

- Khi chánh niệm, tỉnh thức, kiên trú trong pháp, rõ ràng vị ấy đang còn thức mà!

- Tâu, thức, nhưng không như cái thức của phàm nhân là bị chi phối bởi mọi cái ồn ào, phức nhiễu ở xung quanh, nên không thể gọi là *thức bình thường* được!

- Nếu vị ấy không nhập vào *bhavanga*, tức là còn đang ở giai đoạn thứ hai - nghĩa là *ngủ chút chút như con khỉ* - thì rõ là vị ấy sẽ chiêm bao!

- Tuy không nhập vào dòng *bhavanga* nhưng vị ấy không mơ mơ màng màng, không ngủ chút chút như con khỉ, vì ý thức đã yên lặng, tâm đã an lạc. Do vậy, vị ấy không có chiêm bao, tâu đại vương!

- Thế còn giai đoạn cuối, các vị ấy ngủ ngon, ngủ sâu chứ?

- Dĩ nhiên rồi. Các ngài chánh niệm, tỉnh thức ở giai đoạn một; an lạc, vắng lặng ở giai đoạn hai nên đi vào giấc ngủ ở giai đoạn ba rất dễ dàng!

- Thế có khác giấc ngủ ngon của phàm nhân không?

- Không khác. Nhưng phàm nhân lâu lâu mới có được giấc ngủ ngon như thế, vì họ còn mộng mị, chiêm bao; còn các bậc Thánh nhân bao giờ cũng ngủ ngon và không bao giờ còn chiêm bao nữa!

- Hay thật! Khi thức không phải thức, khi ngủ không phải ngủ, ở chỗ chiêm bao mà không phải chiêm bao; bao giờ cũng an lạc, vắng lặng, ngủ lúc nào cũng ngon - thì thật là hạnh phúc tuyệt vời trên cõi trần này, thưa đại đức!

- Chí phải!

169. Chết đúng thời và chết không đúng thời

- Thưa đại đức! Sinh ra trên đời ai cũng phải chết. Nhưng có người lại chết trẻ, có người lại chết già, tại sao như thế?

- Tâu, vì có người chết đúng thời và có người chết không đúng thời!

- Xin đại đức giảng cho.

- Vâng, ví như xoài ra hoa rồi kết trái. Đúng lý ra, đúng thời, đúng tiết, đúng độ thì xoài chín vàng mới rụng. Nhưng đại vương không từng thấy có trái đang non đã rụng, trái còn xanh đã rụng, trái mới hườm hườm đã rụng, hay sao?

- Trẫm có thấy.

- Xoài rụng khi chưa đúng thời có nhiều lý do khác nhau. Có trái do sâu đục, trái do chim mổ, trái do gió thổi mạnh. Gãy con người sinh ra ở đời cũng như thế nào có khác gì?

- Ý đại đức muốn nói đến các sự chết, nhiều cách chết của con người khi chưa đến tuổi thọ phải không?

- Đúng thế. Con người sống cho đến già, có bệnh, bệnh nhẹ hoặc vô bệnh mà chết, ấy gọi là chết đúng thời. Còn những người do hành trình của nghiệp, tác động của nghiệp, do phản ứng đoạn lìa của nghiệp - mà chết khi chưa hết tuổi thọ - đều gọi là chết phi thời, tâu đại vương!

- Điều ấy nghe thì có lý - nhưng lấy đâu làm mốc, làm căn cứ để biết tuổi thọ của mỗi người là bao nhiêu? Giả dụ đứa bé đang còn trong bụng mẹ mà chết, có thể nói rằng, tuổi thọ của nó chỉ chừng đó thì sao? Tương tự thế, năm tuổi, mười tuổi, hai mươi tuổi mà chết - thì phải được hiểu tuổi thọ ngang chừng đó, nên gọi là *chết đúng thời*, không được sao? Suy từ luận cứ đó, tất cả mọi người chết ở độ tuổi nào cũng đúng thời cả, chứ không thể có cái gọi là *chết phi thời*, thưa đại đức!

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Đại vương, những người mà năm tuổi, mười tuổi, hai mươi tuổi... chết... là những người chết thọ nhỉ?

- Không, họ chết yếu!

- Thế những người tám mươi, chín mươi mới chết thì gọi là chết sao nhỉ?

- Gọi là chết thọ!

- Thế là đại vương đã tự xác nhận cái mốc "*chết thọ*" của đời người là bảy mươi, tám mươi, chín mươi v.v... Vậy chúng ta có thể hiểu rằng, chết đúng thời là chết thọ. Còn tất cả những ai chưa đến tuổi thọ, chết đang còn thanh niên, còn ấu thơ, chết bằng cách này hay cách khác - thì đều gọi là chết phi thời cả, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà cười:

- Không sai được. Thế đại đức có thể tóm lược cho nghe có bao nhiêu cách chết phi thời ấy, ví như trái xoài rụng do sâu đục, do chim mổ, do gió thổi?

Đại đức Na tiên lắc đầu:

- Nhiều lắm, tâu đại vương! Thật là không thể kể hết tất cả những cách, những kiểu, những trường hợp chết vào loại phi thời này. Nó thiên hình vạn trạng. Tuy nhiên, hàng trăm hàng ngàn cách chết phi thời - đều có thể quy về một chữ, đó là *nghiệp*. Do nhân quả, báo ứng của Nghiệp mà tạo nên phi thời tử, tâu đại vương!

- Vâng, thế đại đức có thể kể cho nghe một số trường hợp tượng trưng được chăng?

- Tâu, có thể được! Bần tăng xin nêu ra đây một số cách chết không đúng thời:

Chết do đói,

Chết do khát,

Chết do rắn cắn,

Chết bởi độc dược,

Chết cháy,

Chết nước,

Chết bởi khí giới v.v...

Ở đây đa phần là nghiệp dữ, nghiệp nặng...! Ngoai trừ chết đói, chết khát xảy ra từ từ, còn năm cách chết sau, đều là chết dữ tợn, chết có đổ máu, chết bị hành thân hoại thể, chết tức khắc - nên người đời thường gọi là chết *bất đắc kỳ tử* đó, tâu đại vương!

- Vâng, cũng đều là nghiệp nhưng do tội báo quá nặng, phải chăng? Đại đức trình bày đại lược cho nghe một vài ví dụ liên hệ về nhân và quả của các cách chết ấy?

- Tâu vâng! Kiếp này có người chưa đến tuổi thọ mà chết, do đói, nguyên nhân là bởi một quá khứ lâu xa đã bắt bỏ đói một chúng sanh nào đó, hoặc do cướp giết thực phẩm, hoặc do phá hoại mùa màng, nương rẫy của kẻ khác, hoặc do thù oán mà đốt lương thực, thực phẩm v.v... - Do nhân như vậy nên người kia đã bị chết đói nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm trong bốn đường ác. Nghiệp còn dư sót, tuy được sanh làm người nhưng quả báo vẫn còn chạy theo! Nếu quả nghiệp theo kịp lúc thiếu niên thì bị chết đói lúc thiếu niên. Quả nghiệp theo kịp lúc trung niên thì bị chết đói lúc trung niên. Nhân quả vận hành một cách chính xác, không thiên vị, thiên lệch bao giờ!

Tương tự như thế, do nhân từng làm cho chúng sanh bị chết, chết do độc dược, do đốt cháy, do chìm nước, do đâm chém giết hại v.v... nên sau khi bị quả báo đau khổ trong bốn ác đạo, sanh làm người, vẫn bị trả quả báo dữ, bị đoạn lìa sanh mạng khi chưa đến tuổi thọ!

Phi thời tử là vậy, *tâu đại vương*!

- Chung quy là do nghiệp ác nặng, trầm đã hiểu. Nhưng nếu chết do bệnh thì sao? Có người bệnh lương ượng cả đời không chết? Có người bạo bệnh chết. Có người bệnh nặng, chạy thầy chạy thuốc hết cả gia sản mới lành. Có người bệnh sơ sơ, dưỡng vài ngày là khỏi. Tất cả những bệnh ấy, chết và không chết có phải là do nghiệp không?

- Có cái do nghiệp, có cái không do nghiệp. *Tâu đại vương*!

- Tại sao?

- *Tâu*, nghiệp phải được hiểu là do hành động đã làm, đã tạo tác từ kiếp trước gọi là nghiệp nhân, kiếp này bị trả quả gọi là nghiệp quả. Định luật báo ứng nhân quả ấy gọi là nghiệp. Vậy những người chết do nhân quá khứ đã làm gọi là chết bởi nghiệp. Ngoài ra, còn có rất nhiều trường hợp do tạo nhân từ kiếp này mà chết - nên không được gọi là bởi nghiệp, *tâu đại vương*!

- Xin đại đức cho thí dụ.

- Vâng, ví dụ như có một người không biết giữ gìn cơ thể đối với thời tiết bất thường xảy ra ở xung quanh. Đại loại như trời nóng quá, trời lạnh quá, gió nhiều quá; hay nói cách khác, phong đại, thủy đại, hỏa đại... ở bên ngoài thịnh quá, tác động vào tứ đại của con người mà sinh bệnh... Cái ấy không bởi nghiệp quá khứ mà do nhân hiện tại, *tâu đại vương*!

- À, trầm hiểu rồi.

- Ví dụ như có người làm việc quá độ, do thức ngủ quá độ, do lười biếng quá độ... làm cho tứ oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm... không điều hòa, mà sinh bệnh; ấy cũng là do nhân hiện tại, *tâu đại vương*!

- Vâng!

- Ví dụ có người ăn uống bất thường, hoặc dùng thứ này nhiều, thứ kia không có, hoặc quá ít mà sinh bệnh tiêu chảy, táo bón, ung thư - hoặc mật nhiều, đàm

nhiều, hoặc thiếu máu hoặc dư máu... đều là bệnh mà mình tự tạo trong kiếp này
- nên không thể gọi là nghiệp, tâu đại vương!

Cơ thể con người sinh bệnh còn do nguồn nước uống, không khí để thở, các định luật tự nhiên xung quanh tác động, ảnh hưởng nữa; đều là nhân của kiếp này cả, tâu đại vương!

- Thế là quá rõ. Đối với những bệnh không chết thì không nói. Còn tất cả bệnh mà chết, dù nhân quá khứ hay nhân hiện tại cũng đều gọi là *phi thời tử* cả sao?

- Đúng thế. Đúng tuổi thọ mới chết gọi là đúng thời, chưa đến tuổi thọ mà chết, do nhân thế nào đều gọi là chết không đúng thời cả!

- Những điều này có ví dụ cụ thể không nhỉ? Đại đức!

- Có chứ. Ví như đốt một đồng củi khô, bổi khô, lá khô... Khi lửa cháy hết đồng củi khô, bổi khô, lá khô ấy, lửa tự động tắt - ấy gọi là *lửa tắt đúng thời*, tâu đại vương!

- Đây chỉ cho trường hợp những người sống hết tuổi thọ của mình mới chết, là chết đúng thời!

- Vâng. Còn đồng củi khô, bổi khô, lá khô ấy... đang cháy nửa chừng, bị một trận mưa ập xuống làm tắt lửa; ấy gọi là *lửa tắt không đúng thời*, tâu đại vương!

- Đây chỉ trường hợp những người bị nghiệp nặng hay bệnh nặng đến phải chết khi họ sống chưa hết tuổi thọ của mình, gọi là *phi thời tử* đây?

- Đúng vậy.

- Nghiệp nặng hoặc bệnh nặng giống như mưa đổ ập xuống làm tắt lửa, dứt sanh mạng; còn trường hợp mưa ấy bị gió thổi tan đi, hoặc mưa sơ sơ không đủ tắt lửa thì sao, đại đức?

- Những người sống hết tuổi thọ mà vô bệnh hoặc bệnh nhẹ thì như trời quang mây tạnh, không có mưa! Những người cũng sống hết tuổi thọ nhưng bệnh nặng rồi lành, hoặc bệnh liên miên - như trời có mưa, nhưng gió thổi tan mưa đi, hoặc có mưa nhỏ không đủ tắt lửa. Những người nghiệp nhẹ hoặc có bệnh nhưng không chấm dứt tuổi thọ đều y như thế!

- Vâng!

- Những người bị rắn cắn, chất độc mạnh, bị hành thân xác, nhưng thầy rắn chữa lành, không đoạ mạng sống được, cũng y như thế.

- Vâng!

- Ví như tên lìa khỏi giây cung, không bị chướng ngại cản trở sẽ đến được mục tiêu, nếu bị chướng ngại cản trở sẽ không đến được mục tiêu. Mũi tên đến được mục tiêu là đúng thời, mũi tên bị cản trở, rớt giữa chừng, gọi là phi thời, tâu đại vương!

- Nghe rõ!

- Ví như một người đánh trống đồng, âm vang đi rất xa - là đúng thời; nhưng vừa đánh lên, có kẻ đưa hai tay bịt mặt trống, ngăn lại, âm thanh ngưng dứt, không vang đi được - ấy gọi là không đúng thời, tâu đại vương!

- Trẫm đã hiểu rồi!

- Những người không bị nghiệp nặng đoạ lìa sanh mạng, nhưng bị bệnh do thời tiết tác động, do ăn quá độ, do làm việc quá độ, do ảnh hưởng nước và không khí ở xung quanh... thuốc thang không chữa được...đều phải được hiểu là phi thời tử y như thế, không khác.

- Vâng!

- Lúa cấy trong đám ruộng mưa thuận gió hòa, chăm sóc chu đáo, đến mùa gặt hái được dồi dào lương thực. Nhưng nếu đám ruộng ấy bị trời nắng hạn, thiếu nước, thiếu phân, chắc hẳn lúa sẽ khô chết hoặc thâu hái chẳng được bao nhiêu hạt, phải thế không đại vương.

- Vâng.

- Lúa khô chết ấy là đúng thời hay phi thời?

- Tất là phi thời!

- Nếu do hạn hán mà chết, do sâu đục thân, do chuột cắn nát, do châu chấu tàn hại... thì có phi thời chăng?

- Dĩ nhiên là phi thời.

- Đám ruộng phân nước đầy đủ, sâu không ăn, chuột không phá, châu chấu không làm hại, nhưng nếu bị một trận mưa đá đập xuống thì sao?

- Cũng tiêu luôn. Cũng là phi thời!

- Nói tóm lại, những ai vô bệnh, thiếu bệnh, bệnh nặng mà chữa lành; nghiệp nặng mà do phước bảo trợ được vượt qua, nhiều tai nạn nhưng may mắn thoát chết - sống hết tuổi thọ của mình mới lìa đời - gọi là hợp thời tử! Những ai bị bắt đắc kỳ tử, bị ác nghiệp quá khứ còn dư sót, bị nhân quá khứ hoặc nhân hiện tại tác động mà sinh bệnh, đoạn lìa mạng sống khi còn non trẻ, trung niên v.v... Tất cả đều được gọi là phi thời tử, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật thiện xảo, phong phú thay là những ví dụ của đại đức; sự giải đáp nhiều mặt của đại đức, trên thế gian này, ai mà không hiểu được, quả là cô phụ tấm lòng của bậc đại trí vậy.

170. Tại sao nhập Niết bàn lại có hiện tượng phi thường?

- Thừa đại đức! Tất cả các vị A-la-hán khi Niết bàn, thi thể hỏa táng của các ngài đều có hiện tượng phi thường xảy ra phải chăng?

- Có vị có thần thông phép lạ xuất hiện, có vị không có gì cả, tâu đại vương!

- Tại sao lại như thế, đại đức?

- Tâu đại vương! Thần thông phép lạ hay là hiện tượng phi thường xảy ra nơi thi thể hỏa táng của các bậc A-la-hán Niết bàn, là do một trong ba điều kiện sau đây:

Thứ nhất, có vị A-la-hán sắp Niết bàn, vì muốn đem đến lợi ích cho những người đến lễ bái, cúng dường; nên chú nguyện rằng: "*Xin cho thi thể này hiện ra những năng lực phi thường.*" Nguyện như thế xong, Niết bàn, thi thể hỏa táng của vị ấy sẽ xảy ra thần thông phép lạ.

Thứ hai, một số chư thiên có thần thông biết rằng, lễ bái, cúng dường thi thể hỏa táng của các bậc A-la-hán được rất nhiều phước báu cao thượng. Các vị chư thiên ấy muốn làm cho chư thiên trong các cõi và nhân loại phát sanh tín tâm trong sạch; nên họ đến nơi hỏa đài phát lời chú nguyện: "*Xin cho thi thể hỏa táng của bậc A-la-hán này hiện ra những năng lực phi thường để tăng trưởng đức tin cho phần đông.*" Chư thiên nguyện thế xong, sau đó, thần thông phép lạ sẽ xảy ra ngay nơi chỗ hỏa táng ấy.

Thứ ba, có những nam, nữ cư sĩ là bậc trí thức, có trí tuệ, giàu đức tin... họ cúng dường vật thơm, tràng hoa hay vài vóc đến lễ đài hỏa thiêu rồi phát nguyện: *"Mong cho thi thể hỏa táng của bậc A-la-hán này phát sanh năng lực mẫu nhiệm vì lợi ích cho chư thiên và loài người."*

Lời cầu nguyện ấy sẽ được ứng nghiệm.

Nghe xong đức vua Mi-lan-đà hỏi:

- Nếu không có ba trường hợp chú nguyện ấy thì sẽ không có phép lạ sao, đại đức?

- Tâu, vâng!

- Đến các vị đại A-la-hán thuần thực lục thông, nếu không chú nguyện cũng không có hiện tượng phép lạ xuất hiện sao?

- Tâu, vâng.

- Như vậy rõ ràng là trường hợp nào cũng vì lợi ích cho chư thiên và loài người cả. Đáng ngưỡng mộ làm sao!

171. Chúng sanh nào có khả năng đắc đạo?

- Thừa đại đức! Tất cả chúng sanh bất cứ cõi nào, nếu có đức tin trong sạch, có sự thực hành chơn chánh và tinh cần - thì thầy đều có thể đắc thánh quả cả chứ?

- Có loài, có loại đắc, có loài, có loại không thể đắc, tâu đại vương!

- Những chúng sanh nào không thể đắc, xin đại đức kể cho nghe.

- Tâu đại vương, có mười lăm loài, loại chúng sanh không thể đắc đạo quả cao siêu được, đó là:

Súc vật, cầm thú;

Loài khẩn-na-la (Kinnara) - chúng sanh phi cầm, có đầu giống người;

Các loài rồng;

Ngạ quỷ;

Người tà kiến;

Trẻ chưa đủ bảy tuổi;

Người phạm tội giết cha;

*Người phạm tội giết mẹ;
Người phạm tội giết A-la-hán ;
Kẻ chích máu Phật ;*

*Người chia rẽ Tăng;
Người phạm giới trộm mạo Tăng tướng hoặc tỳ khưu hành theo ngoại đạo;
Kẻ hãm hiếp tỳ khưu ni hoặc tỳ khưu phạm Tăng tàn mà không thọ lãnh hình phạt;
Người bán nam bán nữ;
Người có hai sanh thực khí.*

Mười lăm hạng chúng sanh này dù đức tin trong sạch, thực hành chơn chánh, tiến tu chỉ tịnh, quán minh cũng không thể vào dòng Thánh chủng được.

Đức vua Mi-lan-đà gặt đầu:

- Trẫm không hề nghi ngờ về điều ấy, chỉ thắc mắc một điểm nhỏ thôi!

- Đại vương cứ tự nhiên hỏi.

- Vâng! Ở nơi điểm thứ sáu, trẻ dưới bảy tuổi, không thể đắc quả, trẫm rất nghi ngờ. Tại sao vậy? Vì trẻ dưới bảy tuổi, tâm hồn rất trong trắng, chẳng ngã chấp, tà kiến, chẳng tư duy về ái dục, chẳng độc ác, sân hận, chẳng đố kỵ, kiêu căng, chẳng buông lung, phiền não. Với nhân tố tốt đẹp như vậy, nếu chăm chuyên thực hành chánh pháp, tại sao lại không đạt đạo?

- Đại vương! Với sức mạnh bình thường của con người, có thể bưng được núi Tu di không?

- Hẳn nhiên là không thể.

- Tại sao thế?

- Tại núi Tu di quá to mà sức người thì có hạn!

- Cũng như thế đó, tâu đại vương! Đạo quả là pháp xuất thế gian, nó quá vĩ đại, quá cao siêu so với trí tuệ bình thường của con người. Trẻ dưới bảy tuổi, thể xác non yếu, kiến thức và tư duy đều chưa được chín chắn, đức tin chưa vững mạnh, trí tuệ còn quá non nớt - thì làm thế nào đủ điều kiện, năng lực để thực hành và thâm ngộ đạo lớn được hờ đại vương!

- Ồ! Có thể là vậy lắm.

- Ví như một giọt nước nhỏ có thể thấm ướt cả quả đất được chăng, đại vương?
- Dĩ nhiên là không thể rồi!
- Tại sao như thế?
- Vì quả đất lớn quá.
- Cũng như thế đó, đại vương hãy hiểu cho, mảnh đất của đạo quả cũng rộng lớn mênh mông; tất cả hiểu biết, đức tin, trí tuệ của trẻ dưới bảy tuổi đều nhỏ nhít, tí tẹo thì làm sao có thể thâm nhập cảnh giới của Thánh nhân được hở đại vương?
- Thưa vâng!
- Lại nữa, ví như có người lấy cây đèn nhỏ mà muốn rọi sáng cho thấy cả quốc độ, y có thể làm thế được không, đại vương?
- Thật không thể.
- Tại sao?
- Vì vùng chiếu sáng của ngọn đèn chỉ trong một giới hạn nhỏ, còn quốc độ thì to lớn quá.
- Cũng như thế đó là trí tuệ non nớt của trẻ dưới bảy tuổi so với thế giới giác ngộ của bậc Thánh nhân.
- Vâng!
- Ví như có loại sâu *Kini* chuyên đục thân lúa *Sàli*, con sâu ấy có thể nào ăn một con voi cao bốn thước không, đại vương?
- Chẳng thể nào!
- Vì sao?
- Vì khả năng con sâu không thể làm việc ấy.
- Cũng như thế đó là tổng cộng mọi năng lực của trẻ dưới bảy tuổi, nó không có khả năng thành tựu được Thánh đạo đâu, đại vương!
- Cảm ơn đại đức đã ân cần giảng giải.

172. Niết bàn có xen lẫn khổ?

- Thừa đại đức! Niết bàn là duy nhất an lạc hay có lẫn sự khổ?

- Sao lại khổ được, đại vương hỏi chi lạ lùng!

- Thừa, không lạ lùng mà là sự thật. Đại đức không thấy sao? Những người tu hành để tìm kiếm Niết bàn như đại đức, không biết bao nhiêu là khổ thân và khổ tâm. Này nhé! Thứ nhất là hành thân cho khổ. Đi đứng nằm ngồi đều phải tỉnh thức, chánh niệm. Nói cách khác, đi cũng rón giũ đề mục thiền, đứng cũng không dám lơ là đề mục thiền, ngồi cũng phải chăm chăm đề mục thiền, nằm cũng không dám quên đề mục thiền. Thế không khổ thân là gì?

Thứ hai, nói rộng ra một tí - là ăn cũng phải quán tưởng từ miếng một, uống nước cũng phải quán tưởng từng hớp. Thế nhưng, có dám ăn no đâu, sợ Phật quả. Ngủ cũng thế, ngủ chỉ được chút ít thôi, chẳng no mắt. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều được xiềng xích cột chặt, không cho sờ đụng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp! Cái ấy gọi là sống à? Có chút vui nào đâu hay chỉ là khổ thôi? Rồi còn bỏ cha mẹ, thân quyến, bạn bè; đi xin ăn chỗ này, chỗ kia, mặc y vải bó tử thi, vào rừng, vào nghĩa địa hoang vắng để sống cô độc hiu quạnh một mình. Thế chưa đủ gọi là khổ sao?

Đại đức Na tiên trầm tĩnh nói:

- Đại vương cứ tiếp tục cho.

- Vâng! Những người trên thế gian này họ đâu dại gì mà chịu khổ như thế, họ sống vui thích, sướng khoái là khác. Đại đức hãy nghe đây:

Thứ nhất, họ ở nhà cao cửa rộng, trang trí vật dụng bằng vàng, bằng bạc, tất cả tiện nghi thứ gì cũng thích mắt. Họ chọn vợ đẹp, nàng hầu xinh xắn, mũm mĩm dễ thương. Họ sống khoái lạc, thỏa mãn trong thế giới sắc tướng đầy quyến rũ ấy.

Thứ hai, họ đắm chìm, mê man trong thế giới đàn ca xướng hát, âm thanh trầm bổng, dìu dặt mê ly như đưa hồn người vào cõi hoan lạc của thiên đường.

Thứ ba, họ ướp trầm, xông hương, trăm loại hoa hương tỏa ngát đêm ngày, những hương liệu nồng nàn được tỏa ra từ các loại chiên đàn, già la; từ mái tóc, áo quần, từ da thịt nõn nà; từ bột hương, nhụy hương, từ khăn thơm, chăn màn, gối, đệm v.v... Đâu đâu cũng thơm mê ly như đưa con người vào cõi hương bông bành, vi diệu.

Thứ tư, họ còn thụ hưởng bao nhiêu thứ ngon vật lạ, sơn hào hải vị, của cây cỏ, sông hồ! Biết bao nhiêu là vị béo bùi, bổ dưỡng, ngọt thanh cao, cay dễ chịu, nồng vắng vất say, ngon trôi vào cổ họng v.v...

Thứ năm, họ thụ hưởng biết bao nhiêu là xúc chạm vừa lòng, êm ái từ thân thể nữ nhân; từ gối, nệm, từ chỗ ngồi, chỗ nằm, từ kiểu xe nhún nhảy, mịn màng, mượt như tơ, láng như ngọc chuốt v.v...

Tất cả năm loại dục ấy họ đều thỏa mãn no đủ, khoái lạc. Còn *ý dục* của họ luôn nghĩ đến năm loại thỏa thích sung sướng kia! Ô! Sống như vậy mới sống chứ?

Còn các ngài thì sao nhỉ? Các ngài muốn Niết bàn đâu phải dễ dàng gì. Cả sáu loại dục ở trên các ngài thêm lắm, muốn lắm - nhưng vì tu hành là cao thượng nên các ngài cắn răng, bịt mắt giả vờ không ngó tới. Nhưng nội tâm của các ngài thì sao nhỉ? Tâm các ngài như lửa đốt, lòng các ngài bứt rứt, khó chịu! Vậy cũng đúng thôi. Các ngài tự rào bít mình lại, tự làm cho khô héo sự sống, tự cắt đi mạch tiến hóa tự nhiên của trời đất, của chúng sanh có thức giác hữu tình! Ôi thật đúng làm sao khi kẻ ngoại đạo tên là Màgandiya đã chê trách Đức Bổn Sư và giáo hội rằng: "*Đây là một tôn giáo không thỏa hiệp với sự sống, cắt đứt dòng tiến hóa.*"

Lời phê phán ấy quả là không ngoa, thừa đại đức! Niết bàn của quý ngài không thấy an lạc đâu mà chỉ thấy đi ngược dòng đời, đâm đầu vào sự khổ, xa lìa các niềm vui trên trần thế!

Sau câu hỏi ấy mọi người đều im lặng. Đại đức Na tiên tự nghĩ: "*Đức vua minh triết này, có lẽ vì lợi ích cho phần đông, vì muốn lợi lạc cho các thế hệ học Phật mai sau - mới đặt những câu hỏi ngớ ngẩn cùng với những lý lẽ sặc mùi tục lụy như thế! Bản thân của đức vua vốn biết sự nguy hiểm của ngũ dục, ở đó vui ít khổ nhiều, tối tăm, uế trược, chỉ để dành cho hạng chúng sanh ngu si, thiếu trí, hạ liệt! Âu ta cũng vì phương tiện, vì tấm lòng bao la như trời biển của đức vua mà thuyết giảng cho rành rẽ ngọn ngành vậy!*"

Nghĩ thế xong, đại đức Na-tiên bèn nói:

- Tâu đại vương! Những điều mà đại vương nói, ví như nói rằng: Đạo giác ngộ đi ngược dòng đời, sống phải thu thúc lục căn, chánh niệm trong từng bước đi, hơi thở, quán tưởng tứ vật dụng; đi đứng ngồi nằm đều chú tâm vào đề mục thiền; ít ngủ, ít ăn, sống hạnh khát thực, ở nghĩa địa cội cây, rừng v.v... đều hoàn toàn đúng với sự thật. Tuy nhiên, Niết bàn là một cái gì đó ở ngoài, ở xa dự niệm

phác tưởng của đại vương! Nói Niết bàn là an lạc chỉ là cách nói cho người trần thế dễ lãnh hội, chứ nó đâu có phải là thế. Sự tìm kiếm Niết bàn cũng phải trải qua công phu hành trì, tinh cần, nỗ lực ngày đêm... Dĩ nhiên phải gian lao, vất vả; quả thật là khổ vậy. Đại vương nói không sai. Tuy nhiên, tầm cầu là khác, lên đường là khác - nhưng chứng đạt Niết bàn, an trú Niết bàn lại hoàn toàn khác nữa, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng cho nghe.

- Tâu, vâng! Chỉ lấy đại vương làm thí dụ thôi. Hiện tại, đại vương đang làm vua, ngôi vị ấy có đem đến an vui, hạnh phúc cho đại vương chăng?

- Phải nói là hạnh phúc tuyệt vời!

- Chắc có lẫn sự khổ chứ?

- Vâng, có khổ là khi quân thù đem quân xâm lược, chém giết dân chúng, đốt phá xóm làng, cướp bóc của cải, tài sản của mọi người ở vùng biên địa. Thế là phải kêu gọi thanh niên trai tráng đầu quân, bỏ vợ, bỏ con lên đường tòng chinh chiến đấu.

Chiến tranh thì có khi thắng, khi bại; nhưng thắng hay bại đều hao binh tổn tướng, máu xương phơi đầy núi, đầy sông. Ô! Khổ thì quả thật là khổ đấy, nhưng khi thái bình an lạc thì khác rồi, thừa đại đức!

- Ý đại vương nói là khi quốc độ nguy vong, không những muôn dân đều khổ mà chính đức vua cũng phải hao tổn tâm cơ, ngày đêm nhăn trán, nhíu mày tìm phương kế đối phó...

- Vâng.

- Và khi xung quanh không còn kẻ thù quấy nhiễu nữa thì đại vương hoàn toàn sung sướng, hạnh phúc?

- Chính thế!

- Thế thì con đường tìm kiếm, cần cầu Niết bàn vô thượng cũng phải trải qua, vượt qua gian khổ; phải đánh bại tất cả thù địch, ma quân cả bên trong, bên ngoài chứ nào khác gì? Vậy, có những vị tỳ khưu sống đời thu thúc lục căn, ít ngủ, ít ăn, chấp nhận đời sống bần hàn vô sản; tinh cần chỉ tịnh, quán minh, xa lìa ngũ dục thấp hèn - cũng nhằm đến mục đích an lạc như ngôi vua chí tôn của

ngài vậy - thì sự khổ ấy cũng thường tình, như là một cái gì tất yếu vậy, phải thế không đại vương?

- Có lý lắm.

- Một người muốn học nghề thành tài để sau này khả dĩ nuôi sống được vợ con - thì hẳn phải lập tâm, lập hạnh như thế nào, hử đại vương?

- Tâm phải kiên trì, kiên quyết; hạnh phải hiền thực, ngoan ngoãn, dễ dạy. Ngoài ra còn phải biết tôn sư trọng đạo, phải biết lễ nghĩa, hầu hạ thầy. Những việc lật vật như nấu trà nước, nấu nước tắm, tắm rửa răng và nước súc miệng, đấm bóp chân tay cho thầy v..v...cũng phải quan tâm chăm sóc cho chu đáo. Khi học, khi thực hành phải chú tâm quan sát lắng nghe v.v...Nói tóm lại, là muốn thành tài, cũng phải biết chịu đựng và vượt qua rất nhiều gian khổ vậy.

- Niết bàn là cái tối thượng, hy sinh chút ít, chịu khổ chút ít, để đem đến cho mình một thứ hạnh phúc ngoài thời gian, vô điều kiện - thì sự đánh đổi ấy quá rẻ, tau đại vương!

- Vâng!

- Lập ngôn của đại vương: "*Niết bàn lẫn lộn sự khổ*" không đứng vững được rồi!

Đức vua Mi-lan-đà cất tiếng cười sảng khoái:

- Đứng còn không được thì lấy đâu mà vững, đại đức?

Đại đức Na tiên cũng cười vui.

173. Tại sao không diễn tả Niết bàn một cách cụ thể?

Hôm đó, khi vừa gặp đại đức Na tiên, không biết trong tâm của đức vua nghĩ ngợi gì mà ngài cứ mỉm cười hoài! Sau đó, đức vua không mở đề như thường lệ, mà buông lời như trống không, vô nghĩa.

- Gãm cũng thú vị quá, đại đức nhỉ?

- Ý đại vương muốn nói gì?

- Ô! Đức Phật đó! Giáo hội đó! Chư Tăng đó! Tất cả sa môn trong hàng ngũ của đại đức đấy!

- Bàn tăng vẫn không hiểu gì!

- À, là thế này! Niết bàn ấy mà! Ai cũng nói *Niết bàn là vô thượng, tối thượng, là hạnh phúc, là an lạc*. Nhưng khi diễn tả Niết bàn cho mọi người cùng thấy, cùng biết... thì quý vị cứ ờ ờ, trả lời vòng quanh, trườn uốn như con lươn! Này nhé, đại đức hãy nghe đoạn đối thoại sau đây:

"- *Thưa đại đức, Niết bàn có sắc tướng không?*"

- *Không, không có sắc tướng, không phải kết hợp do tứ đại.*

- *Thế ra nó phải có một diện tích, một cảnh, một cõi, một xứ, một nơi chốn nào đó?*

- *Không, hoàn toàn không phải là như vậy!*

- *Cũng không có bộ phận, chi tiết gì cả sao?*

- *Không, không có!*

- *Có thể nào đưa ra một sự ước lượng, một sự đo lường được không?*

- *Thưa, không thể.*

- *Có thể đưa ra một ví dụ chẳng?*

- *Chẳng thể nào!*

- *Thế Niết bàn chắc phải có nhân gì chứ?*

- *Nó không nhân!*

- *Thế thì duyên?*

- *Cũng không!*

- *Chẳng có cách thức, phương pháp gì để chứng thực, để diễn đạt sao?*

- *Không có!*"

Đấy! Đoạn đối thoại như vừa rồi là cách trả lời phổ thông nhất của quý ngài đấy! Nếu trường hợp đại đức thì đại đức sẽ trả lời sao?

- *Tâu đại vương! Nếu được hỏi như thế thì bản tăng cũng chỉ trả lời được như thế thôi!*

- *Thế không có cách gì cụ thể để cho mọi người dễ lãnh hội hơn sao?*

- Tâu, có thể trả lời cụ thể, nhưng cụ thể ấy không phải là Niết bàn. Có thể từ ví dụ cụ thể ấy khơi mở cho ta thấy "*bóng dáng*" của Niết bàn!

- Ồ! Vậy là hay lắm!

- Thế gian nói có biển lớn, và đại vương không biết đã thấy biển lớn chưa?

- Thưa, có thấy rồi!

- Quả thật có biển lớn chứ?

- Vâng, có thật.

- Đại vương đã thấy biển lớn rồi và xác định biển lớn ấy có thật. Vậy thì xin hỏi đại vương, biển lớn ấy rộng bao nhiêu, dài bao nhiêu, sâu bao nhiêu? Và trong biển ấy ước chừng bao nhiêu lượng nước, bao nhiêu loài cá, mỗi loại như thế số lượng được bao nhiêu con?

- Không ai nói được điều đó, không ai biết được điều đó. Vả lại, đây là loại câu hỏi không nên đặt ra, đại đức!

- Tại sao thế? Biển cả có thật, nước có thật, cá có thật - mà tại sao đại vương không chịu trả lời? Hay là đại vương chưa hề thấy biển?

- Trẫm thấy thật chứ - nhưng bề dài, rộng, sâu, bao nhiêu cá thì quả thật trẫm chịu; trẫm chưa đủ kiến thức về hải dương học, nếu có, trả lời cũng không chính xác đâu!

- Biển cả là cái cụ thể, đại vương đã từng thấy bằng mắt, thế mà hỏi về dài, rộng, sâu, bao nhiêu cá... đại vương cũng không độ chừng được, ước lượng được... Thế mà đại vương bảo bần tăng độ chừng, ước lượng, đưa ra bộ phận, chi tiết... về Niết bàn, là pháp siêu thế sao?

- Ồ!

- Giả dụ như có người có thần thông, có kiến thức uyên bác, có trí nhớ tuyệt hảo; y có thể độ chừng bề dài, rộng, sâu, nước và cá trong biển lớn; nhưng đối với Niết bàn y cũng không thể nói được, trình bày được!

- Tại sao?

- Vì sao thì đại vương biết rồi đó chứ! Vì Niết bàn ở ngoài mọi ước lượng, mọi nhân, duyên, ví dụ, so sánh..., tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà nóng nảy:

- Nhưng đại đức có nói, là có thể có ví dụ cụ thể, từ đó khơi mở cho người khác thấy "bóng dáng" của Niết bàn kia mà! Trong tâm của trăm đang có một lò lửa thiêu đốt đấy!

Đại đức Na tiên nói:

- Vậy thì đại vương hãy nghe cho kỹ đây! Đây là những ví dụ cụ thể, từ đó ta sẽ thấy thấp thoáng bóng dáng của Niết bàn:

Một là, hoa sen có một đức tính tương tự Niết bàn.

Hai là, nước có hai đức tính tương tự Niết bàn.

Ba là, thuốc trị độc rắn có ba đức tính tương tự Niết bàn.

Bốn là, biển lớn có bốn đức tính tương tự Niết bàn.

Năm là, vật thực có năm đức tính tương tự Niết bàn.

Sáu là, hư không có mười đức tính tương tự Niết bàn.

Bảy là, ngọc ma ni có ba đức tính tương tự Niết bàn.

Tám là, chiêm đàn đờ có ba đức tính tương tự Niết bàn.

Chín là, sữa Sappi (tức sữa chua, bơ lỏng) có ba đức tính tương tự Niết bàn.

Mười là, đỉnh núi có năm đức tính tương tự Niết bàn.

Nghe xong mười điều, đức vua Mi-lan-đà hoan hỷ nói:

- Hay lắm! Vậy thì đại đức bi mẫn cho nghe từng điểm một.

- Vâng, đây là điều thứ nhất. Hoa sen có một đức tính khả dĩ từ đó chúng ta hình dung ra Niết bàn. Đức tính ấy là gì? Ấy là hoa sen không dính nước, không thấm nước. Niết bàn cũng như hoa sen vậy, có đặc tính là, *nước cấu uế, nước phiền não* không dính được, không thấm vào đấy được!

- Vâng, cho xin nghe tiếp hai đức tính của nước?

- Khi trời nóng nực, nước giúp ta tắm rửa mát mẻ, đồng thời, tẩy sạch tất cả những dơ dáy bụi bặm. Cũng tương tự thế, Niết bàn làm lắng dịu hận tâm, sân tâm; làm mát mẻ tất cả sự bực tức, bực bội, nóng nảy, ngoài ra còn tẩy rửa tất cả tâm tư, ý niệm dơ dáy, bất tịnh - tâu đại vương!

- Đúng là như vậy, thế cho nghe ba đức tính của thuốc trị độc rắn.

- Vâng. Điều thứ nhất, thuốc ấy uống vào là tan độc tính. Thứ hai, uống vào là hết bệnh. Thứ ba, uống vào là ngăn được sự chết. Tương tự như thế, Niết bàn làm tiêu vong phiền não, thứ nữa là diệt tận khổ đau, chấm dứt tham sân si; cuối cùng là ngăn giữ cho chúng sanh khỏi rơi vào sanh già bệnh chết!

- Điều thứ tư, bốn đức tính của biển lớn là như thế nào?

- Vâng!

Thứ nhất, biển lớn luôn giữ gìn sự trong sạch của mình, không dung chứa những xác tử thi bất tịnh; cũng vậy, Niết bàn bao giờ cũng thanh khiết, không dung chứa bất cứ sự cấu uế, bất tịnh nào.

Thứ hai, biển lớn rộng mênh mông; bao nhiêu con sông lớn ngày đêm tuôn chảy vào cũng không đầy. Tương tự như thế, Niết bàn mênh mông không thấy mé bờ; nếu vô lượng chúng sanh đời này, đời kia vào an trú, không vì thế mà Niết bàn đầy hơn.

Thứ ba, biển lớn là nơi sinh sống của hằng trăm triệu thủy tộc, tha hồ cho chúng bơi lội vẫy vùng. Tương tự thế, Niết bàn là cảnh giới của vô lượng bậc Thánh nhân vô lậu cư trú, tha hồ sống đời hạnh phúc, an lạc chơn thường.

Thứ tư, biển cả là nơi chôn dấu, sinh trưởng của biết bao nhiêu loài, giống, loại quý báu. Không kể ngọc, kim cương, xà cừ, pha lê, trân châu... mà còn hương liệu, tinh chất được lấy ra từ các loại thảo mộc chưa có tên gọi. Tương tự thế, Niết bàn là nơi hội tụ của mọi loài hương hoa thơm ngát được chiết ra từ các pháp thanh tịnh; biết bao trí đức, tuệ đức quý báu; vô lượng đức tính toàn mỹ, toàn thiện không đếm xiết được.

Đại vương thấy thế nào? Bốn đức tính của biển có tương ứng, tương hợp với Niết bàn chăng?

- Quả là vậy. Xin đại đức cho nghe tiếp năm đức tính của vật thực?

- Vâng.

Thứ nhất, vật thực nuôi dưỡng sanh mạng chúng sanh, Niết bàn cũng nuôi dưỡng đời sống bất tử của chúng sanh không cho tiêu hoại bởi già và chết.

Thứ hai, vật thực cho chúng sanh sức lực và sức mạnh, Niết bàn cũng là nơi cho chúng sanh thần lực và năng lực.

Thứ ba, vật thực làm cho tươi sắc da, Niết bàn cũng làm tươi đẹp thêm màu sắc của giới.

Thứ tư, vật thực dứt sự quằn quại xót xa do đói - thì Niết bàn cũng chấm dứt tất cả sự thống khổ, sầu muộn do phiền não.

Thứ năm, vật thực giúp chúng sanh giải quyết sự đói thèm - thì Niết bàn cũng làm cho tất cả sự khao khát, tham muốn thấy đều yên lặng.

- Ví dụ ấy thật là sít sao! Đại đức cho nghe tiếp.

- Vâng, bây giờ là mưòi đức tính của hư không.

Thứ nhất, hư không và Niết bàn đều không già.

Thứ hai, hư không và Niết bàn đều không chết.

Thứ ba, hư không và Niết bàn đều không rời đi, rớt đi.

Thứ tư, hư không và Niết bàn đều không tái sanh.

Thứ năm, hư không và Niết bàn không ai áp chế được.

Thứ sáu, hư không và Niết bàn không ai trộm cắp hoặc sở hữu được.

Thứ bảy, hư không và Niết bàn đều không có gì dính mắc được.

Thứ tám, hư không là nơi đi lại của chim, chư thiên, người và dạ xoa có thần thông- Niết bàn là nơi đi lại của bậc Thánh.

Thứ chín, hư không và Niết bàn không có gì ngăn ngại.

Thứ mười, hư không và Niết bàn là nơi mệnh mông không có chỗ cuối cùng.

- Hay vậy thay! Xin cho nghe về ngọc ma ni?

- Vâng, ngọc ma ni có ba đức tính:

Một là, ngọc ma ni và Niết bàn làm cho thành tựu sở nguyện.

Hai là, ngọc ma ni và Niết bàn làm cho hoan hỷ

Ba là, ngọc ma ni và Niết bàn làm cho an lạc.

- Cho nghe thêm về ba đức tính về chiên đàn đỏ.

- Vâng, chiên đàn đỏ và Niết bàn đều có ba đức tính tương tự nhau.

Trước hết, nó là cái khó tầm cầu, khó được

Thứ hai, có mùi thơm không gì sánh bằng.

Sau nữa, chiên đàn đỏ được thế gian ưa thích thì Niết bàn là nơi bậc thánh ưa thích.

- Thế còn ba đức tánh của bơ lỏng?

- Vâng.

Đầu tiên, nếu bơ lỏng có màu sắc đẹp thì Niết bàn có vô lượng đức tính đẹp. Tiếp đến, bơ lỏng có vị ngon đặc biệt thì Niết bàn cũng có vị ngon đặc biệt (*diệt phiền não, được an vui*). Cuối cùng, bơ lỏng có mùi thơm đặc biệt thì Niết bàn cũng có mùi thơm đặc biệt (*ấy là tuệ hương, giải thoát hương...*)

- Bây giờ còn năm đức tính của núi nữa, đại đức?

- Vâng!

Một là, đỉnh núi là điểm cao nhất - Niết bàn cũng là cõi cao nhất. Hai là, đỉnh núi không hề rung chuyển, lay động thì Niết bàn cũng thế. Ba là, đỉnh núi người lên một cách khó khăn - Niết bàn người đắc cũng rất khó khăn. Bốn là, trên đỉnh núi đá không cây gì mọc được, ở Niết bàn, tham sân si, phiền não cũng không mọc được. Năm là, đỉnh núi và Niết bàn đều xa lìa sự thương và ghét.

Tâu đại vương! Đây là tất cả các ví dụ tạm thời nhằm so sánh với Niết bàn - mà trình độ của bần tăng có thể nói được. Mong đại vương suy gẫm, may ra có thể thấy thấp thoáng bóng dáng của Niết bàn chăng?

- Vậy là đã quá nhiều rồi! Có gì chưa thông suốt, trẫm sẽ xin hỏi lại vào một dịp khác.

- Tâu, vâng.

174. Làm cho rõ Niết bàn?

- Thừa đại đức! Hôm qua đại đức đã nêu ra hàng chục đức tính cao quý vô thượng của Niết bàn do nhờ hình tượng của sự vật nói lên. Hiện tại, trẫm đã hình dung ra được Niết bàn ấy. Tuy nhiên, theo trẫm được học hiểu thì Niết bàn không phải quá khứ, Niết bàn không phải vị lai, Niết bàn không thể là hiện tại. Lại nữa, Niết bàn ấy cũng không phải cái mà mọi người làm cho nó sanh lên. Quả thật trí óc phàm phu chẳng thể nào mà nắm bắt được!

Vậy thì sao ạ, thừa đại đức, những người thực hành đúng đắn chánh pháp, tinh cần chỉ tịnh và quán minh thì sẽ làm cho tỏ lộ Niết bàn? Hay cứ thực hành cho rõ con đường ấy tất là làm cho rõ Niết bàn? Hoặc là cứ tu tập như thế thì Niết bàn sẽ tự tỏ lộ, sau đó mới làm cho rõ hơn nữa.

- Tâu đại vương! - Khi mà thực hành đúng đắn chánh pháp rồi thì sẽ làm cho tỏ lộ Niết bàn hoặc là Niết bàn tự tỏ lộ, rồi làm cho rõ rệt thêm lên đều được cả. Cách nói nào cũng đúng cả! Chỉ đừng nên hiểu sai là Niết bàn được sanh lên bởi một nhân nào đó. Có lẽ khi mình thấy rõ Niết bàn, chứng nghiệm Niết bàn rồi - thì sự diễn tả, phát ngôn của mình mới chính xác hơn, phải thế chăng?

- Đúng vậy!

Nhưng... nhưng hiện tại, trầm và thính chúng nơi này, và mai sau nữa, đều là kẻ phạm phu; nên vẫn mong những kiến giải đầy trí tuệ của đại đức, những ví dụ sống động và cụ thể của đại đức, để đem ánh sáng cho phần đông, thừa đại đức!

- Tâu, vâng! Như đại vương biết rồi, người nào theo lời giáo huấn của Đức Toàn Thắng - mà thực hành tốt, thực hành đúng đắn, dùng trí tuệ quán xét pháp hành, thì sẽ tỏ lộ được Niết bàn tối thượng lạc ấy. Ví như người học trò tìm thầy để học nghề nghiệp. Nhờ tin tưởng vào thầy, thực hành tốt, thực hành đúng đắn lời chỉ dạy của thầy, người học trò ấy nắm được bí quyết thiện xảo của nghề nghiệp. Như thế, có thể nói, là nhờ đức tin, nhờ theo lời chỉ dạy của thầy, nhờ thực hành đúng đắn, người học trò kia nắm bắt được nghề nghiệp, mà trước đây y chưa có? Nói thế được không đại vương?

- Có thể được.

- Niết bàn trước đây chưa có, nhưng nhờ trí tuệ làm cho tỏ lộ Niết bàn cũng y như thế, tâu đại vương!

- Hay lắm! Vậy thì tỏ lộ làm cho ta thấy được rõ, phải thế chăng? Niết bàn có thể thấy rõ, ta có thể thấy rõ như thế nào hả đại đức?

- Tâu đại vương! Niết bàn có thể thấy rõ được do sự chứng nghiệm ở trong tâm. Ta chứng nghiệm được những trạng thái như: mát mẻ, thanh khiết, an lạc, hòa bình trường cửu v.v... và rõ ràng như vừa xa lìa được sự nóng bức, sự ô nhiễm, sự thống khổ, sự bất an dao động vậy, tâu đại vương!

- Sự xa lìa ấy là như thế nào, đại đức? có ví dụ cụ thể chăng?

- Được chứ! Ví như có người ở trong một căn nhà bị lửa thiêu cháy xung quanh, người ấy hốt hoảng, sợ hãi, dao động... Sau một hồi bình tĩnh, người ấy tìm được đường thoát ra - sau khi bị thiêu cháy gần chết - đến một nơi an toàn, mát

mẻ. Đây là hình ảnh rõ ràng cho ta thấy rõ thế nào là sự xa lìa thống khổ, tìm đến chỗ an vui, tâu đại vương!

- Vâng!

- Chúng sanh ở cõi đời này cũng giống như thế, nào có khác gì? Cả ba đồng lửa lớn là tham, sân, si hằng thiêu đốt chúng sanh trong ba cõi. Nếu biết nghe lời Đức Đạo Sư để thực hành chánh pháp - như lý tác ý - rồi cũng sẽ tìm được đường thoát ra, đến chỗ mát mẻ, an vui, thanh khiết, hòa bình trường cửu là Niết bàn đấy, tâu đại vương!

- Rõ ràng lắm!

- Lại nữa, ví có người thấy được nơi nghĩa địa nọ bốc mùi những xác chết, nào người, nào rắn, nào chó, nào chuột, v.v... Muốn thoát ra được sự nhiễm ô, người ấy vào rừng kiếm củi, tấp lên những xác chết để đốt. Đốt xong, người ấy thở dài khoan khoái, không còn thấy hôi, không còn sợ lây lan ô nhiễm nữa. Tâu đại vương! Những kẻ tu hành như chúng ta có khác gì những người đi kiếm củi để đốt những xác chết hôi hám ấy? Đi kiếm củi khó khăn vất vả thì tầm cầu chánh pháp nào có dễ gì? Những xác chết ví cho ngũ dục cùng tám thân bất tịnh này? Chánh pháp phải được nhen lên, tỏa bùng ngọn lửa trí tuệ để thiêu cháy những ham muốn thấp hèn, ô uế và tục lụy. Đốt xong, người kia thở dài khoan khoái, không còn thấy hôi hám, không còn sợ lây nhiễm nữa - thì có giống như bậc Thánh nhân chứng nghiệm hạnh phúc Niết bàn vô cấu, vô uế không, đại vương?

- Quả vậy!

- Lại nữa, ví như có người sắm chiếc thuyền nhỏ, vượt biển sang bờ bên kia; người ấy sợ sóng to, sợ bão lớn, sợ cá dữ, sợ lạc phương hướng. Sau khi lên bến người ấy thoát khỏi bốn sợ hãi. Cũng vậy, chúng sanh trôi nổi giữa biển đời, bốn nỗi sợ hãi là sanh, già, bệnh, chết thường trực bữa vầy. Sau khi tìm được Niết bàn, người ấy thoát khỏi bốn nỗi sợ hãi ấy, được lạc, được vui, tâu đại vương!

- Chính vậy!

- Lại nữa, tâu đại vương! Ví như có kẻ bộ hành đi qua quãng đường lầy lội, trơn trượt, bị té lên té xuống mình mảy lấm lem dơ bẩn. Nhưng sau khi sang khỏi đoạn ấy, là đại lộ cao ráo, phong quang; người bộ hành tắm rửa sạch sẽ rồi lên đường một cách thoải mái, dễ dàng. Người tu hành bước qua thế giới bùn lầy uế trược,

té xiêu, vấp ngã, lấm lem ngũ trần, vẫn cương quyết lên đường; hướng tâm đúng, tinh tấn đủ thì có lúc sẽ đến được cõi an vui, thanh khiết, vô nhiễm!

- Cảm ơn đại đức! Trẫm đã hiểu những ví dụ xa lìa chỗ này để đến chỗ kia. Nhưng còn cái gọi là làm cho Niết bàn tỏ lộ hay làm cho Niết bàn rõ rệt - xin đại đức giảng thêm.

- Vâng, tâu đại vương! bần tăng xin được hầu chuyện với đại vương. Ví như có người tu hành chơn chánh, thường quán chiếu để mong thấy rõ các pháp hành, tức là pháp hữu vi ở trong tâm, hiện ra tam tướng: vô thường, khổ não, vô ngã. Và pháp hữu vi nào cũng nằm trong định luật sanh, trụ, dị, diệt. Nhưng sự quán chiếu, trực thị, thấy rõ ấy chưa được trọn vẹn. Nói cách khác, có kẻ thấy được vô thường nhưng chưa thấy khổ và vô ngã. Có kẻ thấy khổ mà chưa liễu ngộ được vô thường v.v...vì thế Niết bàn chưa rõ rệt đối với vị ấy. Nghĩa là họ còn đắm say hoặc chấp trước ở một chỗ nào đó, chưa thật sự xả ly, buông bỏ hết. Tương tự như một thanh sắt được nung đỏ từ đầu đến đuôi, chúng sanh không ai cảm giác gì - nhưng người tu hành thấy rõ là nóng. Có kẻ thấy nóng ở đằng đuôi nên cầm ở đằng đầu. Có kẻ thấy nóng ở đằng đầu nhưng cho ở đuôi là mát. Có kẻ đầu đuôi đều nắm được nhưng chỉ sợ ở giữa ! Chỉ có người quán chiếu trọn vẹn mới thấy lửa đốt ở ba nơi, xa lìa cả ba điểm nóng , đấy mới chính là làm cho Niết bàn rõ rệt, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng thêm về điều ấy.

- Vâng, vì chưa thấy Niết bàn rõ rệt nên xem thế gian này còn chỗ vui, còn chỗ để bám víu. Đến bao giờ thấy rõ thanh sắc nóng từ đầu đến đuôi, mới chịu buông bỏ, chịu xa lìa. Nghĩa là khi ấy mới thật sự nhàm chán cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc; chẳng còn một chấp thủ, dính mắc ở cõi nào nữa.

- Trẫm đã hiểu.

- Nói sâu hơn một tí nữa, quán chiếu để thấy rõ pháp hành (*hay pháp hữu vi*) là thấy rõ sự sanh, trụ, diệt của tâm, nó là đầu mối của cấu sanh tương tục, là luân hồi sanh tử. Tất cả đều là vô thường, khổ và vô ngã. Thấy rõ "*hành*" ấy tất Niết bàn tỏ lộ, chấm dứt vô minh và ái dục, tận diệt phiền não, nhiễm ô, được vô sanh bất tử.

- Trẫm hiểu.

- Ví như kẻ bộ hành lạc đường, đã tìm lại đúng phương hướng; tinh tấn, kiên trì, nỗ lực, lên đường, đến lúc sẽ vượt khỏi thế gian; cõi xuất thế gian càng ngày càng tỏ lộ trước tầm mắt, Niết bàn càng lúc càng rõ rệt hơn, tâu đại vương.

Đức vua Mi-lan-đà vui vẻ:

- Thế ra, *tỏ lộ* Niết bàn và *làm cho* Niết bàn *tỏ lộ*, chỉ khác nhau cách nói, lối diễn đạt - chứ thật ra nó chẳng khác nhau là bao, phải không đại đức?

- Tâu, vâng!

- Trẫm còn muốn hỏi về Niết bàn nữa đấy, mà không phải hỏi cho trẫm đâu, xin hèn bậc đại trí tuệ hôm khác nhé!

- Bàn tăng đồng ý.

175. Niết bàn không ở đâu cả!

- Bây giờ chúng ta trở lại đề tài Niết bàn! Đại đức nói rằng có *Niết bàn* và trẫm cũng tin như thế - Nhưng nó ở đâu đại đức? Nó ở đông, tây, nam, bắc, thượng, hạ, trung?

- Ở một nơi nào đó, một chỗ nào đó thì không phải Niết bàn, tâu đại vương!

- Thế là đã rõ!

- Đại vương rõ sao ạ?

- Thưa, rõ là không có Niết bàn; Niết bàn chỉ là hư vô, không tưởng! Niết bàn đã không có thì làm gì có chuyện tỏ rõ Niết bàn, tỏ ngộ Niết bàn? Và lại càng không có cái gọi là *an trú Niết bàn*? Tại sao lại như thế? Vì khái niệm "*trú*" là gì đại đức biết chăng? *Trú* có nghĩa là phải có một địa cư, một vùng đất, một nơi chốn, một miền, một xứ, một cõi, một cảnh...*để ở* đấy, *nương gá* đấy, *trụ* ở đấy! Ví dụ như người ta nói rằng, ruộng là nơi trú của rất nhiều chủng loại lúa: lúa Sàlì, lúa thơm, lúa ngắn ngày, lúa dài ngày v.v... Ví như người ta nói biển là nơi trú của vô lượng loài thủy tộc, vô lượng thân châu, bảo ngọc v.v... Ví như quả đất làm nơi nương trú của người, vật, chim muông, cây cỏ v.v....

Vậy thì nếu Niết bàn không có một chỗ nào cả - thì chữ "*trú*" này không được thành lập, trú không được thành lập thì tỏ rõ, tỏ ngộ Niết bàn cũng không được thành lập; tỏ rõ, tỏ ngộ Niết bàn không được thành lập thì người chứng đạt Niết

bàn cũng không thành lập? Vậy Niết bàn ấy chỉ là khoảng không, không có gì cả. Tất cả không! Thừa đại đức.

Đại đức Na tiên nói:

- Thật là hùng hồn! Tuy nhiên, tâu đại vương! Có một chỗ nào đó, dù là "*khoảng trống không*" để Niết bàn trú ở đấy cũng không được. Niết bàn là pháp vô vi, xa lìa hữu vi thì làm sao có chỗ trú được? Ví như "*lửa*" có chỗ trú không, hờ đại đức? Đại vương có thể chỉ cho bản tăng thấy rõ lửa nó ở hướng đông, tây, nam, bắc, chỗ này, chỗ kia không?

- Không thể chỉ được!

- Vậy là lửa không có rồi. Chính đại vương nói đấy nhé!

- Không, lửa có. Tuy lửa không ở chỗ nào, không thể chỉ được; nhưng ta lấy hai thanh gỗ cọ xát vào nhau thì lửa sẽ hiện ra, thừa đại đức!

- Cũng vậy, tâu đại vương! Niết bàn tuy không ở chỗ nào cả, không thể chỉ được; nhưng khi hàng giả quan sát thấy rõ sự sanh diệt của pháp hành (*Sankhàra*) thì Niết bàn sẽ hiện ra, tâu đại vương!

- Có lý lắm, nhưng cũng không thể thuyết phục được trăm, tại sao? Lửa là pháp hữu vi, là điều kiện sanh, do nhân duyên sanh; trong lúc Niết bàn là pháp vô vi, không có điều kiện, không bị chi phối bởi định luật nhân quả. Đem lửa mà ví dụ cho Niết bàn, đại đức có thấy mình rơi vào luận thuyết của ngoại đạo tà giáo chăng?

- Hay lắm! Thật ra, phải từ ví dụ này để hiểu chuyện khác. Đại vương đã không hiểu lại còn bắt bẻ bản tăng rất hợp lý nữa. Vậy ta có thể tìm ví dụ khác nhé!

- Vâng!

- Đại vương có biết Đức Chuyển luân Thánh vương có bảy loại ngọc, là: *bánh xe ngọc, voi ngọc, ngựa ngọc, mani ngọc, nữ ngọc, gia chủ ngọc, tướng quân ngọc* không?

- Thừa, có biết từ kinh điển, từ truyền thuyết.

- Trước khi bảy loại ngọc vi diệu ấy hiện đến do phước báu của Đức Chuyển luân, nó ở từ đâu không?

- Không biết nó ở đâu!

- Vậy chắc nó không có rồi.

- Nó có đấy, thừa đại đức! Khi một vị vua tài đức vô song, phước báu cao quý không thể nghĩ nghĩ - thì bảy thứ ngọc vi diệu ấy đồng hiện đến, như là chứng cứ tôn xưng vị vua ấy thành đức Chuyển luân Thánh vương!

- Cũng tương tự thế, đại vương! Khi quán chiếu pháp hành (*Sankhàra*), thấy rõ pháp hành là sanh diệt; pháp hành là vô thường, khổ não, vô ngã; pháp hành là bất tịnh, là sầu bi, khổ ưu, phiền não, lúc ấy Niết bàn cũng tự hiện ra. Nó không phải là *một chỗ nào đó* để mà đến đâu, tâu đại vương!

- Chí lý lắm! Nhưng nếu đi sâu vào lĩnh vực luận lý, thì luận cứ của đại đức vẫn chưa trôi, vẫn còn dính mắc ở một chỗ, đại đức có biết không?

- Xin cho nghe, ấy là chỗ nào?

- Là *cái chỗ* mà từ đó Niết bàn hiện ra! Ví như đức vua có tài đức, có phước báu vô song; chính từ "*địa vị*" ấy, "*chỗ ấy*" thì bảy loại ngọc báu mới hiện ra. Trong trường hợp Niết bàn hiện ra, thì *địa vị* ấy, *cái chỗ* ấy là cái gì hờ đại đức?

- Câu hỏi vi tế lắm, thâm sâu lắm! tâu đại vương! *Địa vị* ấy, *chỗ* ấy có - đó chính là giới định tuệ! Bất cứ hành giả nào nếu giới thanh tịnh, định thanh tịnh, tuệ thanh tịnh; kiên trú vững chắc vào giới định tuệ thanh tịnh ấy, địa vị ấy, chỗ ấy - thì Niết bàn sẽ hiện ra; không kể người ấy ở đâu, trú xứ nào!

- Bắt đầu tỏ lộ rồi đấy, thừa đại đức! Ngài hãy bi mẫn cho nghe tiếp.

- Tâu, vâng! Nhưng đại vương đã suốt thông chỗ "*địa vị*" ấy rồi chứ? Đã "*trôi*" điều ấy rồi chứ?

Đức vua Mi-lan-đà vui vẻ:

- Trẫm nhận tội rồi, đừng nên trả đũa nữa, đại đức.

- Ô! Vậy thì ta tiếp tục.

- Thừa vâng!

- Đại vương! Bất cứ ai kiên trú vững chắc nơi giới định tuệ rồi, người ấy sẽ tỏ lộ Niết bàn giống nhau, chẳng hề sai khác!

- Giống nhau như thế nào hờ đại đức?

- Giống nhau như "*hư không*", đại vương! Ví như có người trú trong rừng Sakàya thấy được hư không, người trú trong quốc độ Alasandana..., quốc độ Kàsikosala, quốc độ Kasinara..., quốc độ Ganchàra... cõi trời Phạm thiên, tầng trời tịnh cư v.v... thấy được hư không! Những hư không kia giống nhau như thế nào thì Niết bàn sẽ giống nhau y như thế đó, đại vương!

- Trẫm hiểu rồi.

- Chúng lại còn giống nhau như "*phương đông*" nữa, đại vương! Tất cả chúng sanh ở bất cứ cảnh giới nào, xa gần, cao thấp khác nhau - nhưng phương đông mà chúng nhìn thấy, đều giống nhau, tâu đại vương!

- Đại đức đã dựng đứng, đã nêu cao cây cờ Pháp làm cho trẫm khả dĩ cắt đứt được sự nghi ngờ về "*trú xứ*" của Niết bàn. Trẫm rất hoan hỷ vậy.

II. NỘI DUNG MI-TIÊN VẤN ĐÁP

(Gồm 244 Câu Hỏi)

176-176

176. Có ai thấy Phật không?

Qua biết bao nhiêu là câu hỏi, bao nhiêu ngày đã trôi qua, bao nhiêu câu trả lời của bậc trí tuệ; đức vua Mi-lan-đà lần hồi khám phá ra một kho tàng pháp bảo, mà bề xa bề rộng của nó là không có mé bờ, bề sâu bề ẩn của nó cũng khó lặn cho tận đáy. Ngoài ra, còn có những cái rất cụ thể và giản dị như có thể nhìn bằng mắt, sờ bằng tay, đôi khi tưởng là dễ dàng như mặc áo, ăn cơm! Mỗi mỗi chi tiết đều mạch lạc, sáng sủa. Mỗi mỗi ví dụ đều trùng khít với nghĩa ngữ!

"Ôi! Cảm ơn, thâm tạ vị đại đức tuổi trẻ, thông tuệ. Ta đã thấy được một phần nào, trong muôn một, lộ trình tìm đến chân phúc. Lộ trình ấy chính là tuệ phá vỡ vô minh, diệt tận ái dục. Con đường ấy phải bước qua những lạch luồng vi tế, cạm bẫy của ngã chấp và tri kiến. Sự tối thượng của Niết bàn cần phải được khám phá. Vị cam lồ bất tử của Niết bàn cần phải được ném thưởng để khỏi uổng phí một đời! Tuy nhiên, tất cả những câu hỏi đưa ra, không phải chỉ vì ta và bởi ta, mà còn cho đại chúng và cho cả những thế hệ mai sau. Vâng, ta phải hỏi, hàng trăm câu hỏi. Dù câu hỏi đó sơ căn, dù câu hỏi đó dường như phạm thượng, dù câu hỏi đó như đặt bẫy, dù câu hỏi đó tưởng như nhạt nhẽo, vô

duyên, dù câu hỏi đó ngớ ngẩn, dù câu hỏi đó là khó chịu, dù câu hỏi đó là rối ren, phức tạp, dù câu hỏi đó tốn công, mất thì giờ, dù câu hỏi ấy kẻ trí không nên đặt ra! Mặc, ta cứ hỏi, nhờ vậy, giáo pháp sẽ được phong phú thêm lên, giáo pháp sẽ được khơi dòng và tuôn chảy vào tất cả ngõ ngách, tế bào của đời sống, trên mọi nẻo tối tăm mà ma vương đang ngự trị!"

Đức vua Mi-lan-đà sau khi suy nghĩ như thế rồi, hân hoan phát sanh; với sắc mặt tươi vui phơi phới, đặt thêm câu hỏi khác:

- Thưa đại đức! Ngài giải đáp rất hay hàng trăm câu hỏi về giáo pháp của Đức Tôn Sư; nhưng chẳng hay, ngài đã từng thấy Đức Phật chưa?

- Dạ thưa chưa, tâu đại vương!

- Thế thầy tổ của đại đức có thấy chăng?

- Cũng không thấy.

- Những vị thầy ba đời, bốn đời, là thầy của thầy tổ đại đức, chắc có thấy chứ?

- Tâu, cũng không luôn!

- Vậy là rõ, như thế *không có Đức Phật* rồi!

Đại đức Na tiên im lặng giây lát, rồi hỏi:

- Nghe nói đại vương gốc người Hy Lạp?

- Đúng vậy.

- Vị thủy tổ khai sáng dòng họ đại vương ở Hy Lạp tính đến nay chừng bao nhiêu đời rồi!

- Thưa, đâu cả hàng trăm đời!

- Đại vương đã từng thấy mặt vị thủy tổ của ngài chưa?

- Chưa thấy.

- Thân phụ của đại vương có thấy không?

- Cũng không thấy.

- Thế các vị tăng tổ, cao tăng... năm đời, bảy đời của đại vương có thấy chăng?

- Cũng không nổi!

- Vậy rõ là *vị thủy tổ của đại vương không có rồi!*

Đại vương Mi-lan-đà cười ha hả:

- Thủy tổ của trẫm có, bằng chứng là còn dòng họ của trẫm và có trẫm đây!

- Cũng như thế, tuy bàn tăng không thấy Đức Phật, nhưng Đức Phật có, bằng chứng là còn giáo hội Tăng già, còn giáo pháp và có bàn tăng đây!

Đức vua Mi-lan-đà tự nghĩ: "*Đáp thế là hết chỗ để mà hỏi rồi, nhưng ta nên giả bộ ngờ ngẩn*", bèn hỏi tiếp:

- Đại đức có còn ví dụ nào nữa chẳng?

- Có chứ! Ở nơi quốc độ mà đại vương đang ngự trị đây, trước đây đã từng có đức vua nào khai sáng hờ đại vương?

- Theo lịch sử thì có chứ!

- Nhưng đại vương có thấy chẳng?

- Không thấy.

- Thế các vị lão thần, các vị quân sư đã già cả họ có thấy chẳng?

- Cũng không thấy!

- Thôi, nói chi xa, vị vua trước đây cai trị quốc độ này, đại vương có thấy chẳng?

- Không thấy.

- Các vị đại thần, quân sư của đại vương có thấy chẳng?

- Cũng không thấy.

- Thế là rõ. Thế là trước đây chẳng hề có một vị vua nào cả!

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Thừa đại đức, các vị vua ấy đều có cả. Trước đây năm đời các vị đều băng hà, nhưng vị cuối cùng thì nơi cung điện cũ còn để lại nhiều đồ ngự dụng; ví như cái mũ, cái quạt, cái lọng, một bảo kiếm và một long sàng có đính trên châu đất giá. Chính bằng chứng ấy chứng minh là đức vua ấy có mặt dầu trẫm không thấy!

Đại đức Na tiên tự nghĩ: "*Ý đức vua muốn ta chứng minh rằng có Đức Phật bằng nhiều ví dụ khác nhau - cũng vì muốn tăng trưởng đức tin cho phần đông.*" Bèn nói:

- Tâu đại vương! Bần tăng không thấy Đức Thế Tôn, thầy tổ ba, bốn đời của bần tăng cũng không thấy Đức Thế Tôn - nhưng quả là Đức Phật có, bằng có là những "*Phật dụng*" của Đức Phật hiện còn, tâu đại vương!

Những "*Phật dụng*" ấy được chư thánh văn A-la-hán kể tục gìn giữ từ đời này sang đời kia, đó là:

*Tứ niệm xứ,
Tứ chánh cần,
Tứ thần túc,
Ngũ căn,
Ngũ lực,
Thất giác chi,
Bát chánh đạo.*

Chính những "*Phật dụng*" ấy - là kho tàng pháp bảo mà các thế hệ tăng lữ đang bảo lưu, tu tập, cho đến hôm nay. Nó cụ thể thiết thực cho đến nỗi là nó hiện đang có mặt ở đây, giữa bần tăng và đại vương, trong chính những câu hỏi và đáp này!

Vậy thì đã rõ, Đức Phật có thật rồi, phải không đại vương?

- Đồng ý là vậy, nhưng trăm vẫn muốn nghe thêm ví dụ.

Đại đức Na tiên thầm nghĩ: "*Có lẽ đức vua này muốn ta đưa ra ví dụ để từ đó, mọi người có thể đi vào từng chi tiết trong kho tàng pháp bảo của Đức Thế Tôn đây.*" Bèn hoan hỷ nói:

- Cũng được thôi! Trước khi trả lời, đại vương có thể cho biết ai đã xây dựng, kiến tạo kinh thành này? Phải là bậc thầy kiến trúc tài ba mới có thể đưa ra một quy mô hoàn chỉnh vào loại bậc nhất đương thời ở châu Diêm phù đề như thế!

- Vâng. Đúng là vậy. Trước tiên phải xem xét thảng địa, chỗ núi non giao nhau như long như hổ, chỗ hợp lưu của các dòng sông, chỗ tựa vững vàng chắc bèn cùng điểm nhìn thông thoáng có những bức tường núi chắn che v.v...Ngoài ra, ở đây phải có đất đai phì nhiêu, cây trái thanh mậu, hoa cỏ tốt tươi, muôn chim muôn thú sinh trưởng đông vui v.v..

Sau khi phần đất kinh đô đã định rồi, trầm cho vùi một bậc thầy kiến trúc lên họa đồ, phác thảo đâu là khu vực của hoàng cung, có nơi hội trào, chỗ trầm ngự, chỗ hoàng hậu, phi tần, cung nga thể nữ ở. Rồi nơi nào là vườn thượng uyển, các công viên bao quanh, có hồ bán nguyệt, hồ lớn, hồ nhỏ thả hoa sen, hoa súng v.v... Rồi nào là hội trường lớn, chỗ đại trường họp quân, chỗ giải trí vui chơi, các kho tàng gạo, vải vóc, khí giới v.v... Rồi nơi nào là các con đường lớn, đường nhỏ, những ngã ba, những ngã tư v.v... Rồi nơi nào là bệnh xá, chỗ ở của bá quan cùng gia đình đương triều. Chỗ nào là nhà học, nhà giảng công cộng. Những bến nước, nhà xí, nhà tắm. Rồi còn những kho đúc đồng, đúc vàng, đúc bạc... thật là không kể xiết đâu, đại đức!

- Tâu, vâng. Vậy cũng tạm đủ rồi. Hiện tại, kinh đô của đại vương là kinh đô hùng cường nhất thiên hạ. Có lẽ chưa có ở đâu có tường thành bao quanh vững chắc như thế. Có hào sâu và có những chiến đài, chiến lũy vững chắc như thế. Quốc độ của đại vương, ruộng đồng tốt tươi, gạo cơm dư dả. Đại vương cai trị quốc độ mình bằng một chính sách vừa cứng vừa mềm, tình lý phân minh, hợp lẽ. Muôn dân được sống trong cảnh hòa bình, an lạc.

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Đại đức quá khen!

- Đây là sự thật! Còn nữa, hiện tại, quốc độ của đại vương ít có điều họa hại, rủi ro; sự phạm pháp của bá tánh thật không đáng kể. Tất cả chủng tộc, giai cấp đều sống trong không khí hòa thuận, yên bình. Dòng quý tộc, bà-la-môn, thương gia, thợ thuyền, nông dân... đều chẳng có chỗ hiềm khích, kích bác nhau, đấu đá nhau. Chẳng có nơi nào mà thủ lĩnh voi, thủ lĩnh ngựa, thủ lĩnh xe, thủ lĩnh bộ binh, thủ lĩnh cung tên... dưới trướng của đại vương đều tài ba lỗi lạc như thế. Những hoàng tử con vua, con bá quan, con thường dân... đều có nơi chốn để học hành rồi sau đó trở tài phụng sự quốc gia. Rồi tướng lãnh, binh sĩ đều là những người tình nguyện, đầu quân giết giặc hoặc bảo vệ lãnh thổ nơi này nơi khác. Tất cả đều uy vũ, có khí thế, được huấn luyện một cách kỹ càng. Tất cả những gia đình ở trong kinh thành, ví như con những người giàu có, con những người đồ vật, con những người giúp việc... đều có cơ hội thăng quan tiến chức, phát triển khả năng của mình.

Rồi còn biết bao nhiêu là nghề thợ tài hoa, làm phong phú, giàu có và thêm sắc màu sinh hoạt đa dạng cho quốc độ. Nào là thợ mạ, thợ tẩy xóa, thợ vẽ đủ loại, thợ làm mặt hương chiên đàn, thợ vàng, thợ thiếc, thợ đồng đỏ, đồng vàng, thợ

ngọc, thợ mài hột, thợ quay tơ, thợ nồi, thợ dệt, thợ nắn, thợ trang trí, thợ bảo kiếm, thợ trường kiếm, thợ làm xà mâu, thợ thương giáo, thợ mộc, thợ đoản kiếm, thợ trang sức, thợ làm đất làm cát, thợ chàm, thợ nhựa, thợ nướng thịt, thợ làm vật thực... Ôi! Thật là đủ loại, đủ thứ không thiếu gì!

Ngoài ra, sinh hoạt phố phường, chợ búa thật đông vui, tấp nập, quán xá san sát. Rồi còn nào là chợ hoa, chợ bán vật thơm, chợ bán trái cây, chợ bán thuốc trừ độc rắn, chợ bán thuốc chữa bệnh, chợ bán nước trường sanh, chợ bán ngọc, chợ bán đồ đạc, vật dụng tổng hợp v..v...

Một quốc độ như thế, một đời sống nhân dân hạnh phúc, ấm no như thế... trước tiên là thuộc công đức của đại vương, thứ nữa là phải kể đến vị kiến trúc bậc thầy họ, phải thế không đại vương?

- Có thể gọi là như vậy!

- Thế là đại vương đã để lại một kinh đô, một tòa kiến trúc hoàn chỉnh cho nhân dân và cho hậu thế, phải vậy không đại vương!

- Đúng vậy!

- Đức Thế Tôn cũng đã để lại một kinh đô hoàn chỉnh, một tòa kiến trúc quy mô như thế, đại vương có muốn nghe chăng?

- Rất muốn nghe, thưa đại đức!

- Đức Thế Tôn đã tạo nên một quốc độ chánh pháp, một vương triều thịnh trị, một kinh đô hoa lệ, một tòa lâu đài nguy nga đồ sộ... cũng tương tự như đại vương vậy, tâu đại vương!

- Vâng! Xin đại đức hãy kể cho nghe?

- Tâu, vâng! Trước tiên, kinh đô ấy:

*Có giới là thành trì,
Có sự hổ thẹn tội lỗi là pháo đài hộ thành,
Có chánh niệm là quân canh giữ cửa,
Có chánh trí là đại môn,
Có tinh tấn là chiến lũy,
Có đức tin là chóp vàng của tòa bảo điện,
Có trí tuệ là bảo điện,
Có tạng kinh là các đường cho bộ hành qua lại,*

*Có vi diệu pháp là ngã ba, ngã tư đường v.v...,
Có tạng luật là công đường xét xử nghiêm minh,
Có tứ niệm xứ là con đường lớn rộng rãi v.v...*

Bàn tăng kể sơ như vậy, đại vương có hình dung ra được kinh đô chánh pháp của Đức Thế Tôn đã để lại chăng?

- Thưa, hình dung được, nhưng không có gì đặc biệt lắm. Ngài hãy kể cho nghe ở kinh thành ấy có bán hàng hóa gì lạ không? Có thứ gì mà mọi người thích mua, thích dùng chăng?

- À, vâng! Ở đây có rải rác các khu chợ trên những con đường, nào chợ bán hoa, chợ bán vật thơm, chợ bán trái cây, chợ bán thuốc độc trừ rắn, chợ bán thuốc chữa bệnh, chợ bán nước trường sanh, chợ bán ngọc, chợ bán hàng hóa tổng hợp... y như là kinh thành này của đại vương không khác!

- Thế thì hay lắm! Hoa của kinh đô trẫm thì có rất nhiều loại, nhiều sắc màu, thơm và quý hiếm. Còn chẳng hay, hàng bán hoa của Đức Thế Tôn chừng bán những hoa gì?

Đại đức Na-tiên chợt mỉm cười:

- Hoa của kinh đô đại vương có lắm sắc màu, ai cũng thấy ngay là đẹp; hương của nó tỏa ra ai cũng cảm nhận ngay là thơm. Nhưng sắc màu ấy chóng tàn, hương ấy chóng phai, thật chẳng xứng cho các bậc trí giả vào đây để mua, tâu đại vương!

- Còn *hoa của Đức Thế Tôn* ra sao mà đại đức dám chê bai hàng hoa của trẫm như thế?

- Vâng, hoa của Đức Thế Tôn nom rất xấu xí, chẳng có sắc mà cũng chẳng có hương; có vài loại lại bất tịnh, đáng nhèm gớm là khác, tâu đại vương!

- Thế mà gọi là hoa à?

- Vâng, chính thật là *hoa*, là *vi diệu hoa*, *tối thắng hoa*. Ai mua hoa ấy về, ngày đêm nhìn ngắm, chiêm nghiệm... một thời gian sau, tính chất, tố chất vi diệu của nó sẽ len thấm vào tâm hồn, nó sẽ nở, sẽ phô sắc tỏa hương ở bên trong, giúp ta tận hưởng niềm an lạc, vui tươi, hoan hỷ... không kể xiết được, tâu đại vương!

- Đại đức đừng quảng cáo món hàng nữa, cứ bày bán ra thử xem?

- Tâu, vâng! Hoa ấy được Đức Thế Tôn gọi là "tường". Có những món hàng *tường* sau đây:

*Tường vô thường,
Tường khổ não,
Tường vô ngã,
Tường tử thân,
Tường bất tịnh,
Tường tội lỗi,
Tường dứt bỏ,
Tường diệt luyến ái,
Tường tịch diệt,
Tường không thỏa thích trong thế gian,
Tường vô thường trong tất cả các hành,
Tường tử thi chỉ còn xương,
Tường tử thi có dòi nhưng nhúc,
Tường tử thi có nhiều màu sắc,
Tường tử thi đứt ra nhiều phần,
Tường tử thi máu mủ chảy ra,
Tường tử thi sinh lên,
Tường tử thi có thú cắn xé,
Tường tử thi rời rạc mỗi nơi mỗi cái,
Tường tử thi bị bằm chặt từng miếng nhỏ,
Tường tử thi bê bết máu v.v...*

Mới nghe đến ngang đây, đức vua Mi-lan-đà nói:

- Quả thật là hoa ấy kỳ lạ lắm, nhưng kinh khiếp quá, đại đức!
- Thế thì thôi, bần tăng sẽ bày thêm hoa khác.
- Vâng.
- Những hoa này mát mắt hơn, đây là:

*Từ tường,
Bi tường,
Hỷ tường,
Xả tường v.v...*

Tâu, đại vương! Gồm tất cả tướng ấy Đức Thế Tôn gọi là chợ bán hoa. Các bậc trí giả lựa chọn hoa nào mình thích, đem về nhìn ngắm, chiêm nghiệm, trầm tư, quán tưởng... lần hồi sẽ giải thoát khỏi luyến ái, sân hận, si mê, ngã chấp, tà kiến, sẽ dứt hết hoài nghi và phiền não, để tiến vào *quốc độ Niết bàn tối thượng lạc*, quý báu hơn tất cả mọi quốc độ. Khi chấm dứt được tất cả khổ rồi, người ấy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết... hằng tươi vui trong cõi trường xuân... Vậy không là tối thắng hoa, diệu thắng hoa là gì, hử đại vương?

- Đúng vậy. Quả thật là trăm vừa vinh hạnh, may mắn chiêm quan chợ bán hoa nơi *vương quốc của chánh pháp*. Thật là lợi lạc vô cùng. Rồi trăm cũng phải lựa chọn cho mình những đóa hoa nào mà mình thích nhất, mang về để chiêm nghiệm thử xem. Tất cả thính chúng ở đây cũng thế, mỗi người nên mua một đóa, hai, ba đóa càng tốt, có lẽ Đức Thế Tôn cũng tặng thôi chẳng bán đắt giá đâu!

A còn chợ khác nữa! Trăm muốn vào xem chợ bán vật thơm, đại đức!

-Ồ bàn tăng sẽ giới thiệu sản phẩm, hương liệu vật thơm cho đại vương xem:

*Đây là hương thơm của giới,
Đây là hương thơm của định,
Đây là hương thơm của tuệ,
Đây là hương thơm của giải thoát,
Đây là hương thơm của giải thoát tri kiến.*

Tất cả chỉ có năm món thôi, đại vương!

- Vâng, vâng! Vậy là đủ ngát ngây rồi, xài trăm triệu kiếp cũng không hết rồi, vì trăm biết mùi hương của nó.

- Đại vương biết như thế nào?

- Thưa, chỉ cần nói về giới hương thôi, đã vi diệu, tối thắng hơn tất cả mùi thơm quý báu trong quốc độ của trăm cộng lại. Hương thơm của hoa chẳng bay ngược theo chiều gió, còn hương của giới không những bay ngược chiều gió mà còn có thể thơm khắp tất cả mọi phương hướng, lan tỏa cả cõi người cõi trời, xông ngát đến bốn cõi Tứ đại thiên vương, thưa đại đức!

- Đúng vậy! Người thọ trì ngũ giới, bát quan giới, tiểu giới, đại giới, tứ thanh tịnh giới... sẽ có được hương thơm, như Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Hương hoa lài, hương hoa sen thơm tho lắm; và quý báu nhất là hương chiên đàn, hương trầm.*"

Nhưng các loại hương ấy không thể thơm ngược chiều gió. Chỉ có giới hương là lan tỏa khắp mười phương, tám hướng. Giới hương còn cao quý hơn cả thiên hương."

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- *Kinh đô của chánh pháp rộng lớn quá, đại đức chỉ nên giới thiệu tượng trưng thôi. Ví dụ như giới hương đã quý báu thế, còn nói gì đến tuệ hương và giải thoát hương! Bây giờ đại đức cho xem gian hàng khác, ví như gian hàng bán trái cây chẳng hạn?*

- Vâng, đây là gian hàng bán các thứ quả như sau:

*Tu-đà-hoàn quả,
Tư-đà-hàm quả,
A-na-hàm quả,
A-la-hán quả,
Không quả,
Nhập định quả,
Vô tướng quả nhập định,
Xả quả nhập định v.v...*

Tâu đại vương! Trái cây thế gian dù ngon ngọt cũng chỉ ăn trong chốc lát, no trong chốc lát - còn các loại quả bất tử (*amata phala*), ăn vào thì no nhiều đời nhiều kiếp, nuôi dưỡng thọ mạng và được an lạc miên trường không gì sánh nổi.

- Vâng, trăm mong rằng sẽ mua được quả nho nhỏ cũng hạnh phúc lắm rồi.

- Vậy bây giờ chúng ta đi vào chợ bán thuốc trừ độc rắn nhé?

- Vâng!

- Bây giờ đại vương hãy nhìn những toa thuốc chuyên trị các loại độc rắn:

*Thuốc giải tham sân si độc,
Thuốc giải sanh, già, bệnh, chết độc,
Thuốc giải luân hồi độc,
Thuốc giải phiền não độc,
Thuốc giải sầu bi khổ ưu độc,
Thuốc giải trái ý, nghịch lòng độc,
Thuốc giải ganh tỵ, tật đố độc,
Thuốc giải quên ơn, bạc nghĩa độc,*

*Thuốc giải bỗn xẽn rít róng độc,
Thuốc giải cứng đầu, ương ngạch độc,
Thuốc giải tự cao, tự đại độc v.v...*

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Thôi, vậy là đã quá nhiều, trẫm đang đầu vầng mắt hoa đây. Chỉ một chút nọc độc ấy cũng đủ tiêu hủy một đời người, hoặc làm cho con người quằn quại, đau đớn. May mắn thay, *gian hàng chánh pháp* đã bán sẵn các loại thuốc giải. Thật là hữu ích cho chúng sanh. Ai bị loại độc nào thì cứ tự động mua loại thuốc giải ấy mà trị. Phải thế không, đại đức?

- Vâng! chỉ sợ chúng sanh không dám mua đó thôi!

- Không mua thì đừng có thống khổ, rên la!

- Đức Thế Tôn bố thí đấy, có bán chác gì đâu, đại vương!

- Thế thì tốt quá. Nhưng liều lượng thế nào, uống rồi cử cái gì, sao không thấy ghi bên dưới.

- Cũng đúng thôi! Cái đó tùy mỗi người biết độc của mình ra sao, uống ra sao, kiêng cử ra sao. Hãy tự mình chiêm nghiệm và sử dụng.

- Hay vậy thay!

- Thế bây giờ đại vương còn muốn đi xem nữa chăng?

- Còn muốn.

- Giờ chúng ta qua gian hàng bán thuốc trừ bách bệnh, kể cả tứ chứng nan y, kể cả bệnh mà thân chết không muốn rước. Tất cả sẽ lành tất!

- Hay dữ!

- Đây, hãy xem cái nhãn hiệu cùng cách đối chứng trị liệu:

Tứ niệm xứ: chữa trị bệnh thân, bệnh thọ, bệnh tâm, bệnh pháp.

Tứ chánh cần: chữa trị bệnh dễ duôi, buông xuôi theo ác niệm.

Tứ thần túc: chữa bệnh thiếu ý chí, thiếu quyết tâm, thiếu tập trung, thiếu sự quan sát.

Ngũ căn và ngũ lực: chữa bệnh thiếu đức tin, thiếu tinh tấn, thiếu niệm, thiếu định, thiếu tuệ.

Thất giác chi: uống vào là lành hẳn, là giải thoát tất cả bệnh.

Bát chánh đạo: chữa bệnh tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

Tâu đại vương! Đây là nói ngắn gọn. Chứ gian hàng bán thuốc này có thể trị dứt hẳn tám mươi bốn ngàn căn bệnh của chúng sanh!

Đức vua Mi-lan-đà tán thán:

- Thật là vi diệu thay! Thế còn *chợ bán nước trường sanh bắt tử* ở đâu, đại đức?

- Tâu, đại vương! Hãy nghe đây! Nhiều người sau khi xem chợ bán hoa, chợ bán hương, chợ bán trái cây, chợ bán độc rắn, chợ bán thuốc trị bách bệnh; thấy nhiều thứ nhiều loại quá, không biết chọn thứ nào, mua thứ gì... họ bèn vào chợ bán nước trường sanh bắt tử này. Đây là chợ chỉ bán duy nhất một món, khỏi lựa chọn gì cả. Chỉ chuyên uống một món này thôi cũng ném thường được *vị cam lồ bắt tử là Niết bàn*. Nếu chưa được vị ngon ngọt của Niết bàn, họ cũng chầm dứt được ưu sầu, thống khổ: khỏi tái sanh vào các cảnh thú, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la... tâu đại vương!

- Độc vị ấy là gì, đại đức?

- Là pháp *niệm thân*, đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Ô! Đúng vậy! Đây là thuốc dành cho mọi người chung chung, uống loại nước này công hiệu như thần, không lợi bề ngang cũng lợi bề dọc... lần hồi vô sanh bắt tử cả. Bây giờ đại đức cho vào chợ bán ngọc, xem thử có những loại ngọc vi diệu như thế nào!

- Tâu, vâng!

Đây là giới bảo ngọc;

Đây là định bảo ngọc;

Đây là tuệ bảo ngọc;

Đây là giải thoát bảo ngọc;

Đây là giải thoát tri kiến bảo ngọc;

Đây là tuệ phân tích bảo ngọc v.v...

- Ở gian hàng này ngọc cũng nhiều quá, đại đức giới thiệu cho từng sản phẩm một, công năng diệu dụng hoặc là tính chất quý báu của nó ở chỗ nào?

- Vâng, vậy thì bản tăng sẽ giới thiệu về "*giới bảo ngọc*"! Ngay giới bảo ngọc này cũng có rất nhiều loại khác nhau: ngũ giới, bát giới, thập giới, thu thúc giới, lục căn thu thúc giới, chánh mạng thanh tịnh giới, quán tưởng tứ vật dụng thanh tịnh giới, tiểu giới, trung giới, đại giới, đạo giới, quả giới, tâu đại vương!

- Vâng, ngọc ấy là quý, sáng rỡ, cao đẹp như thế nào?

- Ngọc thế gian dùng để trang điểm có nhiều thứ nhiều loại, nhưng quý nhất là ngọc mani, chỉ đức Chuyển luân Thánh vương mới có. Nhưng ngọc mani ấy dù quý báu thế nào cũng là thế gian ngọc, phàm phu ngọc, giá trị không bằng một phần mười sáu các loại ngọc này. Có ngọc này trang điểm thân tâm, có thể bước vào cửa xuất thế gian, gặp mặt các hàng thánh nhân; nên ngọc này được chư thiên, nhân loại, sa môn, bà-la-môn rất tán thán, ca ngợi. Tỳ kheu trang điểm cho mình loại ngọc này sẽ có ánh sáng huy hoàng chói lọi, tỏa hào quang đi khắp các hướng đông tây nam bắc thượng hạ trung; xuyên đến các cõi trời dục giới và phạm thiên giới; đúng như Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Dù các hàng đọa vãng, bác học; học rộng nghe nhiều cũng không bằng người thọ trì giới, thực hành giới. Giới cao thượng hơn sự nghe, sự học rất nhiều. Có giới phòng hộ, trang điểm thân tâm, các người có thể chấm dứt tất cả khổ và bước vào cõi Thánh*".

Đây là tính chất, công năng, diệu dụng của *giới bảo ngọc*, tâu đại vương!

- Trẫm rất hài lòng về *giới bảo ngọc*, bây giờ sang món hàng tiếp theo?

- Đây là *định bảo ngọc*, cũng có nhiều thứ nhiều loại: *tâm tứ định, vô tâm tứ định, lạc định, xả định, không định v.v...* Thứ nào cũng quý báu, cao sang cả, tâu đại vương!

- Xin cho nghe tính chất, công năng, diệu dụng của nó, đại vương!

- Vâng, các loại định này trước tiên là ngăn ngừa tất cả những tà tư duy: dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy...; đồng thời hủy trừ luôn các tư duy ngã chấp, tư duy phóng dật, tư duy hoài nghi, tư duy tham luyến! Nhờ vậy tâm được yên lặng, trong sạch, thuần khiết; đúng như Đức Thế Tôn đã thuyết: "*Ví như lá sen không bao giờ dính nước, định có công năng làm cho những bọt như phiền não xa lìa không thể dính vào tâm. Định chính là bảo vật cao quý làm cho những tư duy xấu ác không xâm hại được, không xen vào được, không lay động được*" - tâu đại vương!

- Quý hiềm thay là *định bảo*. Đại đức cho nghe thêm về *tuệ bảo*?

- Tuệ bảo cũng có nhiều thứ nhiều loại: tuệ viễn ly, tuệ phá chấp, tuệ giảm trừ, tuệ chiếu sáng, tuệ phân tích, tuệ đoạn lìa, tuệ diệt tận, tuệ thấy rõ, tuệ giải thoát v.v... Vậy đại vương muốn nghe loại tuệ nào?

- Loại tuệ bảo nào mà đại đức thấy là công năng điều dụng của nó lợi ích cho nhiều người thì đại đức tùy nghi thuyết giảng.

- Vâng, Vậy thì bần tăng mang ra đây loại ngọc này: *Tuệ Thấy Rõ*! Tuệ này dùng để trang điểm cho hai cõi: phàm và thánh. Các vị Thánh nhân hằng trang điểm cho mình khi đi, đứng, nằm, ngồi... không bao giờ xa rời, luôn với hào quang lấp lánh. Còn phàm phu có nó mà trang điểm trên đỉnh trán - thì có thể thấy: cái này là tội, cái kia là phước, cái này nên gần gũi, cái kia nên xa lìa, cái này là quý, cái kia là tiện, cái này là trắng, cái kia là đen, việc này nên làm, việc kia không nên làm v.v... Cú "*thấy rõ*" mãi như thế, phàm phu bước lên cái "*thấy rõ*" cao hơn: cái này là khổ, cái này là nhân sanh khổ, cái này là diệt khổ, cái này nếu thực hành sẽ đưa đến nơi diệt khổ. Lên cấp độ này, người ấy không còn là phàm phu nữa mà trở thành tuệ bảo của Thánh nhân; có thể trang điểm cho mình để rong chơi ngoài ba cõi, tự tại, an vui, rõ rõ dung nghi, cao sang tốt bụng! Ngọc Mani của Chuyển luân Thánh vương nào có nghĩa lý gì, phải thế không đại vương?

- Nhất định rồi! Nhưng trẫm còn muốn nghe loại ngọc khác nữa.

- Tâu, vâng! Ta tiếp tục. Đây là "*giải thoát bảo châu*"! đây là loại trang sức, trang điểm bình thường của những *công dân* ở cõi Thánh. Những vật thoa, vật thơm, những tràng hoa trang điểm ở thế gian như trầm hương, cây có vỏ thơm, gỗ mục thơm, mặt chiên đàn, hoa tử quân, hoa hường, hoa huệ, hoa dâm bụi, hoa cúc, hoa lay ơn, hoa lài kép, hoa lý, hoa ngâu, hoa ngọc lan, hoa sứ, hoa phượng hoàng, hoa phong lan... thật không đáng kể. Hoặc hoa sen có mùi thơm bảy ngày, hoa cây có mùi thơm nửa tháng... cũng không nghĩa lý gì!

Đi vào gian hàng giải thoát bảo châu, ta sẽ gặp:

*Giải thoát nhất phần bảo châu,
Giải thoát nhị phần bảo châu,
Giải thoát tam phần bảo châu,
Giải thoát tứ phần bảo châu.*

Đây là các loại bảo châu mà các vị Thánh nhân Tu-đà-hườn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán thường trang điểm cho mình. Nó có hào quang chiếu diệu, cao quý và đẹp đẽ phi thường. Thế gian chuộng ngọc thạch, ngọc mã não, ngọc lưu

ly, ngọc mani như thế nào thì chư vị Thánh nhân quý chuộng bốn loại *giải thoát bảo châu* cũng y như thế.

- Càng đi vào càng ngất ngây - đức vua Mi-lan-đà nói - nhưng trăm vẫn chưa muốn rời chân, thưa đại đức.

- Vậy thì sang đây xem gian hàng: "*giải thoát tri kiến bảo châu*".

Tâu đại vương! Ở nơi chỗ tuệ thì còn viễn ly, soi chiếu, thấy rõ điều đáng làm, điều nên làm. Ở nơi chỗ giải thoát thì giải thoát bán phần, giải thoát toàn phần v.v... Còn *giải thoát tri kiến bảo châu* này là giải thoát rất ráo, giải thoát không còn dư tàn. Do vậy loại bảo châu này hào quang tỏa rạng bất khả tư nghì. Tính chất và công năng của nó là vô hạn, vô lượng định vậy. Các bậc Thánh nhân vô lậu, trưởng tử của Như lai thường trang điểm loại bảo châu này, tự tại vô ngại giữa dòng đời để giáo hóa chúng sanh. Họ vừa trú nơi chơn tuệ để làm phận sự công việc mình, vừa khởi ý làm thiện sự vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, mà bao giờ cũng với tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tâu đại vương!

- Ô quý hiếm vậy thay.

- Ở đây còn thứ quý hiếm nữa, là *tuệ phân tích bảo ngọc*, đại vương cũng nên xem tiếp:

Tuệ phân tích ý nghĩa,
Tuệ phân tích pháp ,
Tuệ phân tích văn tự,
Tuệ phân tích biện tài vô ngại (tốc trí biện tài).

Đức vua Mi-lan-đà:

- Đức pháp chủ Xá - lợi - phát có thứ ngọc bảo này.

- Vâng.

- Nhờ đại đức giảng rộng cho nghe.

- Tâu, vâng, Bậc Thánh văn A-la-hán nào trang điểm cho mình loại ngọc bảo này, thì dù đi vào hội chúng nào, đoàn thể nào, giới cấp nào - ví như vua chúa, quan lại, sa môn, bà-la-môn, thương gia, nông dân v.v... - bao giờ cũng với thái độ dũng cảm, uy vũ, bất khuất; ngồi không cúi gục đầu xuống, tâm không hề rung động, không sợ hãi, không chau mày, không cần nơi nương tựa, không cần niệm, không cần quán tưởng, không tự trấn an mình; hoàn toàn làm chủ mọi tình

thế, tự biết mình là lãnh chúa của muôn loài như sư tử vương tọa thị điềm nhiên giữa chốn sơn lâm vậy.

Đức vua tán thán:

- Thật là đáng khâm phục, ngưỡng mộ!

- Dĩ nhiên rồi! Ví như một viên dũng tướng vô địch xông xáo giữa chốn thiên binh vạn mã; khi đã trang điểm cho mình mười loại khí giới tuyệt hảo rồi - viên dũng tướng ấy chân đạp một kẻ thù, chân đá một kẻ thù, tay nắm chỏm tóc một kẻ thù, tay kia một nhát dao rơi một lúc mười kẻ thù khác v.v... Mỗi mỗi động tác là trúng đích, một mũi tên buông ra xuyên suốt bảy, tám tên giặc. Trường kiếm, đoản kiếm, cung nỏ, giáo ngắn, giáo dài, trủy thủ, đao to, đao nhỏ, xà mâu, đoản côn v.v... y đều sử dụng một cách thiện xảo, nhuần nhuyễn... và chính xác từng ly tắc một... Viên đại dũng tướng ấy chẳng hề sợ ai, chẳng chùn, chẳng run tay, chẳng cần ngồi nghỉ dưỡng sức, chẳng cần tự trấn an mình v.v... Khi tấn, khi thoái, lúc lạng người, lúc né người, lúc cúi xuống, lúc đứng lên, lúc nhảy chéo, lúc nhảy ngang, lúc vút lên cao, lúc hoành thân, lúc đảo bộ... mỗi mỗi động tác của viên dũng tướng... đều tạo thêm lợi thế, khí thế bừng bừng... làm cho kẻ thù dựng đứng tóc gáy, tan tác dần dần... và rùng rùng bỏ chạy.

Tâu đại vương! Bậc Thánh nhân vô lậu trang điểm cho mình loại bảo châu bốn tuệ phân tích, đi vào giữa các hội chúng cũng y như viên đại dũng tướng kia đi vào trận địa giết giặc vậy!

- Thật là khiếp hãi. Xin đại đức cho nghe ngay ngữ nghĩa đi thôi.

- Vâng. Nếu các hội chúng:

Hỏi về ý nghĩa, sẽ giải thích bằng ý nghĩa;

Hỏi về nhân, sẽ giải thích về nhân;

Hỏi về duyên, sẽ đáp về duyên;

Hỏi về cách thức, phương pháp, sẽ giảng giải về cách thức, phương pháp;

Hỏi pháp phân tích nào, đáp pháp phân tích ấy;

Hỏi pháp, trả lời pháp;

Hỏi bất tử pháp, đáp bằng bất tử pháp;

Hỏi pháp không tạo tác, đáp bằng pháp không tạo tác;

Hỏi Niết bàn pháp, trả lời Niết bàn pháp;

Hỏi không pháp, trả lời bằng không pháp;

Hỏi vô tướng pháp, sẽ trả lời về vô tướng pháp;

*Hỏi bằng tâm tứ pháp, sẽ giải thích về tâm tứ pháp;
Hỏi về vô tâm tứ pháp, sẽ đáp vô tâm tứ pháp;
Hỏi về xả pháp, trả lời bằng xả pháp.*

Nói tóm lại, hỏi bằng pháp nào sẽ giải thích về pháp ấy một cách có thứ tự, mạch lạc, thông suốt, bác học, vô ngại về ngữ nghĩa, tâu đại vương!

- Vâng!

- Còn nữa, nếu có những kẻ sắc sảo, thích chữ nghĩa, thích lý luận thì:

*Hỏi bằng tuệ phân tích sẽ trả lời bằng tuệ phân tích;
Hỏi về văn tự, đáp bằng văn tự;
Hỏi bằng câu, sẽ đáp bằng câu;
Hỏi bằng câu ngắn,, đáp bằng câu ngắn.;
Hỏi bằng chữ, sẽ đáp bằng chữ;
Hỏi bằng chữ nói ráp, sẽ đáp bằng chữ nói ráp;
Hỏi bằng phụ âm, đáp bằng phụ âm;
Hỏi bằng chiết tự sẽ đáp bằng chiết tự;
Hỏi bằng mẫu tự sẽ đáp bằng mẫu tự;
Hỏi bằng chánh âm, sẽ đáp bằng chánh âm;
Hỏi bằng ngôn thuyết, đáp bằng ngôn thuyết;
Hỏi với biện tài, sẽ đáp bằng biện tài;
Hỏi bằng ví dụ, sẽ đáp bằng ví dụ;
Hỏi bằng vị, sẽ đáp bằng vị;
Hỏi bằng tướng, sẽ đáp bằng tướng v.v...*

Tất cả, tất cả đều được vị thánh nhân với *bốn tuệ phân tích* giải bày cặn kẽ, khúc chiết, quảng bác... làm cho các hội chúng giải tan được hoài nghi, có đức tin nơi chánh pháp và trở về với chánh pháp, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà bản thân nói:

- Trẫm không ngờ loại châu báu này "*kinh khũng*" đến như thế. Uy dũng của nó đúng là chúa sơn lâm, sẽ không sợ hãi bất kỳ một ai trong tam giới. Sở học mà được như thế, chắc không mấy người, đại đức nhỉ?

- Vâng, quả vậy!

- À, trẫm có nghe đồn trong lâu đài chánh pháp của Đức Thế Tôn còn có một loại ngọc nữa, được gọi là "*thất giác chi bảo ngọc*", sao không nghe đại đức nhắc tới?

Đại đức Na tiên mỉm cười:

- Vì nhiều quá nên đầu óc lú lẫn của bản tăng quên đi chăng? Vâng, quả thật có loại ngọc ấy. Nó chính là:

Niệm giác chi bảo ngọc;

Trạch pháp giác chi bảo ngọc;

Tinh tấn giác chi bảo ngọc;

Hỷ giác chi bảo ngọc;

An giác chi bảo ngọc;

Định giác chi bảo ngọc;

Xả giác chi bảo ngọc.

Đây là bảy loại bảo ngọc bắt buộc ai cũng phải trang điểm nếu muốn bước vào cõi hào quang của chư Thánh. Chư thiên, nhân loại, phạm thiên ai cũng thèm muốn, ước vọng, trầm trồ, tán thán, ca ngợi về sắc đẹp, tính chất có một không hai trên trần đời của nó, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà vui vẻ hỏi tiếp:

- Thế còn cái *chợ tổng hợp*, đại đức? Nó ra sao mà gọi là *chợ tổng hợp*?

- Thế trong kinh đô của đại vương, chợ tổng hợp họ bán những gì?

- Ô! Thượng vàng hạ cám. Từ ngọc báu, xa cừ, pha lê, mã não... từ voi, cọp, rắn, thường luồng, các loại cá, hải sản và thủy sản, vải vóc, lương thực cho đến cây kim, sợi chỉ, mắm tôm, mắm tép, giày, ủng, gươm, giáo, nỏ, song chảo, chén bát, đĩa, đồ sứ, đồ sành, trầm, quế, củi... cho đến ếch, nhái, chim, chuột, chó, mèo... tất cả đều có cả, thưa đại đức.

- Có nghĩa là giới quý tộc, thượng lưu, hạng triệu phú, bá quan, các giai cấp thợ thuyền, nông dân, kẻ hạ tiện... đều có thể vào chợ tổng hợp này để tìm mua vật vừa lòng, thích ý của mình phải không đại vương?

- Đúng vậy!

- Gian hàng tổng hợp của Đức Thế Tôn cũng y như thế. Nghĩa là để dành cho đủ mọi căn cơ trong xã hội, từ người căn cơ chậm lụt đến căn cơ thượng trí, đều có

phần của mình trong kho tàng chánh pháp của Đức Thế Tôn. Người tại gia có món hàng cho người tại gia. Người xuất gia có món hàng cho bậc xuất gia.

Ở đây, người ta có thể làm lành chút ít để cầu trường thọ, cầu sức khỏe, cầu an vui, cầu sắc đẹp. Người ta cũng có thể mua món hàng ngũ giới, bát giới để thọ trì, để đổi lấy cõi người và cõi trời hạnh phúc sang cả. Người khôn ngoan hơn tí nữa, họ mua thêm bố thí, tham thiền, để vừa được hạnh phúc trời, người, vừa gieo duyên hạnh phúc cao thượng hơn.

Còn nữa, riêng các bậc xuất gia thì những món hàng đắt giá được bày bán trong những câu lạc bộ thanh lịch và thanh khiết hơn. Vào đây sẽ có đầy đủ tạng kinh, tạng luật, vi diệu tạng. Ai ưa tạng nào thì mua tạng nấy. Ngoài ra, lác đác chỗ này chỗ kia, có những ngăn riêng để bán lẻ cho nhiều người. Nào là túc sanh truyện, kệ ngôn, kệ thơ, tiểu bộ kinh, tạp bộ kinh, tạng chi bộ kinh, trung bộ kinh, trường bộ kinh, tương ưng bộ kinh v.v... Người thích trì luật thì có giới thọ trì giới bổn, giới phòng hộ các căn, tiểu giới, trung giới, đại giới. Người ưa chiêm nghiệm sâu xa về tâm vương, tâm sở, sắc pháp, Niết bàn thì đi vào tạng vi diệu, thắng nghĩa.

Ngoài ra, có vị thích chỉ tịnh, quán minh; có vị thích đầu đà khổ hạnh, người thích ở cội cây, rừng, nghĩa địa; kẻ thích thiền định, người ưa giáo hóa, pháp sư, giảng sư... ai muốn mua, đều có. Có những vị được một thông, hai thông, ba thông, bốn thông, năm thông, sáu thông. Có vị được một tạng, hai tạng, ba tạng. Có vị chuyên tu tứ niệm xứ, chuyên tu thất giác chi, người ngũ căn, ngũ lực, kẻ thích thú bát chánh đạo.

Nhờ vậy, trong câu lạc bộ này, biết bao nhiêu vị Thánh nhân ra đời, từ Tu-đà-hườn quả đến A-la-hán quả. Có vị được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền và vô sắc thiền.

Ví như trong một khu rừng, hằng-hà-sa số các loại thảo mộc thì trong câu lạc bộ chánh pháp cũng hằng-hà-sa số là các vị Thánh nhân cùng phước báu trời, người... như thế!

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Quả đúng là gian hàng tổng hợp. Nhưng đại đức kể nhiều quá. Trẫm nhớ không hết, hãy từ từ nhé! Ví như trong quốc độ của trẫm, trẫm là vua, bên cạnh trẫm có vị quốc sư hàng bàn việc nước với trẫm, các quan đại thần thì chăm lo tất cả công việc từ kinh tế, quân sự, nông nghiệp, giáo dục, y tế, thiên văn v.v...

Ngoài ra lại còn bốn giai cấp trong xã hội, và dân chúng thì làm đủ tất cả mọi ngành nghề v.v... Vậy trong cái gọi là quốc độ chánh pháp của Đức Thế Tôn có tổ chức tương tự như thế hay chăng?

- Có chứ, tâu đại vương!

- Xin đại đức giảng cho nghe?

- Vâng, trước khi trình bày điều đó, bản tăng sẽ xin kể những thần dân ở trong quốc độ chánh pháp ấy đã.

Một là, các bậc hết luyến ái, hết sân hận, hết si mê, hết ái dục và không còn có chấp; ấy là những bậc đã đắc giải thoát thiên.

Hai là, các vị thọ đầu đà, ở trong rừng, ngăn oai nghi nằm, thọ đi kinh hành, thọ y bó tử thi, thọ tam y, thọ tròn đủ bốn pháp môn, những bậc hiểu pháp đệ nhất.

Ba là, các vị thọ đầu đà, tri túc trong lợi lộc.

Bốn là, các vị đắc thiên, vô sắc thiên, có thần thông hoặc không có thần thông.

Năm là, các vị thực hành để đắc được quả hữu học, có tâm tâm cầu hướng thượng.

Sáu là, các bậc Tu-đà-hườn, Tu-đà-hàm, bậc A-na-hàm, A-la-hán xa lìa các bợn như tội lỗi.

Bảy là, các vị thông suốt tứ niệm xứ, hoan hỷ tiến tu thất giác chi, thực hành tuệ minh sát.

Tám là, các vị thông hiểu thần túc, hoan hỷ nhập định, thực hành tứ chánh cần.

Chín là, các vị thông tuệ ba la mật, có hỷ mãn, có lạc mãn.

Mười là, những vị đi đâu cũng nhìn xuống, không ngó láo liên, biết thu thúc khẩu, gìn giữ lời ăn tiếng nói, thu thúc thân tâm.

Mười một là, người đắc pháp cao thượng, đắc tam minh, đắc lục thông, đắc thần thông ba-la-mật, có trí tuệ ba-la-mật...

Tâu đại vương! Thần dân trong quốc độ chánh pháp ấy rất nhiều, nhưng bản tăng chỉ tóm tắt vào mười một nhóm công dân ưu hạng như vậy thôi!

- Đúng là công dân thượng đẳng! Nếu ai cũng thượng đẳng cả thì ai là vua, là quan, là dân hờ đại đức?

Đại đức Na tiên mỉm cười, như nói riêng với đức vua.

- Cũng vì chúng sanh mà ra cả, đại vương!

- Ồ! Vâng! Vậy xin đại đức bi mẫn kể cho "*chúng sanh*" nghe?

- Vâng! Trong quốc độ của đại vương chỉ có một vị vua, nhưng trong quốc độ của chánh pháp thì có hằng trăm hằng ngàn vị pháp chủ. Đó là những bậc:

Thứ nhất, nâng đỡ trí tuệ cao thượng.

Thứ hai, không dính mắc một chút cấu uế.

Thứ ba, bất động, trạc nhiệm giữa cuộc đời.

Thứ tư, nâng đỡ đạo hạnh, đức độ.

Thứ năm, nâng đỡ phước duyên.

Thứ sáu, vô bố, vô úy.

Thứ bảy, thông tuệ tư duy.

Thứ tám, nâng đỡ thần thông.

Thứ chín, nâng đỡ hào quang.

Thứ mười, nâng đỡ giảng giải kinh nghĩa.

Thứ mười một, nâng đỡ pháp giải thoát.

Thứ mười hai, nâng đỡ pháp luận.

Thứ mười ba, thu thúc trong trí tuệ ba la mật...

Nhóm người cao thượng, siêu việt này đều là những bậc pháp chủ, tâu đại vương!

- Cảm ơn, trẫm đã lãnh hội rồi. Có vua tất có quốc sư. Vậy trong quốc độ chánh pháp, có vị quốc sư ấy chăng?

- Tâu, có ạ! Đây là các vị vừa đắc bốn tuệ phân tích vừa thành tựu những thần thông tột cùng; có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng, đi trên biển, đi trong đất một cách vô ngại. Họ là những vị quốc sư.

- Thế còn những vị quan nào nữa, đại đức?

- Tâu, đây là những vị quan tòa. Họ hành pháp đầu đà, sống đời thiếu dục tri túc, chán ghét tà mạng, chán ghét trì bình khát thực tà mạng; giữ gìn lục căn thanh tịnh, lánh xa thỏa thích trong sắc, thanh, hương, vị, xúc. Hằng ngày họ đi nơi này nơi kia, tùy nghi nhận phẩm vật cúng dường, không làm phiền lụy đến ai; như

con ong hút nhụy mà không phá hoại nụ hoa, lợi lộc không màng tới, không cần để ý đến sự đòi hỏi của thân và tâm. Họ đích thực là những vị quan tòa, cầm cân cân quân bình cho thần dân trong quốc độ, tâu đại vương!

- Có phải họ nêu tấm gương thiếu dục tri túc, phải vậy không đại đức?

- Tâu, vâng! Đại vương dùng từ rất chính xác.

- Không dám! Thế còn ai làm phạm sự gì nữa, thưa đại đức?

- Tâu, vâng! Đó là vị quan giữ lửa cho quốc độ!

- Ở đây phải tuyển chọn những bậc như thế nào?

- Tâu, trước tiên vị ấy không còn bận nhơ phiền não, lại có thiên nhãn thông, thần túc thông, có thiên định kiên cố. Sau đó vị ấy còn phải đi nơi này nơi kia một cách mau lẹ, để giáo hóa mọi người.

- Còn chức vụ gì nữa, đại đức?

- Tâu, còn có chức quan giữ gìn pháp bảo. Ở đây, phải lựa chọn những vị nghe nhiều, học rộng, nâng đỡ các bộ kinh, nâng đỡ luật; rành rẽ các chủ đề, các loại văn tự ngôn ngữ, đọc đúng giọng dài, giọng ngắn v.v...

- Vâng, còn có những gì nữa?

- Tâu, còn có luật sư đoàn. Ở đây phải biết tuyển chọn người biết luật, thông về luật, rành rẽ sự xử phạt. Biết rõ hành động này là phạm, hành động kia không phạm, điều này phạm nhẹ, điều kia phạm nặng; biết rõ việc này nên châm chước, việc kia không nên châm chước. Còn biết dạy bảo thêm những giới phụ, biết rành rẽ lối đọc tụng sám hối này cần thay đổi, nơi kia không nên thay đổi v.v...

- Rất phong phú. Vậy trong ấy có ai coi về việc quán sá, chợ búa không?

- Tâu, có. Ở trong vương quốc này cũng có người bán hoa, bán quả, bán vật thơm, bán hàng ăn uống...!

- Xin cho nghe!

- Vâng. phải tuyển chọn những người có pháp giải thoát, biến uốn nắn ngọn cây A-la-hán cho đẹp từ gốc, cành, lá đến ngọn; phải làm cho hoa nở bốn mùa... tâu đại vương!

Còn nữa, còn tuyển chọn những người bán trái cây, là người đã thực hành và giác ngộ Tứ diệu đế, thành tựu bốn sa môn quả, diệt tận vô minh phiền não là phước điền đơm hoa kết trái cho chư thiên và nhân loại.

Còn nữa, những người bán vật thơm là những người thọ trì giới một cách tuyệt hảo, thanh tịnh bên trong, thanh tịnh bên ngoài, không còn bất kỳ một chút cấu uế nào. Hoàn toàn vắng lặng và ngát ngào giới hương!

- Trẫm thấy rồi. Còn hàng ăn uống là thế nào hỡi đại đức?

- Ở đây, phải tuyển chọn những người phục vụ món hàng luôn đem đến no đầy, an lạc, phỉ lạc cho nhiều người. Là những vị hớn hở vui tươi trong pháp và luật. Là những vị an lạc, thỏa thích trú trong rừng, dưới cội cây. Người hành đầu đà một chỗ, đầu đà nơi chỗ trống, nơi thanh vắng. Là những bậc luôn ăn uống no đầy những pháp đức cao siêu, pháp lớn, pháp nhỏ đều hân thưởng... Đây cũng là những vị chỉ nói về thiểu dục, chỉ nói về tri túc, chỉ nói lời nghiêm tịnh, chỉ nói lời khách quan không lẫn lộn giữa các phe nhóm, chỉ nói lời tinh tấn, chỉ nói lời phước báu của giới, chỉ tán dương giải thoát tri kiến A-la-hán quả v.v...Nhờ vậy, mọi người đến đây ăn uống no say, vui thích... quên cả nẻo về trần thế, tâu đại vương!

- Thế còn chức vụ gì nữa không?

- Tâu, còn quan phòng hộ, giữ gìn, bảo vệ quốc độ nữa, tâu đại vương!

- Vâng, trẫm hiểu.

- Số phòng hộ, bảo vệ này rất đông, không biết là có tất cả bao nhiêu vị. Đây là những người có oai nghi ngời, đi và đứng. Họ đi kinh hành canh đầu, canh giữa và canh cuối; luôn luôn thức tỉnh, luôn luôn cảnh giác những quân giặc phiền não xuất hiện, hằng giữ gìn phận sự của mình, vì lợi ích cho mình và cho quốc độ chánh pháp.

Còn nữa, còn tuyển chọn những người dạy pháp, đọc tụng Phật ngôn; nói ý nghĩa, trình bày cách thức, giảng văn tự, chứng minh về nhân về quả, có thí dụ lớn, có thí dụ nhỏ... Các ngài chính là những *chủ quán bán pháp* cao quý đây đại vương!

Còn nữa, trong quán ấy còn tuyển dụng thêm những người có vốn liếng tài sản về pháp bảo, nhất là kinh tạng; rành về cú pháp, văn phạm, nguyên âm, phụ âm... cho gian phòng thêm phong phú.

Ngoài ra, còn những nhân sĩ, trí thức hàng lui tới, họ có nhiều ba la mật, biết thuyết pháp, biết sưu tầm pháp, biết chia sẻ pháp; các ngài cũng góp thêm công sức cho quốc độ chánh pháp thêm huy hoàng, tươi đẹp và thịnh mãn.

- Đúng vậy! Chẳng có vương quốc nào mà thanh bình, an lạc được như thế.

- Vâng, ở đây do nhờ phòng hộ chặt chẽ, an ninh tuyệt đối nên không hề có kẻ thù xâm lăng, họa hại; muôn dân sống trong cảnh hạnh phúc của giống dòng thượng đẳng, cao quý của mình. Chính Đức Chánh Đẳng Giác, sau khi Niết bàn, đã để lại vương quốc chánh pháp ấy, được xiển dương, quảng bá, đã bắt tử với thời gian. Thầy tổ của bàn tăng là những công dân tiền bối, và bây giờ là bàn tăng đang nỗ lực tinh cần, hoàn thiện mình để được bước vào vương quốc ấy. Đại vương cũng thế, những câu hỏi đáp hôm nay giữa chúng ta cũng được rút ra từ di sản của Đức Tôn Sư. Vậy mà đại vương còn dám hoài nghi là Đức Phật chưa từng có mặt?

- Ủ! À! Đại đức cứ nói tiếp!

- Tâu, vâng. Cũng giống như kinh đô và quốc độ của đại vương đó thôi. Vị kiến trúc bậc thầy kia ra đi, đại vương còn sống bây giờ đây, tác phẩm kiến tạo này sẽ còn mãi mãi với thời gian. Lẽ nào chừng một trăm năm sau, di sản, chứng tích kinh đô cũ vẫn còn, thế mà có người lại bảo không hề có ông vua Mi-lan-đà - thì đại vương nghĩ sao?

Đức vua Mi-lan-đà có vẻ suy nghĩ dăm chiêu, một hồi mới nói:

- Nói tình thật, thưa đại đức! Lý luận, diễn giảng, chứng minh, ví dụ của đại đức thật không có kẻ hở cho hoài nghi xen vào. Trẫm có đức tin trong sạch và trí tuệ sáng suốt để xác định rằng: Đức Phật có thật! Không còn một mảy may nghi. Tuy nhiên, giả dụ thế, có kẻ ngoại đạo các cứ nói: "*Vẫn có thể là không có Đức Phật*". Vì sao? Vì qua những kiến thức uyên bác, kiến giải thông tuệ, trình độ hiểu biết, lý luận... của đại đức bây giờ - nếu như trước đây chừng một trăm năm, thế gian xuất hiện chừng hai, ba vị như đại đức - thì có thể họ cùng nhau ngồi lại một chỗ mà sáng tác nên các bộ kinh, luật, vi diệu tạng kia, được chẳng? Nghi không có Đức Phật và nghi là có vài bậc trí tuệ sáng tác - thì cũng giống nhau thôi, thưa đại đức!

Câu hỏi có trọng lượng ngàn cân - và mối nghi rất có cơ sở của đức vua Mi-lan-đà, làm cho cả hội trường im phăng phắc, có kẻ toát mồ hôi. Tuy nhiên, đại đức Na tiên đáng đáp vẫn điềm nhiên, nhìn quanh một vòng rồi mỉm cười nói:

- Hay lắm! Đáp, hỏi là phải như thế! Học Phật pháp là phải như thế: phải vấn nạn cho tận cùng, không nên tương nhượng, vị nể nhau. Phong cách thể hiện đạo đức tri thức của đại vương, bản tánh rất khâm phục vậy.

Rồi đại đức tiếp lời:

- Tâu đại vương! Biển cả tức là đại dương, sâu rộng quá chừng; lượng nước và lượng cát ở đáy không ai đếm hết được. Trong lòng đại dương quần tụ sinh sống hằng vạn hằng ức loài thủy tộc. Đi lại trên đại dương có các loài rồng, đại bàng, dạ xoa nước... hằng đi kiếm ăn. Trong biển, trên biển luôn luôn có sự đầy động huyền ảo; hợp tấu cùng các a-tu-la hằng say đùa giỡn, đoàn lũ rầm rộ làm chấn động biển trời tạo nên một loại nhạc cụ tổng hợp, âm thanh tạp náo. Lác đác chỗ này chỗ kia, nhô lên những hòn đảo tốt tươi xinh đẹp, có các thần tiên du hành, rong chơi đây đó. Sơn thần, thọ thần, thủy thần cũng ngoạn du nhàn lạc trong lãnh địa của mình...

Đại đức Na tiên nói đến ngang đây, chợt đức vua Mi-lan-đà ngắt lời:

- Xin lỗi đại đức! Không biết đại đức kể chuyện gì mà lan man trên trời dưới biển như thế, chuyện các loài thủy tộc và thần tiên kia liên hệ gì với chủ đề chúng ta đang thảo luận hôm nay?

- Hãy kham nhẫn, đại vương! Đây là tiền đề, và rồi nó sẽ đi thẳng vào nội dung cốt lõi của vấn đề mà!

- Ồ! Thế thì xin đại đức cứ tiếp tục!

- Vâng, bản tánh kể tiếp đây. Trong biển, trên biển huyền ảo ngày đêm như thế; nhưng lại còn hằng trăm ngàn ghe thuyền bán buôn từ quốc độ này sang quốc độ khác dong buồm lui tới nữa... Những ngọn sóng to, những ngọn sóng nhỏ dào dạt, âm ào, đập vào bãi biển, các doi đất lồi, vịnh, hải khẩu; thủy triều lên xuống các đầm nước mặn, các đầm nước ngọt, các vực sâu tiếp giáp biển và núi...

Đâu đâu cũng có chúng sanh nương gá, là nơi quần cư giữa các loài hữu tình, vô tình, có những vùng sáng chói ngọc thạch, san hô. Biết bao nhiêu là cá xà, cá mập, voi nước, ngựa nước, nhơn ngư, tôm rùa..., loài thủy tộc có tên và loại thủy tộc không tên, lẩn hiếp nhau, cắn xé nhau để tự vệ và sinh tồn. Tuy nhiên, nếu như thế thì đại dương vẫn bình lặng trong định luật sinh diệt của các loài...

Ví như trên trời có điều vương, trên rừng có tượng vương... thì dưới biển cũng có ngư vương! Hốt nhiên, hôm kia, như sau một giấc ngủ ngàn năm dưới đáy đại dương, Ngư vương rừng mình đứng dậy, đội một biển nước trên mình và nhảy vọt lên cao! Ôi một cơn sóng thần cũng không được như thế! Một trận động đất cũng không được như thế! Từng quả sóng núi lớn nổi lên cao, đập trùng sóng núi, rừng rừng nối đuôi nhau chạy dạt ra bốn phương trời. Muôn loài thủy tộc sợ hãi tưởng là giờ tận thế. Hàng trăm, ngàn ghe thuyền chạy trốn núp vào các vực nhưng cũng không tránh khỏi tử nạn thương vong. Cá nhỏ, có to biển động sóng nhồi nằm phơi xác trắng hếu trên mặt nước...

Ồ! Chuyện gì đã xảy ra mà biển sóng nổi kinh hoàng như thế? Các bậc thức giả, trí giả, giáo sư hải dương học... đều đưa ra một kết luận giống nhau: "Có một loài cá rất to, gọi là Ngư vương vừa xuất hiện. Đây là hiện tượng hàng triệu năm mới có một lần. Trận sóng vừa rồi là sự "ra oai" với muôn loài thủy tộc của Ngư vương đấy!

Nói đến ngang đây, đại đức Na tiên nghỉ hơi một lát. Đức vua Mi-lan-đà thở một hơi dài:

- Dường như trầm vừa nắm bắt được nội dung của tiền đề rồi đây!

- Đại vương đã đoán trúng - đại đức Na tiên tiếp lời - Biển thế gian này cũng là đại dương mênh mông, vô lượng nước, vô lượng cát như thế đấy, tâu đại vương! Vô lượng nước ấy tức là ái dục tham luyến, vô lượng cát ấy chính là phiền não. Ai dục, tham luyến chính là hạng chúng sanh ngu si tăm tối đếm không xiết kể trên thế gian này. Đáy biển có những luồng lạch, có những hang hóc tối tăm chính là tà kiến, ngã chấp, cứng đầu, vô ơn, bội nghĩa, si mê, hận thù, gian xảo, độc ác v.v...

Tâu đại vương! giả dụ như đại vương là bậc trí tuệ - và quả ngài là bậc trí tuệ rồi - thì nếu khởi lên sự so sánh như thế, đại vương có khiếp hãi biển thế gian này chăng?

- Đúng là khiếp hãi, khiếp đảm!

- Vậy đại vương có nên giữ gìn mình chăng?

- Tuyệt đối phải giữ gìn, phòng hộ. Người chỉ có một con mắt sẽ bảo vệ con mắt của mình như thế nào thì trầm sẽ tự bảo vệ mình như thế đó!

- Đúng vậy! Giữa biển sâu, muôn loại thủy tộc sống lẫn lộn; ngọc, cát đá và san hô cũng sống lẫn lộn - thì biển thế gian này cũng y như thế:

Người nam người nữ, kẻ thiện, người ác sống lẫn lộn với nhau. Người có chức quyền, địa vị, người không chức quyền, địa vị. Người có phước và người vô phước. Bậc có oai đức và kẻ không có oai đức. Người phi thường và kẻ bình thường. Người tiến hóa và người không tiến hóa. Người có trí tuệ và người không có trí tuệ. Người hiểu biết và người không hiểu biết...

Ngoài ra, còn có các hàng vương giả, quý tộc, bà-la-môn, thương gia, nông phu, người nấu ăn và kẻ chăn ngựa, người áo trắng và người tu theo ngoại đạo. Các sa môn trong giáo hội Đức Tôn Sư và các vị khuất thực du sĩ lang thang, người ăn xin đủ loại, đủ kiểu; người tu nằm dưới đất, kẻ nằm một bên vai, có người không tắm, có người bết bùn đầy người, kẻ lỏa lồ thân thể, các đạo sĩ thần chú, thờ thần lửa, thầy bắt rắn... Tất cả họ sống đông đặc, chen chúc trong thế gian này.

Lại nữa, biển thế gian còn có biết bao nhiêu loài chúng sanh chưa kể hết. Những loài chúng sanh có bốn chân như lạc đà, lừa, ngựa, sư tử, beo, gấu v.v... kể sao xiết? Những chúng sanh có hai chân như le le, két, sáo, tu hú, bò câu... thật là hàng vạn loại! Rồi còn chúng sanh nhiều chân và không chân... nhưng nhúc, đặc đầy.... còn đông hơn là đại dương kia nữa.

Như trên không có điều vương, như rừng sâu có tượng vương, như biển cả có ngư vương, như quả địa cầu có Chuyển luân Thánh vương... thì mười ngàn thế giới của cõi ta bà... muôn triệu năm mới có một bậc Đại giác ngộ ra đời. Địa cầu chuyển động, biển thế gian chấn động, ba cõi rung động. Ngọn cờ chánh pháp dương cao; một trận sấm pháp, sóng pháp long trời lở đất, cuộn cuộn tràn ra sông mê, biển khổ; len lỏi vào các luồng lạch tối tăm, những hang sâu, những vực thẳm, những hải đảo, những rừng xanh, những đại quốc, những tiểu quốc, những bộ lạc, những chủng tộc, những nhóm người, những giai cấp, những quý tộc và cùng đinh, người nô lệ và bà-la-môn, kẻ giàu người nghèo, kẻ quý người tiện, bậc thức giả và người ngu si, kẻ tối mắt, người sáng mắt v.v... Ai cũng nghe được thông điệp của bậc bất tử. Đấng Đại Giác bố thí nước bất tử cho chúng sanh không phân biệt để diệt trừ, dập tan lửa nóng và ba độc phiền não; làm cho không có bợn nhơ, giải thoát bợn nhơ, hết bợn nhơ, duyên tận bợn nhơ, làm cho trong sạch, mát mẻ, thanh khiết; lần hồi giúp cho chúng sanh trú trong pháp giải thoát, đạt phẩm vị A-la-hán hạnh phúc tối thượng...

Tâu đại vương! Trận sấm pháp, sóng pháp vô tiền khoáng hậu ấy là gì? Làm cho cõi người, cõi trời rung động ấy là gì? Làm cho ma vương, bóng tối, si mê, tà kiến, ngã chấp... bị sóng nhồi, sấm dập... mà chết nằm la liệt, phơi xác trắng hếu trên biển thế gian, ấy là gì?

Là *Tứ diệu đế*, tâu đại vương! Ngoài số bỏ xác tại trận tiền, còn vô số chúng sanh khác, nhờ sấm pháp mà thức tỉnh cơn mộng dài, nhờ sóng pháp mà đẩy trôi sang bên kia giác ngộ. Bởi vậy, vô lượng chúng sanh có nhóm đến được đảo an lạc Tu đà hườn, bình nguyên hạnh phúc Tư đà hàm, quốc độ thanh bình A na hàm, thế giới thanh khiết A-la-hán! Nhóm chúng sanh ít công đức, phước báu hơn, có thọ trì quy giới, có đức tin... có bố thí, tham thiền, thì hoặc được quả người, trời sang cả, hoặc được mở con mắt trí tuệ để khỏi rơi vào bốn đường dữ.

Tâu đại vương! Một cơn sấm, một cơn sóng... đều trải qua bốn giai đoạn: sanh, trụ, dị, diệt. Lúc Đức Thế Tôn thuyết *Tứ diệu đế* tạo cơn sấm pháp, sóng pháp cũng trải qua bốn giai đoạn: khổ, tập, diệt, đạo.

Tại cõi trời Đao lợi, khi Đức Thế Tôn thuyết về khổ đế, không biết bao nhiêu là chư thiên phấn khởi, hoan hỷ; có kẻ sạch trần cấu, có kẻ đắc pháp nhãn. Lúc Đức Đạo Sư thuyết về tập đế, vô lượng chư thiên thấy rõ nguyên nhân khổ, đắc được pháp cao thượng, họ rất vui mừng và phát sanh phỉ lạc. Khi Đức Đại Giác thuyết về diệt đế, tất thấy mọi hoài nghi của một số chư thiên được lắng dứt; cảm nhận ra được đâu là pháp sanh, pháp diệt, trí tuệ xuất trần ly cấu hiện ra. Khi Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về đạo đế, rất nhiều chư thiên thấy rõ con đường diệt tận tham sân ái luyến, thấu triệt mọi ngõ ngách đen tối của vô minh, chứng A-la-hán đạo, A-la-hán quả...

Tâu đại vương! Tiếng sấm pháp ấy còn vang dội, và cơn sóng pháp ấy còn ùn ùn lan đến cung điện này. *Tứ diệu đế* vẫn còn đây. Các bậc thầy tổ của bàn tăng đắc quả A-la-hán, kẻ còn sống, người đã tịch diệt trên thạch động Rakkhita; chư tăng trong hàng ngũ của giáo hội rất nhiều người tinh thông một tạng, hai tạng, ba tạng; rất nhiều vị đắc một thông, hai thông, ba thông; rất nhiều vị có bốn tuệ phân tích, vô ngại giải; rất nhiều vị đầu đà, khát thực sống hạnh thiếu dục, tri túc; rất nhiều vị trì luật nghiêm minh, thanh tịnh; rất nhiều vị đa văn, bác học, lâu thông kinh nghĩa, văn phạm, cú pháp; rất nhiều vị từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng. Và chính ngay đây, đại vương là bậc đang được tiếng sấm xưa lay tỉnh, cơn sóng xưa rung động... bởi vậy, mới có buổi tao phùng kỳ ngộ, hỏi và đáp hôm nay. Thế mà đại vương cứ dám bảo là không có Phật?

Dám bảo ai đó sáng tác kinh luận! Bạc vĩ đại như thế, làm chúa cả ba cõi và ở ngoài ba cõi, thường chỉ có một người, một đấng, một bậc, một đức duy nhất và tối thượng: Đức Chánh Đẳng Giác Thế Tôn, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà suy nghĩ hồi lâu.

- Rất thuyết phục, thưa đại đức!

- Thế đại vương còn nghi ngờ sự hiện thân của Đức Phật nữa chăng?

- Thưa, đã hết.

- Thế sao đại vương còn trầm mặc như thế?

- Vâng, vì trẫm không còn hoài nghi - nhưng chúng ngoại đạo họ vẫn còn luận cứ của họ!

- Vậy họ có thể phản bác ra sao?

- Họ có thể nói như thế này: "*Quý vị gọi chúng tôi ngoại đạo, tà giáo - thì chúng tôi cũng gọi quý vị là ngoại đạo, tà giáo! Sự xuất hiện của ông Cù Đàm - nếu ta công nhận ông ấy có xuất hiện - làm cho ba cõi rung động gì đó, sóng tràn đến hôm nay gì đó; thì các bậc giáo chủ, chân sư của chúng tôi xuất hiện ở đời này, còn rung động hơn thế, còn vĩ đại hơn ông Cù Đàm gấp bội, gấp chục, gấp trăm là khác. Bằng cứ là chúng tôi đông hơn, am miếu, tu viện, tự viện, trang viện, cốc liêu... của chúng tôi rải rác khắp hang cùng ngõ hẻm; ba bộ phệ đà của chúng tôi phổ cập và ảnh hưởng toàn bộ đời sống của nhân dân châu diêm phù đề, còn nguy nga, hoàng vĩn và bất tử hơn kinh điển của ông Cù Đàm nữa. Sóng động, biển động, sấm chớp long trời lở đất - là của các vị chân sư, giáo chủ của chúng tôi. Ông Cù Đàm không có phần ở đây!"*

Trước luận cứ ấy thì đại đức phải trả lời làm sao, đại đức?

- Tâu, họ có quyền nói như thế, tâu đại vương! Quả đúng cái gì họ cũng đông hơn gấp bội, nhưng điều đó chứng tỏ gì? Chứng tỏ bao giờ vàng ngọc cũng ít hơn cát đá; trầm hương bao giờ cũng ít hơn tre gỗ. Những tập tục mê tín dị đoan: thần mặt trời, thần mặt trăng, thần bình vôi, thần ống nhỏ, thần bò cái, thần gốc đa, thần sông, thần hói, thần rùa, thần sư tử, thần ngã ba, thần bà mụ, thần bói toán, thần đất đai, thần ngày tốt, thần hộ mạng, thần chó mực, thần mèo đen, thần gà quạ v.v... Cả hàng triệu vị thần như thế có mặt từ tôn giáo của họ. Rồi còn hàng trăm hàng ngàn cách tu ăn lông ở lỗ, man di mọi rợ... đã lôi cuốn hàng triệu người ngu si, dốt nát... tin cuồng, tin bậy, lạy lục, cầu khẩn, van xin...

để họ cầu cạnh đủ mọi thứ tham dự trên cuộc đời này. Khác xa là tiếng sấm uy vũ, cơn sóng dậy vỗ vào giấc mê cuồng tằm tối của chúng sanh, tâu đại vương! Các bậc Thánh nhân A-la-hán trong giáo hội Đức Thế Tôn, sống thanh khiết giữa chốn trần gian cấu uế, bất tịnh... như cả hàng trăm ví dụ sống động... hàng ngàn hình ảnh cụ thể sống động mà đại vương đã từng thấy, từng chiêm nghiệm và từng biết qua. Lẽ nào đại vương lại không đủ sức bẻ gãy câu hỏi ngang ngược tối tăm, cố chấp, cuồng vọng... của họ, hủ đại vương?

Đức vua Mi-lan-đà thờ dài nói:

- Quả có vậy. Và quả trẫm cũng định nói tương tự thế. Chuyện ấy cho qua. Nhưng giáo pháp chơn chính của họ thì sao? Họ cũng có thể nói rằng, giáo pháp của Đức Thế Tôn không bằng họ. Và cơn sấm động, sóng giạt kia... cũng chính là của chân sư, giáo chủ của họ đấy thôi.

- Tâu, đại vương! Đỉnh Hy-mã-lạp-sơn cao ngất tầng mây, ngự giữa hư không một cách uy nghi, đỉnh đặc, không núi nào có thể so sánh được. Nhưng đến gần ta có thể thấy rõ cả hàng ngàn đỉnh núi to nhỏ nhấp nhô kéo dài, bao bọc xung quanh như một bức tường thành kiên cố của cõi trời. Ở đấy có những đỉnh núi rất có tên tuổi, có những đỉnh núi đá phát sáng rất có tên tuổi. Lại có những khu rừng trầm, rừng chiêm đàn, rừng đại thọ; có cả hàng trăm hàng ngàn hồ nhỏ nước trong mát như suối trời. Hàng trăm ngàn kỳ hoa, dị thảo, thuốc trường sinh, thuốc dưỡng nhau, thuốc dưỡng lão, thuốc hồi sức, thuốc sinh con... tất thảy đều có đủ....

Tâu đại vương! Đừng tưởng Hy-mã-lạp-sơn chỉ có một màu xanh của núi, hay màu trắng của tuyết, hay màu xám của mây trời! Không phải thế. Nhìn ngày, nhìn đêm, qua các thời khắc khác nhau; đôi khi Hy-mã-lạp-sơn có màu sắc của trời, màu của đêm hắc nguyệt. Thảng hoặc, nó như màu của hoa mạng sanh, có màu trộn lẫn giữa lam, tía thâm. Có khi lại giống màu nơi thân của chúa rồng xanh đậm. Lại có khi sáng trắng như sóng nắng tháng năm. Các đỉnh thấp, núi chấu, núi chắt ở xung quanh cũng biến hiện sắc màu huyền ảo như thế.

Và nơi đây là chốn dạo chơi của thần tiên, chỗ đàn ca xướng hát của càn thất bà. Các loại cần na la, phù chú gia tới lui rong chơi thoả thích. Ở đây cũng là quê hương của Kim xí điều, các loại rồng, a-tu-la và dạ xoa v.v... Và đúng là một quần cư rất thịnh mãn các chủng loại chúng sanh...

Đỉnh Hy-mã-lạp-sơn, hàng ngàn đỉnh núi to nhỏ khác cùng toàn bộ quần cư ấy được ví như pháp sơn vương mà Đức Thế Tôn đã kiến tạo. Vua núi pháp ấy

sừng sững, uy nghi, chói lọi giữa mười ngàn thế giới ta bà. Trên chóp núi vua pháp ấy là Tam tạng thánh điển, đồng thời, hiển lộ ba pháp giải thoát là không, vô tướng và vô tác. Hàng ngàn ngọn núi to nhỏ tạo nên thế liên hoàn của quần thể ấy, được ví các đại trưởng lão A-la-hán cùng chư tăng đắc từ đệ nhất quả đến đệ tứ quả; đồng thời cũng là những bậc làm pháp sư, giảng sư; bậc nâng đỡ tạng kinh, tạng Vi diệu pháp, tạng luật; các bậc đầu đà khát thực, bậc thiếu dục, tri túc, bậc đắc tam minh, bậc đắc tuệ phân tích, bậc thành tựu ba-la-mật tuệ, bậc đệ nhất nhãn nhục, bậc đệ nhất tinh tấn, bậc đệ nhất độc cư, bậc đệ nhất thiên định, bậc đệ nhất thiên nhãn, bậc đệ nhất đa văn, bậc đệ nhất thuyết pháp, bậc đệ nhất đầu đà v.v... Còn nữa, các khu rừng trầm hương, rừng chiên đàn, rừng đại thọ... ấy là gì? Là vô lượng giới đức, định đức ở đây, hoặc ngạt ngào hương thơm hoặc vững chãi kiên cố để cho muôn loại chúng sanh được chỗ che và được hưởng bóng mát. Vô lượng nước trường sanh, thuốc dưỡng sức, thuốc dưỡng lão, thuốc dưỡng nhan, thuốc sinh con... ấy là gì? Là vô lượng pháp môn tùy căn tánh, trình độ của chúng sanh, đến đây để thu hái lợi ích cho chính mình.

Tâu đại vương! Có lẽ ngoại đạo bảo rằng, họ cũng có pháp sơn vương hùng vĩ cùng quần cư thanh tịnh như thế? Đúng, họ cũng có sáu mươi hai đỉnh núi tà kiến, phiền diện, một chiều đã được Đức Tôn Sư điểm mặt trong kinh Phạm võng. Đức Thế Tôn đã bủa bằng một chiếc lưới lớn, vớt tất cả tà kiến ấy quăng lên bờ và không một chú cá nào thoát khỏi. Sáu mươi hai luận thuyết kia làm sao đứng vững trước cái thấy biết toàn diện của Đức Đạo Sư? Đại vương cũng đã từng đi tham vấn với các tông phái ấy, lẽ ra đại vương hiểu rõ trình độ kiến giải của họ ngang đâu, đã có thể so sánh với ngọn núi pháp của đại vương chưa, mà dám ví mình là pháp sơn vương như Đức Phật!

Đức vua Mi-lan-đà nói:

- Cái điều định hỏi, trăm chưa hỏi mà đại đức đã trả lời rồi. Quả là biển thế gian và núi pháp kia, các bậc giáo chủ của ngoại giáo cũng đã từng ví về mình. Nhưng trăm còn muốn biết đại vương còn ví dụ nào nữa chăng?

- Có thể được, tâu đại vương! Ví như sau những ngày nắng hạn, một trận mưa lớn rơi xuống. Trước khi mưa, trên trời có những đám mây quần tụ hoặc có những đám mây lượn quanh như dây chuyền, có những khoảng sáng rực và có những sắc màu chói chang! Từ hư không, những làn gió mát mẽ quạt tới, phát phới những đóa hoa trời. Có những âm thanh dội vang như voi rống, ngựa hí, cộp gầm... làm chao đảo không gian. Từng lần điện chớp ngang dọc như xé rách

bầu trời. Hằng trăm thứ chim bay liệng tứ tung. Mọi người tụ họp vui tươi hoan hỷ. Mây kéo về thêm nữa, màu sắc thay đổi nữa, hoặc xanh hoặc vàng, hoặc đỏ hoặc trắng, màu hoa cà lẫn lộn màu chim phượng hoàng, màu hồng thắm lẫn lộn màu trái đào tiên. Nhạc trời trỗi khúc ca tấu tưng bừng... Mưa rơi xuống. Mưa rơi khắp thế gian từng trận, từng hồi, ào ào, tuôn chảy đầy nương rãnh, suối khe, giếng to giếng nhỏ, hồ lớn, hồ nhỏ... cỏ cây thắm, đất thắm. Dòng sông hào sảng nước, biển mênh mông nước. Tất cả đều xanh tươi, nảy lộc, đâm chồi. Tất cả đều sanh trưởng no vui, thịnh mãn...

Tâu đại vương, trận mưa ấy được ví là *trận pháp vũ* của Đức Thế Tôn, đã rơi xuống trần gian này sau mấy triệu năm. Con pháp vũ ấy đã thấm vào vô lượng chúng sanh trời người; nảy lộc đâm chồi đạo quả, no vui hỷ lạc, thịnh mãn phước báu, sanh trưởng đức tin và trí tuệ; tẩy sạch bụi bặm cấu uế, dập tắt lửa tham sân, phiền não...

Tâu đại vương! Không cần phải nói hết ra đây diệu dụng của cơn pháp vũ ấy. Chúng ta không muốn trùng lập văn tự, trùng lập ngữ nghĩa, trùng lập chi pháp. Nhưng quả thật là rõ ràng, khi nước từ bi ấy chảy tràn qua lịch sử, chảy qua các quốc độ, chảy qua thời gian; để chánh pháp có mặt ở đâu thì ở đó không có hận thù, oan trái, kẻ cướp buông đao, hung dữ mỉm cười và tình tương thân tương ái, thuận hòa làm mát mẻ trái tim, làm phơi phới lòng người!

Vậy do đâu mà nước cam lồ bất tử ấy có mặt hôm nay? Ngoại đạo chăng? Chính thể vương pháp của đại vương chăng?Ồ! Đại vương bảo rằng trong quốc độ của đại vương có thứ nước ấy à? Nhưng xin hỏi đại vương lấy thứ nước ấy ở đâu? Ý bàn tăng hỏi là hỏi tận suối nguồn?

- Quả là từ Phật, từ cơn pháp vũ năm xưa ấy!

-Ồ! Té ra Đức Phật có mặt thật rồi!

- Thật ra, trăm chỉ hỏi cho hết mọi lý do, mọi hoài nghi có thể. Chứ Đức Phật đang thờ kia, lịch sử kinh sách đang còn đó, chánh pháp đang được giảng nói đến tận hôm nay - thì làm sao có thể phủ nhận Đức Phật lịch sử của chúng ta được!

- Đại vương nói "*chúng ta*"? Nghĩa, chúng ta là Phật tử?

Đức vua Mi-lan-đà cười ha hả:

- Thôi! Trăm đồng ý là có Đức Phật rồi mà!

- Đại vương có muốn nêu ra ví dụ nữa chẳng?

- Nếu đại đức còn ví dụ thì trăm vẫn muốn nghe như thường!

- Vâng. Có một con voi chúa tên là Chaddanta, cao thượng hơn các voi. Nó có thân hình cao đến bảy hắc tay, dài đến chín hắc tay, có trang sức buộc đeo đến mười điều. Voi chúa ấy có mắt trắng, đuôi trắng, móng cũng trắng; có lọng trắng, bành trắng và thân trắng như màu mây trời. Tám lưng của nó đầy đặn như tám phần, các chi thể múp múp, bắp thịt no tròn. Nó to cao xinh đẹp như một quả đồi với cây cối non tơ óng óng, có ngà trắng bóng trông như ngọc chuốt. Voi chúa ấy có sức mạnh kinh người, có thần lực tuyệt hảo, vô địch chốn sơn lâm. Nó đi đơn độc rừng cao rừng thấp, hướng này hướng kia một cách vô bố, vô úy, đỉnh đạc và cao sang. Nó đi đâu, hướng nào, thì ở đấy cây cối bị dẫm nát, bật gốc. Nó lấy vòi quăn những cây thân mềm, nhỏ ăn. Nó lấy chân đạp oằn xuống những cây thân mộc làm vương lồi đi. Dấu chân của nó rất to lớn, hằn sâu trên lớp đất cứng, thành hố ở các lớp đất mềm...

Chỉ nhìn nơi nào cây cối ngã đổ chông chênh và dấu chân phi thường còn lưu lại dấu tích, ai cũng có thể xác định đấy là do tượng vương Chaddanta làm ra, tượng vương Chaddanta là thủ phạm.

Cũng như thế đó, tâu đại vương! Nhìn lộ trình đi, nhìn dấu chân để lại ai cũng biết đó là tượng vương Chaddanta - thì nhìn lộ trình trải qua lịch sử, thời gian và những di tích để lại như chùa chiền, tượng đài, kinh sách... ai cũng có thể nhận ra dấu chân vĩ đại của Đức Phật Thích Ca. Còn hơn thế nữa, dấu chân phi thường ấy lại huy hoàng ẩn tích ở ba cõi. Nếu tượng vương trang điểm châu báu được mười điều thì Đức Thế Tôn có đến một trăm lẻ tám điều. Còn nếu so sánh với sự uy vũ và dũng mãnh như sư tử thì cứ so sánh. Nếu so sánh với bảo vật của những bảo vật thì cứ so sánh....

Ngoài ra, dấu chân của Đức Thế Tôn để lại còn là một gia tài tinh thần vô giá:

Một là, trên thế gian, có người làm lành lánh ác, thì ngài là người làm lành lánh ác đệ nhất.

Hai là, trên thế gian, nếu chưa có ai toàn thiện thì ngài là bậc toàn thiện.

Ba là, trên thế gian, nếu ai là người có huấn luyện lực căn, thì ngài là người huấn luyện lực căn đệ nhất.

Bốn là, trên thế gian, nếu ai là người có nguyện lực thì ngài là người có nguyện lực kiên cố đệ nhất.

Năm là, trên thế gian, nếu có ai là người tinh tấn thì ngài là người tinh tấn tối thượng.

Sáu là, trên thế gian, nếu ai là người có trí tuệ sáng suốt thì ngài là người đại trí tuệ.

Bảy là, trên thế gian, nếu ai là người có thần thông thì ngài là người có thần thông toàn mãn và siêu đẳng.

Tám là, trên thế gian, ai là người có danh vọng xán lạn thì ngài là người có danh vọng xán lạn và vô nhiễm.

Chín là, trên thế gian, nếu có ai là người oai lực thì ngài là người có oai lực tối thượng, vô khả tỉ.

Mười là, trên thế gian, nếu có ai là người giải thoát khỏi nỗi sợ hãi thì ngài là người giải thoát sợ hãi toàn diện và toàn vẹn.

Mười một là, trên thế gian, nếu có Tăng, hoặc nhóm đạo sĩ, hoặc bậc trí tuệ, hoặc Thầy, hoặc pháp vương, hoặc chư thiên, hoặc Đế Thích, hoặc phạm thiên... thành tựu nhiều đức lành, thành tựu nhiều pháp; rành rẽ mọi điều, có bi định - khả dĩ làm nơi nương nhờ, nơi nương gá, thành tựu ước nguyện cho nhiều người - thì Đức Thế Tôn còn vô lượng pháp, vô lượng đức hơn thế.

Tâu đại vương! qua chứng tích vĩ đại như thế thì dấu chân của Đức Tôn Sư có ai là người so so sánh được nhỉ?

- Thưa, vâng!

- Đức Thế Tôn vốn thuộc giống dòng Thái dương, là Thái tử cành vàng lá ngọc, là bậc vương giả ở thành Ca tỳ la vệ; ngài đã từ bỏ cung vàng hoa lệ, vợ đẹp, con xinh, ngai vàng và bảy báu... trốn vào rừng sâu sống đời đạo sĩ nghèo nàn. Bắt đầu từ đạo ấy, dấu chân của ngài mở ra một lộ trình cho thế gian:

Thứ nhất, xuất ly, dứt bỏ, tầm cầu giải thoát.

Thứ hai, không lưu luyến, không hệ lụy gia đình, trần thế.

Thứ ba, sống đời cô độc, trầm tư, thiền định để diệt bỏ phóng dật, hôn trầm và hoại nghi.

*Thứ tư, dùng minh sát tuệ để tiêu trừ ngã chấp và tà kiến.
Thứ năm, đoạn lìa vô minh, ái dục.*

Từ đây lộ trình kia lại khai thông con đường bát tử, tức là Niết bàn, chấm dứt khổ đau, phiền não, giải thoát sinh tử luân hồi.

Dấu chân này tức Bát chánh đạo, tức là Thất giác chi! Nó rộng rãi, quang đãng và thanh tú, mỹ lệ:

*Ai nhìn xem cũng no mắt, hoan hỷ;
Ai nhìn thấy cũng vui mừng;
Đem lại tâm tư thái bình an lạc;
Làm cho không còn sợ hãi bất cứ điều gì;
Hơi thở cũng trở nên bình lặng, mát mẻ;
Đêm ngủ không còn mộng mị, giật mình;
No đầy, khoan khoái;
Là cảnh giới vững chắc, kiên định;
Là dấu chân của sự tiến hóa;
Đem lại danh vọng cao sang vô dục;
Đem lại sức mạnh, sắc đẹp, tài sản;
Thành tựu như ý nguyện mọi sở cầu.*

Còn nữa, dấu chân của Đức Chánh Biến Tri đã phủ trùm lên tất cả dấu chân chủ thuyết tà kiến của ngoại đạo; ở trên, ở cao và ở xa tất cả mọi dấu chân trần thế.

Bây giờ, ta hãy nhìn xem những dấu chân của sư tử, dấu chân của các loài rồng, dấu chân của bò chúa, dấu chân của dạ xoa, dấu chân của đức vua, dấu chân của các nhà uyên thâm phê đà, dấu chân của phạm thiên, dấu chân của người đã vắng lặng, những dấu chân của đạo sĩ, dấu chân của người trí tuệ, dấu chân của người chiến thắng, dấu chân của người quý báu, cao thượng, dấu chân của người tối thượng... có thể nào so sánh những dấu chân ấy với dấu chân Đức Tôn Sư: là dấu chân của bậc giải thoát hoàn toàn, bậc đại A-la-hán Vô sanh, thông suốt thế gian và siêu xuất tam giới?

Tâu đại vương! Nói tóm lại, tất cả mọi dấu chân trên trần thế, dù cụ thể như dấu chân của voi chúa Chaddanta, dù trừu tượng như dấu chân của đức vua... cũng nằm trong lẽ thịnh suy, còn mất, sinh diệt. Thời gian sẽ phủ mờ, tuế nguyệt sẽ làm cho tiêu vong, vô thường sẽ làm cho biến hoại. Nhưng dấu chân của Đức Đạo Sư - dù chỉ có Thất giác chi này thôi - cũng đã là dấu chân miên tồn trên

thời gian và lịch sử, cùng tồn tại với chánh pháp nhiều ngàn năm chẳng thể phai mờ, tâu đại vương!

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Thế là đã hết kiểu ví dụ, hết cách ví dụ rồi - phải không đại đức?

- Bàn tăng còn muốn nói về con sư tử chúa nữa, không biết đại vương đã mệt mỏi chưa?

- Thưa, thân đã mệt nhưng tâm thì vẫn còn muốn nghe!

- Vậy thì bàn tăng xin được tiếp tục. Chắc đại vương cũng đã có nghe về vóc dáng uy mãnh và tập tính kỳ lạ của loài sư tử chúa? Nó có thân hình khô vĩ, dáng dấp đỉnh đạc, quý phái và cao sang. Nó cao to và đẹp đẽ như vàng mặt trời. Chùm lông cổ của nó dày mịn như quần mườì vòng khăn len màu nhung sẫm. Lông mọc xoay quanh thân hình nó như bao phủ những lớp mây xoắn. Nó vững chắc như cây cột trồng. Nó khí thế hùng hực như miệng núi lửa. Nó chẳng sợ ai và cũng chẳng ai dám làm hại nó. Nó có sức mạnh của vài chục viên lực sĩ cộng lại. Nó nhanh nhẹn như mũi tên vọt khỏi cây cung. Hằng trăm loại thú rừng thấy dấu chân nó tim đều thót lại; và khi gặp mặt nó thì bốn chân sụm xuống, sợ hãi nằm im cho nó thò móng xé xác ăn chơi. Thịt mềm và thơm nó mới xài. Thịt dai và hôi nó chê! Về một con thú, ăn xong là bỏ, chẳng thèm đụng đến thịt dư! Nước trong mới uống, nước đục không uống. Thế đó, nó làm như nó là ông hoàng, bà chúa! Nhưng là ông hoàng bà chúa độc cư trong những khu rừng thanh vắng. Vào lúc trời chiều mát mẻ, gần hoàng hôn, sau khi lui tới xem xét bốn hướng, nó mới vào ẩn chốn hang sâu.

Rồi, buổi sớm mờ sương, nó vươn vai đứng dậy, cất tiếng rống "*sư tử hồng*" làm oai với vạn loài. Mặt đất rung động, núi đồi chao đảo, lá rụng ào ào, chim bay trên không cũng rớt xuống, mọi loài khiếp sợ, run lẩy bẩy...

Tâu đại vương! Đây là vóc dáng, tập tính và uy lực của loài sư tử chúa vậy.

Đức vua Mi-lan-đà gật đầu:

- Đại đức muốn ví với Đức Thế Tôn chăng?

- Đúng vậy. Đức Đạo Sư cũng thuộc giống giống quý phái cao sang. Ngài có thân hình khô vĩ, đẹp và sáng ngời như một cái tháp bạc. Ngài như từ cái động vàng của cõi trời bước ra. Ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp còn triệu triệu lần ba la mật vi diệu hơn chúa sư tử súc sanh kia!

Tất cả từ nơi Đức Thế Tôn đều tỏa ra sự vững chắc, kiên định, trầm tĩnh, khoan thai, chùng mực, mềm dẻo, nhu hòa... mà sức mạnh thể chất và tinh thần thì ba giới bốn loài đều phải sợ oai! Khi ngài trú không định, vô tướng định... thì như ở ẩn vào một hang sâu ngoài trái đất; không ai có khả năng tìm ra dấu vết dù ma vương, dù người, trời, các bậc A-la-hán có thần thông tối thượng. Khi ngài trú từ bi định thì làn sóng mát mẻ từ nơi ngài tỏa ra mười phương tám hướng, bao phủ vô biên khắp các cõi. Ai cũng dịu hòa, thơ thới; ai cũng hoan hỷ, thanh lương...

Thỉnh thoảng, ngài cũng vươn vai đứng dậy, cất tiếng "*sư tử hồng*" làm cho sáu mươi hai tà kiến và ma vương run sợ; tâm ba-la-mật, giải thoát ba-la-mật của ngài bao phủ trên vòm trời như chiếc lưới vĩ đại, không có một "*kiến*" nào được thoát ra, không có một nguy hiểm nào không bị vây chặt, không có một cuộc đối đáp nào không bị bật tiếng! Các bậc thuở đó như:

Purànakassapa,
Makkhaligosàla,
Ajītakesakambala,
Bakuddhakaccàyana,
Sanjayabelatthaputta,
Niganthanàtaputta,

nếu không thật cổ, im hơi thì cũng lý luận trườn uốn; không chơi trò nói xấu sau lưng thì cũng giả vờ xun xoe trước mặt! Khi tiếng sư tử hồng của Đức Thế Tôn vang động giữa các hội chúng bà-la-môn, thì sáu mươi hai loại triết học đương thời không còn đứng vững; tan tác xiêu ngã như bị một cơn bão lốc; không bậc gốc thì cũng gãy cành, cụt đọt, lá rụng tươi rời. Trái lại, những người có thiện duyên, túc duyên thì hớn hở ngưỡng mộ, phát tâm trong sạch, quy y chánh pháp, về nương tựa nơi cõi bồ đề.

Tâu đại vương! Gọi là oai lực của Đức Thế Tôn cũng được, gọi là dấu chân của Đức Thế Tôn cũng được, mà gọi là sư tử hồng cũng được. Tùy. Nhưng rõ ràng, uy lực ấy là vô thượng, dấu chân ấy là vô thượng, mà sư tử hồng ấy cũng là vô thượng vậy. Ai còn dám không tin sự hiện hữu của Đức Thế Tôn, hủ đại vương?

- Thế là hết ý nghĩa, cùng tận ví dụ rồi, đại đức!

- Tâu, còn nữa. Ví như con sông đại Hằng vào mùa nước lũ, từ đỉnh cao tuyệt lãnh âm ào, cuồn cuộn lao qua thác ghềnh, khe, suối; cuốn theo mình nó biết bao nhiêu là gốc cây, cành nhánh lá, rác rêu, tổ kiến, tổ ong, lau sậy, tre nứa... về nơi biển cả. Và thế là cọp, beo, trăn, gấu, chồn, thỏ, hươu nai... sợ hãi chạy trốn lên

sườn cao. Khi lũ tan, sông lặng; người ta chỉ nhìn dấu rêu, dấu cỏ dính trên ngọn cây, là có thể biết cơn lũ bao lớn và biết nước dâng cao mấy chục hắc tay...

Cũng tương tự như thế đó, tâu đại vương! Chỉ nhìn bao nhiêu tà kiến, ngu muội, xấu ác, bợn nhơ, rác rêu cấu ứ, lau sậy ươn hèn, cành tham, gốc sân, tổ ngã chấp, tổ si mê... theo dòng mà trôi đi...; chỉ nhìn các tà sư, giáo phái chủ, giáo phái sư, tổ sư, chân sư, bùa chú gia, tế tự gia, triết học gia... sợ hãi chạy trốn tan tác chỗ này chỗ kia - là có thể biết cơn lũ chánh pháp vừa đi qua đời này như một dòng chảy đại hồng và vô úy! Khi mà tất thảy đã trôi về đại dương, biển cả sẽ tự làm thanh khiết chính mình, bèn quăng lên bãi tất cả những vật dơ ứ, bất tịnh. Còn lại, muôn đời, vẫn là biển pháp trong sạch, thiêng liêng, dành cho tất cả chúng sanh hữu duyên nhơn nhơ bơi lội, tha hồ rong chơi..!

Đại vương! Biển pháp mênh mông ấy là gì, có lẽ, chúng ta cũng không nên giải thích hoặc ví dụ rườm rà nữa, có phải vậy chăng?

- Vâng, trăm hiểu rồi! Vốn liếng một lần trăm tiếp thu từ buổi vấn đáp hôm nay, đủ sức cho trăm xài mười năm để luận thắng bọn môi mép tà ma! Ngài không cần nói thêm gì nữa. Thâm tạ! Thâm tạ!